

*Dịch giả :* **TRẦN DUY BÌNH**  
NGUYỄN TRƯỜNG BAN KHẢO THÍ  
HỘI Y DƯỢC VIỆT NAM

# **Y - HỌC**

醫 學

**TAM TU' KINH**  
三 字 經

QUYỂN I



· CHÂN DUNG DỊCH GIẢ

醫 學  
**Y - HỌC**

三 字  
TAM - TỰ

經  
KINH

**Quyển I**

Đệ Tử Thanh - Y  
PHẠM-HỮU-TRẠI phụng-blên

*Người dịch :* LÃO-Y  
**TRẦN - DUY - BÌNH**  
Nguyên Trưởng Ban Khảo Thí của hội  
**Y - DƯỢC VIỆT - NAM**

## TỰA

Cụ TRẦN-DUY-BÌNH, tuy đã cao niên, nhưng không lúc nào là không nghĩ đến nâng cao y-nghiệp và phục vụ đồng bào. Năm 1952, một mình Cụ xông pha đất Bắc, tạo dựng nên Tổng-Chi Bắc-Việt của Hội Y-Dược Việt-Nam với những tay kiện tướng. Cụ làm cố vấn Ủy ban Trung-ương của Hội với óc sáng suốt và tấm lòng trung trinh. Cụ lại làm Trưởng ban Khảo thí cho Hội Y-Dược Việt-Nam trong hai năm 1954 và 1955.

Ngoài ra, Cụ không ngớt dạy học trò đề nổi nghiệp Cụ. Có nhiều người đã thành công rực rỡ.

Hôm nay, Cụ trao cho tôi quyền sách Y-Học Tam-Tự-Kinh mà ông Thanh-Y PHẠM-HỮU-TRẠI có công ghi chép khi nghe Cụ giảng dạy. Cụ bảo tôi đề tựa giùm. Tôi nghĩ rằng quyền này không cần tựa nữa, nhưng cũng nên nhắc lại với anh em một giai thoại của quyền sách ấy.

Ông TRẦN-TU-VIÊN, một vị nho y giữa đời nhà Thanh (ngang triều Gialong), vốn xuất thân trong đường khoa-nghiệp mà đem sở học của mình phụng sự đặc lực cho y-học. Ông có soạn ra bộ Y-Học Tam-Tự-Kinh, gồm hơn 700 câu thơ văn 3 chữ, dễ học, dễ nhớ và bao quát rất nhiều vấn đề.

Nhưng muốn cho quyền ấy ai ai cũng mê đọc, và muốn tránh khỏi cái thói dèm sièm của những kẻ không phục tài của bạn đồng nghiệp đương thời. Ông bèn thác danh là ông DIỆP-THIÊN-SĨ là thánh-y và đã mất mấy mươi năm về trước. Sau khi đắc kỳ sở nguyện, ông TRẦN-TU-VIÊN bèn làm bài tựa cho quyền ấy và nói rõ lại chính là tay ông đã làm ra.

Giai thoại kể trên chứng tỏ rằng quyền Y-Học Tam-Tự-Kinh đã được nhiều người mê đọc và truyền tụng. Ngày hôm nay, tôi chắc nó sẽ được các bạn đồng nghiệp hoan nghinh, thì công phu của Cụ TRẦN-DUY-BÌNH ắt không phải là phi vậy.

*Nay kính tựa*

NGUYỄN - VĂN - BA

Chánh Hội Trưởng  
HỘI Y-DƯỢC VIỆT-NAM

## Lời nói đầu

Lên núi mới thấy núi là cao, ra biển mới thấy biển là rộng, học nghề thuốc cũng như núi cao biển rộng, không biết sao cho cùng.

Thánh nhân đời xưa trị thiên hạ mà vẫn lo đến tính mạng dân, bởi vậy vua Thần-nông nếm các thứ cỏ cây phân ra từng tính để trị bệnh, nên mới có bộ Thần-nông bản-thảo ra đời vua Hoàng-đế với ông Kỳ bá, vua tôi vẫn đáp đề rõ về y lý để trị bệnh, nên mới có bộ Hoàng-đế nội kinh ra đời, kế sau có bộ Nạn-kinh của ông Tân-Việt-Nhân hiệu là Biển - Thước ra đời thuyết minh về y đạo và sưu tầm bổ thêm vào chỗ Tiên - Thánh chưa nói tới. Đến đời Hán có cụ Trương-trọng-Cánh hợp của các Tiên - Thánh lại đề minh thêm về y đạo. Y đạo từ đó rõ rệt như ban ngày, nên mới có bộ Thương-hàn Tạp-bệnh-luận ra đời trị lao bệnh nhân, bệnh nào thuốc ấy, hiệu nghiệm như đui với trống, đui đánh thì trống kêu, thế mới biết các bậc Thánh đời xưa từ vua đến quan đều coi tánh mạng của dân làm trọng, là vì nước phải có dân, dân mạnh thì nước mới giàu.

Nước ta về đời nhà Trần, có cụ Tuệ-Tĩnh, đời nhà Lê có cụ Hải-Thượng-Lân ông nghiên cứu theo phương pháp cổ truyền đã từng khởi từ hồi sanh biết bao nhiêu người, kẻ như vậy về học thuật Y-khoa ở phương Đông ta có phải là hèn là dở đâu, chỉ vì ta

không lưu tâm về Y-đạo cho là mạt nghệ, chỉ chăm chú về khoa cử để ra làm quan, tức là vinh thân phì gia rồi. Đến hồi thực-dân Pháp sang đô hộ nước ta ngót 80 năm, ý muốn tiêu diệt thuốc ta để tiêu thụ thuốc của họ, phần họ thấy nhiều người không biết đọc biết viết mà cũng ra làm thầy nên họ khinh bỉ nghề thuốc của ta, không có hệ thống, không có học thức, mà họ khinh bỉ cũng phải, vì họ học thuốc có trường học, có chuyên khoa.

Nhân khi tôi dạy học trò học thuốc, tôi đem bộ Y-học Tam-Tự-kinh của ông Trần-tu-Viên ra dạy, thấy giản dị mà nghĩa lý rất cao sâu, có thể giúp cho người làm thuốc đã lâu coi lại thêm tinh, mà người mới học thuốc có thể biết phương châm mà trị bệnh khỏi sai lầm, vậy nên tôi bắt học trò chép ra rồi tôi sửa lại đem ra xuất bản làm hai quyển thứ nhất và, thứ nhì để cống hiến cho chư vị quân tử, mong rằng có chỗ nào sai lầm xin chỉ giáo cho thì lấy làm may mắn lắm.

Viết tại Thủ đô SAIGON, ngày 10-6-1958  
tức là ngày 23 tháng Tư năm Mậu-Tuất

LÃO-Y TRẦN - DUY - BÌNH

biệt hiệu THI MINH-TỬ

NGUYỄN TRƯỞNG BAN KHẢO THÍ CỦA  
HỘI Y-DƯỢC VIỆT-NAM TOÀN QUỐC

## PHỤ ĐỀ ÂM DƯƠNG

### HIỂU ĐƯỢC MỘT CHỮ CÓ THỂ LÀM THUỐC ĐẶNG

Có người khách hỏi tôi rằng : « Đạo làm thuốc, xưa thánh-nhơn rõ được huyền-bí của trời đất ; đoạt được quyền tạo hóa, cứu người chết sống lại. Nếu không đọc hằng ngàn quyển sách, tham thấu cái lẽ của mọi sự mọi vật thì không thể được như vậy. « Ngày nay có người không thông nho mà chữa được bệnh, nổi được tiếng tăm là tại sao vậy ?

Tôi đáp rằng : » Giữa khoảng trời đất có lý và số, lý có thể thắng số. Nên những thầy có học văn thời xa gần ai cũng kính trọng, mới có thể trọn được đạo cứu người. Như cụ TRỌNG-CẢNH là bậc thánh của nghiệp y mà thời ấy có ai biết ? xem vào bài tựa Thương-hàn-Luận của ngài thời rõ.

Cũng như đức TUYÊN-THÁNH (Khổng-Tử) đeo hai chữ Tổ-Vương đến trọn đời, đó là ý trời muốn đề ngài truyền đạo tới muôn đời chứ không muốn cho ngài đặc dụng trong một thời.

Sau cụ TRỌNG-CẢNH có những bậc hiền ra đời, đều là không đặc chỉ ở đời, mới đóng cửa viết sách đề làm kế truyền đạo về sau. Trong sách của ông Dụ-Gia-Ngôn, Vận-Bá vì nổi cảm giận mà bày tỏ những nỗi bất bình, đó là cái lý, số có thể nói được mà cũng không thể nói được.

Ngày nay nghiệp y chẳng kể người thông nho mới học được, chỉ cần biết chữ thì làm thầy thuốc được, cũng không kể người biết chữ nhiều hay ít, chỉ cần hiểu được một chữ là có thể làm thầy thuốc được.

— Ông khách hỏi : chữ nào vậy ? có phải chữ đinh (丁) không ?

— Tôi đáp rằng : Nó cũng giống như vậy. Không nó đâu xa nó tức là chữ nhơn. (人)

Người ta bởi âm tinh, dương khí hợp thành ; tả là dương, bên tả một phẩy là ngôi dương ; hữu là âm, bên hữu một móc là ngôi âm. Người viết sách gặp nét phẩy tự nhiên nhẹ tay phẩy một cái, dương chủ về khí ; khí thời phải nhẹ trong. Gặp nét móc tự nhiên nặng tay nhấn một cái, âm chủ về tinh, tinh thì phải nặng đục.

Hai nét ấy không bao giờ lia nhau, tức là đạo của âm dương căn cứ với nhau. Hai nét ấy mỗi nét đều có địa vị riêng tức là đạo âm dương đối đãi với nhau, như nét phẩy, ở bên tả mà không thể đem qua bên hữu được ; còn nét móc ở bên hữu mà không thể đưa qua bên tả được, đó là đạo âm dương không thể lẫn lộn được.

Bên tả nét phẩy trước nặng tay rồi sau nhẹ tay là muôn vật sanh ở thủy, tức là nghĩa nam nữ cấu tinh muôn vật hóa sanh bởi âm và dương.

Bên hữu nét móc trước nhẹ tay, sau nặng tay là hình sanh ở khí, tức là nghĩa « Đại tai càn ngưng nãi thống thiên, chí tai khôn ngưng nãi thuận thừa thiên » dương gồm cả âm vậy.

Hai nét ấy hợp lại thành chữ nhơn (người) cái nghĩa hợp ấy trong sách thuốc gọi là bảo, trong Chu-Dịch gọi là giao, giao thời là thái vậy.

Ta thử lấy hình ảnh con người mà nói : dưới mũi trên miệng có một đường rãnh, huyết ấy gọi là nhơn-

trung, nghĩa là thân người ở giữa khoảng trời đất. Khí của trời thông ở mũi, khí của đất thông ở miệng.

Trời nuôi người ta lấy năm khí thì mũi hút lấy, đất nuôi người ta lấy năm vị thì miệng ăn lấy. Cái huyết ở giữa khoảng mũi và miệng ấy, cho nên gọi là nhơn-trung.

Từ nhơn-trung trở lên mắt, mũi, tai, đều hai lỗ cả, tức là chẵn. Từ nhơn-trung trở xuống miệng và nhị tiện đều một lỗ cả, tức là lẻ. Trên ba gạch chẵn tức là âm, dưới ba gạch lẻ tức là dương, lấy nghĩa địa thiên hợp thành quẻ thái. Vậy hình ảnh bên ngoài cũng phải hợp âm dương mới thành người.

Phương chi cái lý người ta sở sanh, cái nghĩa làm người rất lớn thay !. Nếu gặp các thầy thuốc hỏi một chữ đó đầu người có xe ngựa lộng-lấy tự phụ là lương-y cũng không biết một chữ đó.

Ông khách nghe tôi nói rồi bèn cười xà bỏ đi.



## CHƯƠNG

# 醫 學 源 流

## Y - HỌC NGUYÊN - LƯU

醫之始本岐黃 (Y chi thủy, bản Kỳ-Huỳnh) Tờ nghề thuốc gốc từ ông Kỳ, ông Huỳnh.

Huỳnh tức là vua Huỳnh-Đế, Kỳ tức là bầy tôi Kỳ-Bá ; vua tôi vấn đáp để biết rõ nguồn gốc của kinh lạc, tạng phủ, vận-khí và trị bệnh. Cho nên người ta gọi hai ông ấy là tổ của nghề thuốc. Tuy bộ bản kinh của Thần-Nông đã có trước đời Kỳ-Huỳnh, nhưng về lý lẽ mầu nhiệm, dùng thuốc thì có trước từ bộ Nội-Kinh của ông Kỳ, Huỳnh.

靈樞作素問詳 (Linh Khu tác, Tố-Vấn tường) Bộ Linh-Khu làm ra, bộ Tố-Vấn tỏ ra.

Linh-Khu có chín quyển, Tố-Vấn cũng có chín quyển, gộp lại tức là Nội-Kinh. Hán thư Nghệ-Văn-Chí chép rằng : « Đó là mười tám thiên của bộ Huỳnh-Đế Nội-Kinh. » Bộ Nội-Kinh này của nghề thuốc cũng như bộ Ngũ-Kinh của nghiệp nho.

難經出更洋洋 (Nạn-Kinh xuất, cánh dương dương) Bộ Nạn-Kinh ra đời lại càng rộng rãi lên.

Dương dương là thịnh đại ; bộ Nạn-Kinh có tám mươi một chương làm cho rõ thêm ra ý nghĩa của bộ Nội-Kinh chưa nói tới, cũng có chỗ không hợp với Nội-Kinh.

Bởi thời ấy cách đời xưa chưa xa mấy mà có khảo cứu khác nhau chẳng ? Bộ Nạn-Kinh của ông Tần-Việt-Nhân hiệu là Biên-Thước người thời chiến quốc làm ra.

越漢季有南陽 (Việt Hán quý, hữu Nam-Dương) Cuối đời nhà Hán có người ở đất Nam-Dương.

Ông Trương-Cơ tự Trọng-Cảnh người ở Nam-Dương, làm quan Thái-Thú ở Trường-Sa viết ra bộ Thương-Hàn-Tập-Bịnh-Luận, Kim-Quĩ Ngọc-Hạp kinh.

六經辨聖道彰 (Lục kinh biện, thánh đạo chường) Sáu kinh biện rõ ra, đạo thánh càng tỏ ra.

Nội-Kinh nói rõ phép trị liệu bằng châm cứu. Cho đến đời ông Y-Doãn mới lập ra thang-dịch (thuốc thang). Ông Biên-Thước, ông Thương-Công nhưn theo, cụ Trọng-Sư tức Trọng-Cảnh mới viết ra bộ Tập-bịnh Thương-Hàn chuyên dùng về phương-dược mà trị, nhưng các phương ấy đều do kinh-phương của Thần-Nông, Huỳnh-Đế truyền lại, mới hợp thành rộng lớn hơn.

傷寒著金匱藏 (Thương-Hàn chúc, Kim-Quĩ tàng) Viết ra bộ Thương-Hàn, bộ Kim-Quĩ bí tàng.

Ông Vương-Khảng-Đường nói những nghĩa lý luận trong Thương-Hàn như con thần long khi ẩn khi hiện, đầu đuôi giao lại các vầy vầy rõ ràng lắm (ý nói rất hay, mà lại rõ ràng) Bộ Kim-Quĩ Ngọc-Hạp là quý báu bí tàng; còn các phương thuốc không phải của cụ Nam-Dương làm ra, là những phương của thánh-nhân đời xưa để lại, cho nên gọi là Kinh-Phương. Các vị thuốc đều do ở Thần-Nông bản-kinh; không có phương ấy thì không trị được bệnh ấy, không có thuốc ấy thì không thành phương ấy, đầu phương thời hiệu nghiệm như tiếng trống vang.

垂方法立津梁 (Thùy phương-pháp, lập tân lương) Để phương pháp lại, lập thành bờ bến.

Đức Trọng-Cảnh là bực thánh trong nghề thuốc ; nghiệp nho không thể bỏ sách của chí thánh để cầu đạo, nghề thuốc không thể ngoài sách của Trọng-Thánh để trị bệnh.

李唐後有千金 (Lý Đường hậu hữu Thiên-Kim)  
Sau nhà Lý Đường có bộ Thiên-Kim.

Ông Tôn-Tư-Mạo (Điều) người ở Hoa-Nguyên, ẩn dật ở núi Thái-Bạch viết ra bộ Thiên-Kim phương, Thiên-Kim Dược-Phương, tất cả có 1 chục quyển. Đến đời Tống-Nhơn-Tôn khiến ông Cao-Bảo-Hành và ông Lâm-Úc hiệu chỉnh lại, chia ra làm chín mươi ba quyển, so với bộ Kim-Quĩ có nhiều chỗ phù-phiểm lộn-xộn, nhưng dụng ý kỳ, dùng thuốc khéo. Thế cũng tự thành một Y-gia vậy.

外臺雜重醫林 (Ngoại-Đài kễ, trọng Y Lâm)  
Ngoại-Đài kễ tiếp, trọng về Y-Lâm.

Ông Đường-Vương-Đào viết ra bộ Ngoại-Đài-Lâm bốn mươi quyển chia ra 1104 môn, tôn phương của Sào-Thị là thứ sách bí truyền của nghề thuốc.

後作者漸浸淫 (Hậu tác giả, tiệm tầm dâm)  
Những người viết sách về sau này, lần, lần sai lạc.

Những sách thuốc về sau này, không thể coi được.

紅紫色鄭衛音 (Hồng tử sắc, Trịnh Vệ âm)  
Pha lộn sắc hồng, sắc tía, cũng như âm thanh của nước Trịnh nước Vệ.

迨東垣重脾胃 (Đài Đông-Viên, trọng tỳ, vị)  
Tới ông Đông-Viên trọng về tỳ, vị.

Ông Lý-Quả tự là Minh-Chí hiệu Đông-Viên lão nhơn, sanh đời nhà Nguyên, thọ được 72 tuổi làm ra Luận-Tỳ-Vị, Luận-Biến-Hoặc ; bộ Lan-Thất-Bí-Tàng, mới có mười bộ sách của Đông-Viên để lại đời sau.

溫燥行升清氣 (Ôn táo hành, thăng thanh khí)

Làm về mặt ôn táo, thăng khí trong lên.

Như bài Bô-Trung-Ích-Khí và phép thăng dương tán hỏa ; ưa dùng những vị Thương-Truật, bạch-truật, khương-hoạt, độc-hoạt, mộc-hương. trần-bì, cát-căn v.v.

雖未醇亦足貴 (Tuy vị thuần, diệc túc quý)

Dầu chưa được thuần túy lắm, nhưng cũng đủ quý.

Người ta bảo rằng : « ông Đông-Viên dùng thuốc cũng như Hàn-Tín dụng binh, ». quân nhiều chừng nào càng hay chừng nấy, nhưng có chỗ lẫn lộn mình phải nên hiểu biết. Duy lấy tỷ vị làm trọng.

若河間專主火 (Nhược Hà-Giản, chuyên chủ hỏa)  
Còn ông Hà-Giản, chuyên chủ hỏa.

Đời nhà Kim, ông Lưu-Hoàng-Tổ, tự là Thủ-Trinh, người ở đất Hà-Giản, những thuyết chủ về hỏa, bắt đầu từ ông Hà-Giản.

遵之經斷自我 (Tuân chi kinh, đoán tự ngã)

Theo ở kinh phán đoán tự mình.

Nguyên bệnh có 29 điều gốc ở Nội-Kinh : chí chân, chí yếu đại luận, phần nhiều lấy hỏa làm lập luận, mà không tham thấu kinh chí, như hỏa bình-khí gọi là thăng-minh (vừa phải), như hỏa thái-quá gọi là hách-hi (chói-lợi) nếu hỏa bất-cập gọi là phục-minh (yếu sáng) ? . Biện về các chứng hư thực cũng như băng, thán trái nhau vậy.

一二方奇而妥 (Nhứt nhị phương, kỳ nhi thỏa)  
Có một hai phương, kỳ mà ổn thỏa.

Như những phương Lục-Nhứt-Tán, Phòng-Phong Thông-Thánh, các phương ấy đều kỳ ( kỳ diệu) mà không lìa bỏ cái chánh vậy.

丹溪出平與儔 (Đan-Khê xuất, hãn giữ trù)  
Tới ông Đan-Khê ra, ít có người bì kịp.

Đời nhà Nguyên, ông Châu-Chấn-Hanh, tự là  
Ngoạn-Tu, hiệu là Đan-Khê, người ở Kim-Hoa, ông này  
lập phương đối với các nhà cao hơn một bậc.

陰宜補陽勿浮 (Âm nghi bổ, dương vật phù)  
Chân âm nên bổ, chân dương chớ nên phù uiệt.

Tâm pháp của ông Đan-Khê bổ âm làm chủ, ông  
bảo rằng : » dương thường có thừa, âm thường không  
đủ. » Chư gia cho rằng : ông nói không đúng, họ nói  
rằng : » người ta sống là nhờ khí của trời đất (nhơn đắc  
thiên địa chi khí) để sanh ra cái khí, có sanh, tức là dương  
khí, tinh huyết đều hóa sinh vậy. »

雜病法四字求 (Tạp bệnh pháp, tứ tự cầu)  
Phép trị tạp bệnh, cầu ở bốn chữ.

Bốn chữ ấy là khí, huyết, đàm, uất, hết thấy tạp bệnh  
chỉ lấy bốn chữ ấy mà trị. Như về *khí*, dùng bài Quân-  
Tử thang ; *huyết*, dùng bài Tứ-Vật thang ; *đàm*, dùng  
bài Nhị-Trần ; *uất*, dùng bài Việt-Cúc, xoay sở thường  
dùng các phương ấy rất hay.

若子和主攻破 (Nhược Tử-Hòa, chủ công  
phá) Còn ông Tử-Hòa, chủ công phá.

Ông Trương-Tử-Hòa, trong sách của ông phần nhiều  
chủ về các vị như : Đại-Hoàng, Phác-Tiêu, Khiên-Ngưu,  
Ngươn-Hoa, Đại-Kích, ý ông cho phải đuổi tà đi, thì  
chính mới an, chớ sợ công mà nuôi bệnh.

中病良勿太過 (Trúng bệnh lương, vật thái-quá)  
Trúng bệnh thời thôi, chớ nên thái-quá.

Phương pháp của ông Tử-Hòa, những thực chứng  
không bỏ được, nhưng trúng bệnh thời thôi liền, không nên

uống nữa, nếu thái quá thì ngọn-khí sẽ theo tà-khí mà đi, cứu không kịp nữa.

四大家聲名噪 (Tứ đại gia, thịnh danh tảo)  
Bốn đại gia, tiếng lừng lẫy.

Ông Lưu-hà-Giản, Trương-Tử-Hòa, Lý-Đông-Viên, Châu-Đan-Khê, thời kim nguyên gọi là tứ đại gia rất giỏi về nghiệp y.

必續書錯名號 (Tất độc thơ, thác danh hiệu)  
Sách Tất-Độc lộn danh hiệu.

Lý sĩ-Tài Y-Tôn, Tất-Độc, tứ đại gia luận lấy họ Trương cho là Trương-Trọng-Cảnh thế là lầm lẫn, cụ Trọng-Cảnh là bậc thánh của nghiệp Y. Các ông đó so sánh làm sao được.

明後須酌量 (Minh dĩ-hậu, tu chức lượng)  
Từ nhà Minh trở về sau, phải nên lựa chọn.

Từ nhà Minh về sau nhiều sách thuộc ra đời, có coi cho rộng kiến văn, hay thời theo, dở thời bỏ, chớ không phải sách nào cũng hay hết.

詳而備王肯堂 (Trương-nhi bị, Vương-khẩn-Đường)  
Nói rõ-ràng và đủ lẽ, ông Vương-Khẩn-Đường.

Ông Vương-Khẩn-Đường tự là Thái viết ra bộ Chứng-Trị Chuẩn-Thẳng, cũng có thể đầy đủ trông rùng thuốc.

薛氏按說騎牆 (Tiết thị án, thuyết kỵ tường)  
Y-Án của họ Tiết nói nước đôi (leo tường).

Đời nhà Minh ông Tiết-Kỷ hiệu là Lập-Trai, người Ngô-Huyện, làm ra bộ Tiết-Thị-Y-Án có mười-sáu (16) thứ, đại đề như Tứ-Quân-Tử, Lục-Quân-Tử, Tiêu-Diêu-Tán, Qui-Tỳ-Thang, Lục-Bát-Vị, đề chủ trị, mà lời nói nước đôi.

士材說守其常 (Sĩ Tài thuyết, thủ kỳ thường)  
thuyết của ông Sĩ-Tài, giữ mực thường.

Lý-Trung-Tử hiệu là Sĩ-Tài người quốc-triều, viết ra ba quyển Y-Tôn Tất-Độc Sĩ-Tài. Tuy lời nói sơ sai

đều giữ mực thường, nhưng người mới học không nên bỏ qua.

景兵出著新方 (Cảnh-Nhạc xuất, trước Tân-Phương) Ông Cảnh-Nhạc ra, viết bộ Tân-Phương.

Đời nhà Minh Ông Trương-giới-Tân tự là Hội-Khanh hiệu là Cảnh Nhạc người ở Sơn-âm viết ra loại kinh-Chất Nghi-Lục-Toàn Thư, dùng các phương không ngoài Tân-Phương Bát-Trân, nhưng thực ra không đủ gọi là danh phương, ngày xưa thánh-nhơn biết rõ máy tạo-hóa, hiểu cội gốc âm dương. Lập ra một phương không thể tưởng-tượng được, như lấy Thục-Địa bồ âm, Nhơn Sâm bồ dương, Khương, Phụ đuối lạnh, Cầm Liên trừ nhiệt. Nếu có mấy vị mà có thể gọi là danh phương, thì cần gì phải lập phương nữa.

石頑續溫補鄉 (Thạch-Ngoan tục, ôn bồ hương) ông Thạch-Ngoan tiếp, chuyên về mặt ôn bồ.

Ông Trương — Lộ tự Lộ-Ngọc hiệu Thạch-Ngoan. Người quốc-triều, viết ra bộ Y-Thông Lập-Luận phần nhiều lấy ôn, bồ làm chủ, theo phép của Cảnh-Nhạc.

獻可論合二張 (Hiển-Khả-Luận, hợp nhị Trương) Luận của ông Hiến-Khả, hợp với hai họ Trương.

Ông Triệu-hiến-Khả hiệu là Dương-Quy viết ra bộ Y-Quán-Đại-Chỉ trọng về Mạng-Môn. Cùng với phương-pháp của ông Trương-thạch-Ngoan, ông Trương-Cảnh-Nhạc giống nhau.

診脈法瀕湖昂 (Chẩn mạch pháp, Tần-Hồ ngang) Phép chẩn mạch, ông Tần-Hồ khá hơn.

Lý-Thời-Trân tự là Đông-Bích hiệu là Tần-Hồ viết bộ Bản-Thảo-Cương-Mục, có năm mươi hai quyển, tóm thâu các thuyết làm trái lộn với bản-kinh của Thần-Nông,

cưỡi quyền về mạch học cũng khá khá-nhiều thầy thuốc bây giờ lấy làm tôn trọng.

數子者各一長 (Số tử giả, các nhứt trưởng)  
Mấy ông đó mỗi người có một cái giỏi.

Các ông ấy mỗi người có một cái giỏi. Tuy vậy mình nên lựa chỗ giỏi mà theo.

揆諸古亦荒唐 (Quy chư cổ diệc hoàng đường)  
so với các thánh xưa cũng là hoang đường.

Lý thuốc không đúng với Nội-Kinh. Phép thuốc chưa rõ đạo Trọng-Cảnh, nếu may có đều trúng cũng không đổi qui củ ngày xưa được.

長沙室尚徬徨 (Trường-Sa thất, thượng bàng-hoàng) Học đạo của Trường Sa còn mơ màng, chưa hiểu thấu chân lý.

Mấy người ấy tuy gọi là tư-thực Trường-Sa (Trọng-Cảnh) nhưng ít có người hiểu thấu chân-lý của Trường-Sa.

惟韻伯能憲章 (Duy Vận-Bá năng hiến chương)  
Duy có ông Vận-Bá, theo được đúng phép.

Ông Từ-Khê-Kha-Cầm tự là Vận Bá người quốc triều, Viết Thường Hàn-Luận chú, thật là có công lớn với cụ Trọng-Cảnh mà lại rõ ra những bí chỉ ở trong bộ nội-Kinh.

徐尤著本喻昌 (Từ, Vu trước, bản Dự-Xương) ông Từ, ông Vu, viết sách đều gốc ở ông Dự-Xương.

Ông Từ-Bân hiệu là Trung-Khả, ông Vu-Di hiệu là Tại-Kinh hai ông ấy chú bộ Kim-Quĩ, theo như ông Dự-gia-Ngôn đã khảo cứu, ông gia-Ngôn tên là Xương người ở quận Nam-Xương tỉnh Giang-Tây, chuyên về nghề thuốc,



viết ra thiên Thượng-Luận, chủ trương thái-quá, nhưng pháp-luật trong nghề thuốc cũng có thể rõ được bí chỉ trong bộ Kim-Quy.

大作者推錢塘 (Đại tác-giả, xuy-tiền đường)  
Nhà đại tác-giả, có thời Tiền Đường là hơn cả.

Ông Trương Chí Bằng hiệu là Ân-Am ; ông Cao-thế-Thức hiệu là Sĩ-Tôn cùng người ở Tiền Đường, tỉnh Chiết-Giang, đời Khang-Hy hai ông cùng học về nghề thuốc, cùng với đời không hợp, đóng cửa viết sách để truyền đạo về sau. Chú những bộ Nội Kinh, Bản-Thảo Kinh, Thương-Hàn-Luận và bộ Kim-Quy, phát minh ra được những điều mà cõn-hân chưa phát minh ra, thật là một bộ sách đứng bực nhất từ đời nhà Hán trở về sau, những người làm thuốc đời nay sợ khó mà không dám coi tới.

取法上得慈航 (Thủ phép thượng, đắc tứ hằng)  
lấy phép ở trên, sẽ được ở giữa.

Chớ đừng lấy những sách như Y-Phương-Tập Giải, Bản-Thảo Bí-Yếu, Y-Tôn Tất Đốc, Vạn-Bệnh Hồi-Xuân, Bản-Thảo Cương-Mục, Đông Y Bửu-Giám, Phùng-Thị Cầm-Nang, Cảnh-Nhạc Toàn-Thư, Tiết-Thị Y-Án làm mau chóng vắn tắt, những người đời nay không chịu xuy-xét. Chỉ theo mấy chục phương hủ lậu của những sách ấy đề cầu may thì không đáng kể làm chi

中 風  
TRUNG - PHONG

人百病首中風 (Nhơn bách bệnh, thủ trúng-phong) Trăm bệnh người ta, trước bởi trúng-phong.

Trăm bệnh của người ta, ban đầu do trúng-phong. Nội-Kinh nói rằng : « Phong vi bách bệnh chi trưởng giả. » Tiễn Y nói rằng : « Trúng ở tạng phần nhiều hay trẻ cửu-khiếu, sanh ra chứng mất tiếng, tai ù, mắt mờ, nghệt mũi tiện khó. Trúng phủ thời tay chơn búng-rùng. Trúng kinh thời miệng méo mắt xích (lệch). Trúng huyết mạch thời bán thân bất toại ».

驟然得八方通 (Sậu nhiên đắc, bát phương thông) Bỗng chốc mà bị, nên thông tám hướng.

Trúng-phong là những chứng thình-linh té ngã bất tỉnh nhân sự, hoặc bị đàm trào lên, tay chơn co rút. Bát phương là Đông, Tây, Nam, Bắc, Đông-Bắc, Tây-Bắc, Đông Nam, Tây-Nam.

閉與脫大不同 (Bế giữ thoát, đại bất đồng) Bế với thoát không giống nhau.

Bế với thoát, phần nhiều không giống nhau. Phong là biến chuyển mau lẹ ; bế là nhân trong tạng phủ con người hàn nhiệt mà dôi dỗi, như tạng phủ con người gốc uất nhiệt, thì phong nhân vào hỏa lực, hỏa mượn oai phong mà

làm ra nhiệt phong. Nếu người nào tạng phủ vốn thuộc hư hàn thời phong thủy gặp nhau, thành hàn băng lạnh thấu xương mà làm ra hàn-phong. Nhiệt-phong phần nhiều thấy bề chứng, trước hết phải làm cho thông; còn hàn-phong phần nhiều thấy thoát chứng nên ôn bổ cho gấp.

開邪閉續命雄 (Khai tà bế, tục mạng hùng)  
Khai tà bế, thang Tục-Mạng là mạnh.

Tiểu-tục-Mạng thang là đội quân hùng mạnh như t (hùng sư) chữa về trúng phong. Y như lục kinh gia giảm mà trị; Tiểu-tục-Mạng thang chuyên về khu tà, bế thì nên khai ở biểu, tức là thang Tiểu-Tục-Mạng, hoặc khai ở trong thì dùng thang Tam-Hóa, hoặc khai đàm ủng trệ dùng thang hóa đàm hay hi-diêm-tán.

回氣脫參附功 (Hồi khí thoát, Sâm, phụ công)  
Hồi được khí thoát, có thang Sâm, Phụ công hiệu.

Chứng thoát nên dùng Sâm-Phụ thang giữ chắc vệ-khí Qui-Phụ thang giữ chắc vinh-khí; Truật-Phụ thang giữ chắc tỳ khí; Kỳ Phụ thang giữ chắc vệ-khí. Trước hết phải hồi khí rồi sau mới trị phong như Tam-Sinh Âm gia Nhơn-Sâm một lượng, đó là phép trị chánh cả gốc lẫn ngọn, hư tà thịnh cũng dùng thang ấy mà gia giảm.

顧名思義 (Cố kỳ danh, tư kỳ nghĩa) Thấy được danh, tư kỳ nghĩa) Thấy được danh phải nhớ nghĩa.

Tên gọi là phong tức gió tám hướng, tên gọi là trúng tức gió từ ngoài vào. Người đời sau xuyên-tạc đều không nên theo.

若舍風非其治 (Nhược xả phong, phi kỳ trị)  
Nếu bỏ phong, không đúng phép trị.

Nói là trúng-phong thì không ngoài cách trị trúng-phong mà trị cách khác được.

火氣痰三子備 (Hỏa, khí, đàm, tam tử bị)  
Hỏa, khí, đàm có ba ông đầy đủ.

Ông Lưu-Hà-Giản cho rằng : » Ngũ-Chí quá cực động hỏa mà trúng, vì nóng nhiều nên chủ về hỏa, đại pháp như dùng Phòng-Phong Thông-Thánh Tán để dẫn hỏa qui nguyên (dẫn lửa trở lại lò) Và thang Địa-Hoàng Âm-Tử.  
« Ông Lý-Đông-Viên cho rằng : » Ngươn-khí không đủ nên tã lẩn vào trong người làm té ra như cơn gió tạt vậy. Nên chủ trị khí hư đại pháp dùng thang Bồ-Trung Ích-Khí gia giảm.»

Ông Chu-Đan-Khê cho rằng : đông nam khí ôn có nhiều thấp khí mà có bệnh phong, chớ không phải là trúng-phong, bởi vì thấp sanh ra đàm, đàm sanh ra nhiệt, nhiệt sanh ra phong. Như thế chủ trị về thấp, đại pháp dùng bài Nhị-Trần gia Thương-Truật. Bạch-Truật, Trúc-Lịch, nước gừng những thứ đó.

不爲中名爲類 (Bất vi trúng, danh vi loại)  
Không cho là trúng, cho là loại.

Trúng là từ ngoài nhập vào trong, mà ba ông ấy cho rằng gió không từ ngoài nhập vào trong được. Cho nên không gọi là trúng, thời Y cho là loại trúng-phong.

合而言小家伎 (Hợp nhi ngôn, tiểu gia kỹ). Nói tóm lại là thuật của tiểu gia.

Ông Lưu-Thiên-Dân nói rằng : « Cổ nhân luận Trúng-Phong là nói về trúng » mà ba ông luận là bởi khí, bởi thấp, bởi hỏa, hợp với gió mà làm ra. Thì còn phân là trúng hay loại trúng làm chi.

瘖喑斜昏仆地 (Ăm oa tà, hôn phó địa)  
Ăm là không nói được, oa tà là miệng méo mắt lệch, hôn phó địa là bất tỉnh như cơn sét mà té ngã xuống đất.

Nếu gặp chứng ấy mà miệng mở, mắt nhắm, hoặc dầm lên, tay chơn co rút, đái son, mồ hôi như dầu là không trị được.

急救先柔潤次 (Cấp cứu tiên, nhu nhuận thứ)  
Trước phải cấp cứu, sau hãy nhu nhuận.

Nhu nhuận là im gió, phép trị trúng-phong hay nhưt. Ông Dụ-gia-Ngôn dùng gia vị Lục-Quân-Tử thang, Tư-Thọ Giả-Ngũ thang rất hiệu nghiệm.

填竅方宗金匱 (Điền khiểu phương, tôn Kim-Quĩ) Phương điền khiểu, phải tôn Kim-Quĩ.

Nội-Kinh nói rằng : « Tà phạm vào các lỗ trống, trong bộ Kim-Quĩ có Hậu-Thị-Hắc tán. Phong-Dẫn thang là trị về mặt khu phong và lấp lại lỗ trống, lỗ trống đã lấp thì tà bên trong không ở được, bên ngoài gió mới không lọt vào được.

Ông Dụ-Gia-Ngôn nói rằng : « Cụ Trọng-Cảnh cho thuốc đề lấp lỗ trống là đề yên gió.

Người đời sau không hiểu nghĩa đó cứ muốn mở lỗ đề đuổi phong ra nhưng, lỗ càng trống thì phong càng mạch, thang Tám-Hóa, thang Dũ-Phong thang Đại-Tần-Giao cho là yếu phương, nói là của ông Thông-Chân-Tứ soạn ra mà không biết tên họ là gì ! Nhưng cũng là bọn vô-danh hạ-sĩ chỉ làm mê hoặc kiến văn người sau, thật chẳng khác nào người mù lại dẫn người đui vậy.

## BAI THUỐC LOẠI TRÚNG-PHONG

Tiêu tục mạng thang (thiên-kim phương) Trị tất cả chứng trúng-phong (thông trị lục-kinh trúng-phong)

麻 黄	Ma-Hoàng (bỏ độc)	1 chỉ	一 錢
黄 芩	Hoàng-câm	1 chỉ	一 錢
白 芍	Bạch-Thược	1 chỉ	一 錢
杏 仁	Hạnh-Nhơn	1 chỉ	一 錢
桂 枝	Quế-Chi	1 chỉ	一 錢
附 子	Phụ-Tử	5 phân	分 亮
人 参	Nhơn-Sâm	1 chỉ	一 錢
川 芎	Xuyên-Khung	1 chỉ	一 錢
灸 草	Chích-Thảo	1 chỉ	一 錢
防 己	Phòng-Kỷ	1 chỉ	一 錢
防 風	Phòng-Phong	1 chỉ	一 錢
生 羌	Gừng	3 lát	三 片

Sắc 2 chén rưới nước còn 8 phân uống.

— Ma-Hoàng, hạnh-nhơn tức ma-hoàng thang : trị hàn ; Quế-Chi, thược-dược tức Quế-Chi thang : trị phong ; Sâm Thảo bổ khí ; Khung, Thược dưỡng huyết ; phòng-phong trị phong âm ; phòng-kỷ trị thấp âm ; Phụ-tử trị hàn âm ; Hoàng-Câm trị nhiệt âm. Cho nên thành ra phương làm thông gió (phong thông) Ông Lưu-Tôn-Hậu nói rằng : « Phương này không chia kinh-lạc, không kể hàn. nhiệt. hư. thiệt. Duy cần có nóng nhiều là trị rất hay.»

**Tam-hóa thang.** Trị nhiệt phong trúng tạng, đại tiện không thông.

大黃	Đại-Hoàng	2 chỉ	二錢
只壳	Chỉ-Sắc	2 chỉ	二錢
羌活	Khương-Huật	2 chỉ	二錢

Sắc 2 chén còn 8 phân uống.

— Tam Hóa là dùng Thừa-Khí Thang thông đại, tiểu tiện, gia Khương-Huật trị phong.

**Cổ kim lục nghiệm tặc mạng thang :** Trị bệnh trúng phong mê man không biết đau nhức, miệng không nói được, hoặc co rút không giở mình được.

麻黃	Ma-hoàng	3 chỉ
桂枝	Quế-chí	3 chỉ
當歸	Đương-qui	3 chỉ
人參	Nhân sâm	3 chỉ
石膏	Thạch-cao	3 chỉ
干羌	Càn-khương	3 chỉ
甘草	Cam-thảo	3 chỉ
川芎	Xuyên-khung	1 chỉ rưỡi
杏仁	Hạnh-nhân	5 chỉ*

Sắc 3 chén còn một chén uống nóng. trùm mền cho ra mồ hôi, mồ hôi ra được thì khỏi, nếu không ra mồ hôi lại uống nữa, cấm không được ngồi trước gió.

**Hí diên tán :** Trị bệnh trúng-phong miệng câm và trị chứng đờn-nga, song-nga.

巴豆	Bả-Đậu	6 hột
明礬	Minh-Phàn	1 lượng
牙皂	Tạo-giác	3 chỉ

Trước lấy phen nấu lên ngào với thuốc, đợi phen khô tán nhuyễn mỗi lần dùng 3 phen thời trong cưỡng hộng, đàm nhiều thì uống năm phen với dăng-tâm, đàm ở cưỡng hộng thì thờ ra, đàm ở cách hạ liên.

**Sâm - phụ thang** : Trị ngưng-khí thoát dùng thang này cấp hồi dương-khí lại, trong mười người có thể cứu được một, hai.

人參	Nhơn-Sâm	1 lượng
附子	Phụ-Tử	5 chỉ

sắc hai chén còn tám phen uống, thang này trị thận khí thoát.

Lấy Bạch-Truật thay Nhơn-Sâm gọi là Truật-Phụ Thang trị tý-khí thoát. Hoặc thay Hoàng-Kỳ gọi là Kỳ-Phụ-Thang, trị vệ khí thoát, Hay thay Đương-Qui gọi Qui-Phụ Thang trị vinh khí thoát.

**Tâm-sanh ấm** : Trị hàn-phong trúng vào tạng tay chơn lạnh móp, đàm lên.

生烏頭	Sanh-ô Đầu	2 chỉ
生附子	Sanh Phụ-Tử	3 chỉ
生羌	Gùng	5 lát
生南星	Sanh Nam-Tinh	3 chỉ
木香	Mộc-Hương	5 phen

Sắc 2 chén còn 7 phen uống.

— Ô-Đầu táo nhiệt, hành kim trục hàn ; Nam-Tinh tân liệt (cay lảm) trừ đàm tán phong ; Mộc-Hương để trấn nghịch khí.

**Phòng-phong thông thánh tán**. Trị nhiệt phong, trúng ngoài kinh-lạc thì chân tay co rút, trúng tạng-phủ thời nhị tiện bế, phải dùng thang này mà giải.



防風	Phòng-Phong	1 chỉ
連翹	Liên-Kiêu	1 chỉ
薄荷	Bạc-Hà	1 chỉ
當歸	Đương-Quy	1 chỉ
白朮	Bạch-Truật	1 chỉ
大黃	Đại-Hoàng	1 chỉ
黃琴	Huỳnh-Cầm	1 chỉ
吉更	Kiết-Cánh	1 chỉ
滑石	Huyết-Thạch	2 chỉ
荊芥	Kinh-Giới	1 chỉ
麻黃	Ma-Hoàng	1 chỉ
川芎	Xuyên-Khung	1 chỉ
白芍	Bạch-Thược	1 chỉ
山梔	Sơn-Chi	1 chỉ
芒硝	Mang-Tiêu	1 chỉ
石膏	Thạch-Cao	1 chỉ
甘草	Cam-Thảo	2 chỉ
生羌	Gừng	3 lát

Sắc 3 chén còn 8 phân uống. Nếu tự lợi bỏ Mang-Tiêu, nếu có mồ-hôi bỏ Ma-Hoàng gia Quế-Chi hoặc ho có dải nhót gia Bán-Hạ Ngũ-Vị.

— Kinh, Phòng, Ma-Hoàng, Bạc-Hà : làm ra mồ-hôi mà tán nhiệt, đuổi phong ; Chi Tử, Huyết-Thạch, Tiêu, Hoàng : thông tiểu tiện mà hạ hỏa, hành thủy ; Cầm, Kiết, Thạch-Cao : thanh phế, tả vị ; Xuyên-Khung, Quy, Thuộc : bổ huyết, bổ gan ; Liên-Kiêu thông hơi trực huyết ứ (tan máu) Cam, Truật : bổ bên trong làm ráo thấp âm, cho khi ra mồ-hôi không thương biểu, khi hạ không thương lý.

**Địa-Hoàng Âm-Tử** : Trị các chứng trúng-phong thân hư, lửa không trở lại lò, lưỡi cứng, không nói được, chân liệt không đi được.

熟地	Thục-Địa	1 chỉ
遠志	Viễn-Chí	1 chỉ
石斛	Thạch-Học	1 chỉ
五味	Ngũ-Vị	1 chỉ
肉桂	Nhục-Quế	1 chỉ
附子	Phụ-Tử	1 chỉ
葶肉	Sơn-Thù-Nhục	1 chỉ
𠄎戰天	Bả-Kích-Thiên	1 chỉ
昌蒲	Xương-Bồ	1 chỉ
肉從容	Nhục-Thung-Dung	1 chỉ
麥冬	Mạch-Đông	1 chỉ
茯苓	Phục-Linh	1 chỉ
gia thêm 薄荷	Bạc-Hà	7 lá

Sắc 2 chén còn 8 phân uống.

— Thục-Địa nhuận cội gốc chân âm ; Quế, Phụ, Thung-Dung, Bả-Kích : đem ngươn hỏa trở lại ; Sơn-Thù, Thạch-Học bình vị, ôn can ; Viễn-Chí, Phục-Linh, Xương-Bồ : bổ tâm, thông thận ; Mạch-Đông : thêm nước nhuận phổi.

Khi thủy với hỏa đã thông nhau, thì gió tự khỏi. Ông Lưu-Hà-Giản nói rằng : « Trúng-phong không phải trúng gió ở bên ngoài, mà do hơi thở bị ngăn đoạn vì tâm hỏa bạo hóa làm thận thủy hư suy không giao chế

nhau được nên té ra thông biết gì hết.» Khi trị nên điều hòa tạng phủ không kinh-lạc, là đủ trị trúng-phong.

Ông Y-Doãn nói rằng : « đàm dải đưa lên tức là nước không có ở nguồn ; mặt đỏ bút rút là lửa không về lò. » Nên dùng Quế, Phụ dẫn lửa về chung với nước, thì mộc lại sanh thủy mà không sanh phong, thì phong tự nhiên hết.

**Bồ-Trung Ích-Khí Thang** : Trị trúng-phong các chứng thuộc về khí hư. vì khí hư mà phong mới trúng được.

炙 底	Chích-Kỳ	2 chỉ
白 朮	Bạch-Truật	1 chỉ
人 參	Nhơn-Sâm	1 chỉ
當 歸	Đương-Quy	1 chỉ
炙 草	Chích-Thảo	5 phân
升 麻	Thăng-Ma	3 phân
生 羌	Cừng	3 lát
陳 皮	Trần-Bì	5 phân
紫 胡	Sài-Hồ	3 phân
大 棗	Đại-Táo	2 trái

— Ông Lý-Đông-Viên nói rằng : « Thăng, Sại, tính thuộc dương, làm thanh ở tỳ, vị, đi theo dương đạo, lại dẫn Sâm, Kỳ, Thảo, đi ngược lên, giữ vững tấu-lý bên ngoài. Phàm là dùng thuốc bổ tỳ vị, phần nhiều làm thăng dương bổ khí.

**Nhị-Trần Thang** : Chuyên làm thông đàm ẩm.

陳 皮	Trần-Bì	1 chỉ 5
茯 麥	Phục-Linh	3 chỉ

半夏	Bán-Hạ	3 chỉ
炙草	Chích-Thảo	1 chỉ
gia thêm 生羌	Gừng	3 lát

Sắc 3 chén còn 7 phân uống,

— Trần-Bì : (lợi khí) thông hơi ; Cam-Thảo : điều-hòa ; Linh, Hạ : trừ thấp. Khi khí điều hòa thì trừ được thấp, trừ được thấp thời đàm dãi tự nhiên tan đi tức thông vi.

### Gia vị Lục-quân-tử thang.

(Phương này coi ở mục cách-thực)

Tức là bài thuốc vương đạo trị về bệnh trúng phong, gia mạch-dông 3 chỉ làm quân, phụ-tử một chỉ làm sứ rồi điếu vào năm chỉ trúc-lich, hai chỉ nước gừng sống để thông đàm trong kinh lạc.

Uống lâu tự khỏi.

**Tu - Thợ - Giải - Ngũ Thang** : (Dụ-Gia-Ngôn) Trị trúng phong tý hoàn, chứng lưỡi cứng không nói được, bán thân bất toại. Cái ý thang này với thang Địa-Hoàng Âm-Tử giống nhau. Nhưng Địa-Hoàng Âm-Tử trọng về thận ; phương này trị về tý, vị.

防風	Phòng-Phong	1 chỉ
天麻	Thiên-Ma	1 chỉ
羚羊	Linh-Giác	1 chỉ
汁羌	Nước Gừng	2 chỉ 5 mà uống
附子	Phụ-Tử	1 chỉ
棗仁	Táo-Nhơn	1 chỉ
肉桂	Nhục-Quế	8 phân

— Ông Dụ-Gia-Ngôn trị thận khí thường gia Câu.

Kỳ, Thủ-Ô, Sanh-Địa, Cúc-Hoa, Thiên-Đông, Xương-Bồ, Ngon-Sâm.

**Hậu-Thị Hắc Tán** : (Kim-Quy) Trị đại-phong tử-chi bức rức nặng nề, trong mình sợ lạnh.

菊花	Cúc-Hoa	4 lượng
防風	Phòng-Phong	1 lượng
細辛	Tế-Tân	3 chỉ
牡利	Mâu-Lệ	3 chỉ
白朮	Bạch-Truật	1 lượng
吉更	Kiết-Cánh	8 chỉ
茯苓	Phục-Linh	3 chỉ
人參	Nhơn-Sâm	3 chỉ
礬石	Phàn-Thạch	3 chỉ
川芎	Xuyên-Khuong	3 chỉ
桂枝	Quế-Chi	3 chỉ
當歸	Đương-Quy	3 chỉ
干羌	Càn-khuong	3 chỉ
黃芩	Hoàng-Cầm	5 chỉ

— Mười bốn vị làm tán uống với rượu mỗi ngày dùng một chỉ rưỡi. Cử các loại cá, củ tỏi, nên thường ăn đồ lạnh ; Trong 60 ngày hết nóng tức là hạ rồi.

**Phong-Dẫn Thang** : Trị người lớn bị phong dẫn, trẻ em bị kinh giản.

大黃	Đại-Hoàng	2 lượng
龍骨	Lông-Cốt	2 lượng
甘草	Cam-Thảo	1 lượng
寒水石	Hàn-Thủy-Thạch	3 lượng

	滑石	Huyết Thạch	3 lượng
紫	石英	Tử-Thạch-Anh	3 lượng
	干羌	Càn-kương	2 lượng
	桂枝	Quế-Chi	1 lượng 5
	牡利	Mẫu Lệ	1 lượng
赤	石脂	Xích-Thạch-Chỉ	3 lượng
	石膏	Thạch-Cao	3 lượng
白	石脂	Bạch-Thạch-Chỉ	3 lượng

## CÁI HẠI CỦA THUYẾT ĐẤP THUỐC ĐUÔI PHONG

Kim-Quĩ nói rằng : « Người ta sống là nhờ hơi gió (phong khí) « Câu nói rất tinh, phong tức là hơi. Người ta ở trong gió mà không thấy gió, cũng như cá ở trong nước mà không thấy nước, mũi thở ra hút vào nếu rời gió một phút phải chết.

Gió yên (phong tĩnh) tức là hòa phong để nuôi người, gió động (phong động) tức là tà-phong để hại người. Nếu người lớn bị bệnh trúng phong, trẻ em bị kinh phong với bệnh trạng, té ngã tay chơn co rút, mình nằm cong lại, mắt ngó trợn lên, miệng chảy dãi, ấy là hiện tượng của phong động, tức là gió độc vậy.

Gặp chứng ấy ông thầy nên làm cho tà phong hóa thành hòa-phong tức đuổi tà-khí phò chính khí.

Nay có nhiều thầy gặp trẻ em bị những chứng kinh giản rất nguy, liền dùng Tuy-Ma-Tử, Bả Đậu, Nam-Tinh, Lai-Phục-Tử, Toàn-Yết Đại-Hoàng, Tạo Giác, Tán nhuyễn hào với Vu-Bì, Băng Phiến, Xa-Hương rồi lấy Bạch-Mật hoặc nước hành gừng hòa lẫn đắp lên thóp thở, giữa rún, gan bàn chân, làm phương-pháp đuổi phong. Đấp thuốc vào mười người không cứu được một. Đã chết rồi không ai dám trách, cho là thuốc đấp ở bên ngoài không hại. Chớ họ không

biết rằng : sau khi đắp thuốc vào cái ngươn-khí bị tan rã mà không bao giờ tụ lại được. Phương chỉ cái thóp thờ là nơi hội hợp của ngươn-dương, giữa bụng lá kho chứa tông-khí, giữa rún là cội rễ của tính mệnh, gan bàn ohân là gốc của thận mạch. Ta không nên coi thường mà động đến.

Người xưa dùng Phụ-Tử, Hải-Cầu-Thận, loại thuốc bổ đắp ở giữa rún. Nhưng các danh-y còn e sợ căn dặn không nên dùng. Phương chỉ là thứ thuốc độc hại người.

Phàm những người đã có lòng cứu đời, phải nên bỏ những phép ấy, cũng đừng mê hoặc về thuyết màn kinh, cấp kinh, thực-tích, mà đem dùng những vị Khương-Huộc, Độc-Hoạt, Phòng-Phong, Tần-Giao, Tiến-Hồ, Xích-Thược, Câu-Đẳng, Kinh-Giới, Thiên-Ma, Hậu-Thất, Thần Khúc Sơn-Tra, Thương-Truật, Đổm-Tinh Đinh-Lịch-Tử, La-Bạc-Tử, Bối-Mẫu, Ngưu-Hoàng, Thiên-Thúc-Hoàng, Chi Sác, Hạnh-Nhân, Thạch-Xương-Bồ Cam-Thảo . Hoắc hợp làm một phương, hay hai ba phương.

Thì cũng tỷ như kẻ chạy năm mươi bước mà cười kẻ chạy một trăm bước vậy.



### CHƯƠNG III

## 虛 癆

# BỊNH HƯ - LAO

虛癆病從何起 (Hư lao bệnh, tông hà khởi)  
Bệnh hư lao, bởi đâu mà ra.

Khái thấu, thờ-huyết, ngũ-tâm phiền nhiệt, mắt hoa, tai kêu vo vo, miệng lở, mũi khô, thở gấp, ăn không biết mùi ngon, thân-thể yếu gầy, sợ hãi, mộng di-tinh, khi nóng khi lạnh, lười biếng muốn nằm, mệt mỏi xương nóng không ngủ được. Con gái không đường kinh bởi các chứng ấy thành ra lao bệnh vậy.

七情傷上損是 (Thất tình thương, thượng tổn thị) Bảy tình bị thương, tức là tổn ở trên.

Ông Biền-Thước nói rằng : « Dương tổn là tổn từ trên xuống dưới, một là tổn phế, hai là tổn tâm, ba là tổn vị, nếu quá vị là không trị được. » Lời nói ấy gốc ở Nội-Kinh : Kinh ở nhị dương phát tại tâm, tỳ. Không được thông thái cho nên con gái không có kinh. Xét ra tâm tỳ ở trên nếu không được thông thái, thì con gái không có kinh, thế là ở trên cực trở xuống dưới.

歸脾湯二陽旨 (Qui tỳ thang, nhị dương chỉ)  
Thang Qui-Tỳ, trị về bệnh nhị dương.

Nội-Kinh có nói bịnh nhị dương phát ở tâm tỳ, vậy lấy thang Qui-Tỳ làm phép đề dương thần. Lấy Lục-Vị Địa-Hoàng làm phép đề bổ tinh mà ông Cao-Cồ-Phong thường dùng.

下損由房幃通 (Hạ tổn do, Phòng vi nhị)  
Tồn ở dưới, là bởi sự phòng vi.

Ông Biền-Thước nói rằng : « Thương ở âm là tổn từ dưới lên trên, một là tổn ở thận, hai là tổn ở can, ba là tổn ở tỳ, nếu qua khỏi tỳ là không trị được. » Thuyết này gốc ở Nội-Kinh cho rằng : ngũ tạng chủ tàng-tinh, không thể thương, nếu bị thương thì thất thũ thì không có khí, không có khí tức phải nguy. Xét rằng tinh sinh ra ngũ-tạng mà gom giữ ở thận, nếu sắc dục quá độ thì bị thương tinh thành tổn ở dưới mà đến thất thũ không khí, thì ở dưới cực trở lên trên.

傷元陽虧腎水 (Thương nguyên dương, khuy thận thủy) Nguyên dương bị thương, thì thiếu thận thủy.

Thận khí tức nguyên-dương, vậy nguyên-dương bị thương thì sanh ra những chứng mệt mỏi, ăn ít, tiện bí (đái đờng) eo lưng đau dương nuy (yếu) thận thủy tức là nguyên-âm, nếu nguyên-âm thiếu sanh ra những chứng, nóng này, ho, thổ huyết, tiện huyết, đi đái són, cưỡng hống đau miệng lở, răng sủng đau.

元陽傷八味使 (Nguyên dương thương, Bát-vị sử) Nguyên-dương bị thương, phải uống Bát-Vị.

Thôi-thị-Thận-Khí-Hườn, mà người sau gọi là Bát-Vị-Địa-Hoàng, cái ý của phương này làm ấm thận-thủy, bổ dương nguyên-dương do cụ Tiết-Lập-Trai và Triệu-Dương-

Qui là người dùng đầu tiên đề ôn bổ mạng huyết (mạng-môn) các thời-Y dùng phương ấy làm chủ ôn bổ thận, mạng. Ông Cảnh-Nhạc dùng Hữu-Quy-Âm, Hữu-Quy-Huàn là do ở đó những người nào chân hỏa suy yếu lắm thì lấy bài Hoàn-Thiếu-Đơn mà thế, nếu chân-dương hư cực nên dùng Bạch-Truật thang là công hiệu nhất.

各醫書伎止此 (Các y thư, kỹ chi thử) Các sách thuốc chỉ có thế thôi.

Những vị khô hàn làm bại chơn vị, mà tân nhiệt lại hao chân âm, thì không nói làm chi, như những phương Lục Vị, Qui-Tỳ là cái sai của các thầy, thuốc thường dùng.

甘藥調回生理 (Cam dược điều, hồi sanh-lý) Điều thuốc ngọt đề hồi sanh.

Ông Biền-Thước nói rằng : Châm dược chẳng trị được, thì phải lấy cam dược mà điều trị. Ông Cảnh-Nhạc nhân theo đó. Ông Dụ-Gia-Ngôn nói rằng : « Mạng sống con người là bởi sự tích tinh nên mạnh. » Nhưng tinh sanh ở lúa gạo, ăn ít thời không sanh huyết, huyết ít thời không hóa tinh. Nội-Kinh nói rằng : « Tinh không đủ thời lấy vị mà bổ. » vị tức là vị của lúa gạo. Vậy bổ vị mà bớt hao đục, lẽ tất nhiên tinh tích càng nhiều, mà thọ mạng càng thêm.

建中湯金匱軌 (Kiến-Trung thang, Kim-Quy quỹ) Thang Kiến-Trung, là theo phép của Kim-Quy.

Tiểu-Kiến-Trung thang gia Hoàng-Cầm, Nhơn-Sâm, Đương-Quy, Bạch-Truật, các vị ấy phần nhiều làm mạnh trung-khí làm ăn uống tăng lên mà tân-dịch vượng. Lấy ý ngũ-nguyên huyết sanh tinh mà phục lại chân âm đang thiếu. Nên dùng lúa gạo là vị ngọt làm gốc, còn vị chua cay đắng

mặt thời không nên dùng, nếu ngoài phép đó không còn phép nào hơn nữa, xet thang Chích-Cam-Thảo cũng là thang này hóa làm nhuận tễ, bài Thanh-Tảo-Thang của Dự-Thị cũng là thang này hóa làm lương tễ.

薯蕷丸風氣奔 (Thự-Dự Hoàn, phong khí nhĩ)  
Thự-Dự Hườn, trị về phong khí.

Kim-Quy Thự-Dự-Hoàn chú rằng : « Trị các bệnh hư lao bất tức và phong khí bá bệnh. »

薑蟲丸乾血已 (Già-Trùng-Hoàn, càn huyết dĩ)  
Già-Trùng Hoàn, trị huyết khô.

Kim-Quy Đại-Hoàn Già-Trùng-Hoàn chú rằng : « Trị các chứng thương về ngũ-lao và thương ở trong, huyết kiệt, hình thể gầy ốm. »

二神方能起死 (Nhị-Thần phương, năng khởi tử)  
Phương Nhị Thần, có thể chết mà sống lại.

Ông Dự Gia-Ngôn nói rằng : « Phong khí không đi được (lưu-thông) thì hại tới chánh khí mà sanh trướng không vinh (tốt) dùng Phương Thự-Dự Hườn làm yếu phương » ; Huyết khô không đi được thời ngăn huyết mới không đủ để tới ướt các nơi thì nên dùng Già-Trùng-Hoàn làm thượng tễ.

Các thầy ngày nay năm mộng thấy hai phương này chưa ?.

### BÀI THUỐC LOẠI HƯ-LAO

**Qui Tỳ Thang.** Phương này là phương thứ .nhứt để bổ dưỡng. Trị ăn ít không ngủ được, thổ huyết, hạ huyết, hoặc vì thất-tình thương, hoặc bị đại tiện-dương, di-tình, đái-trọc và các chứng kinh-nguyệt không đều của phụ-nhơn.

炙底	Chích-Kỳ	2 chỉ
人參	Nhơn-Sâm	2 chỉ
白朮	Bạch-Truật	2 chỉ
茯神	Phục-Thần	2 chỉ
歸身	Qui-Thân	2 chỉ
棗仁	Táo-Nhơn (sao đen)	2 chỉ
龍眼肉	Long-Nhãn-Nhục	2 chỉ
木香	Mộc-Hương	5 phân
炙草	Chích-Thảo	2 chỉ
遠志	Viễn-Chí	2 chỉ

Sắc ba chén còn tám phân uống khi còn nóng. Ông Cao-Cổ-Phong bỏ Mộc-Hương gia Bạch-Thực 1 chỉ rưới dùng rất hay. Nếu ho hen gia Mạch-Đông 2 chỉ, Ngũ-Vị 7 phân ; uất-khi gia Bối-Mầu 2 chỉ, Tỳ hư phát nhiệt gia Đơn-Bì, Chi-Tử.

**Lục-Vị Địa-Hoàng Huờn.** Chủ tráng-thủy, chế dương quang. Trị các chứng thổ-huyết, hạ-huyết, ho hen không ngủ được, nhức xương, di-tình đái ra nước đục thuộc về âm hư.

熟地	Thục-Địa	8 lượng
丹皮	Đơn-Bì	3 lượng
山茱肉	Sơn-Thù-Nhục	4 lượng
茯苓	Phục-Linh	3 lượng

山 藥	Son-Dược	4 lượng
宅 左	Trạch-Tả	3 lượng

Tán nhuyễn ngào với mật ong làm hườn lớn bằng hột ngô để khô, mỗi lần uống 3 chỉ với nước muối nhạt, mỗi ngày uống 2 lần gia thêm Ngũ-Vị-Tử gọi Đô-Khí-Hườn, gia Mạch-Đông gọi là Bát-Tiên-Trường-Thọ Hườn trị ho hen. Bài này bỏ lượng bớt lại dùng chỉ sắc uống gọi là Lục-Vị Địa-Hoàng thang.

**Bát-Vị Địa-Hoàng Hườn.** Làm tăng hỏa ở lò, lại tiêu âm ế. Trị lợng gối yếu, ăn uống không ngon, thũng, trướng, sán, hà, dương nuy di-tinh, đái-trọc (trọc) thuộc về chứng hư nguơn-dương, tức là bài Lục-Vị-Hoàn gia Phụ-Tử, Nhục-Quế.

Bài này bớt vị Phụ-Tử gia Ngũ-Vị-Tử gọi là gia giảm Bát-Vị-Hoàn, trị khát nước không ngọt. Bài này gia Ngưu-Tất, Xa-Tiền-Tử gọi là Tế-Sanh-Thận-Khí-Hườn, trị thủy-thũng suyễn súc. Phương này bớt lượng làm chỉ sắc uống gọi Bát-Vị-Thang.

**Tiêu - Kiển - Trung Thang.** Ôn trung tán hàn. Phương này trị hư lao hay nhứt, nhưng người đời này không nói tới rất lâu. Phàm bệnh hư lao có chứng hùng nóng thì trong bài này có Khương, Phụ giúp tâm dương, cũng như thái-dương ra thời các lửa khác không sáng được ấy là phương-pháp thổi nhiệt. Phàm chứng lao, ăn uống càng ngày càng ít, phương này làm cho ôn tỳ ăn uống được nhiều. Còn những chứng lao tất có ho, thì phương này bổ thổ sanh kim là phép trị ho ; phàm chứng lao thuộc thận hư phương này bổ tỳ để góp tinh về thận, tức là ngũ-cốc sanh ra tinh.

Người đời không đọc sách của đức Trọng-Cảnh lại khinh lờn phép thánh, chỉ biết dùng Sanh-Mạch, Lục-Vị, Bát-Vị, Qui-Tỳ, Bồ-Trung và những vị Khoản-Đông-Hoa, Bối-Mẫu, Ngọc-Trúc, Bá-Hiệp, Địa-Hoàng.

Cho nên người ta uống đến chết thật là căm giận.

生 白 芍	Sanh-Bạch-Thược	3 chỉ
桂 枝	Quế-Chi	1 chỉ 5
炙 草	Chích-Thảo	1- chỉ

Gia thêm 3 lát gừng, Đại-Táo 2 trái.

Sắc 2 chén còn 8 phân, trộn với 3 chỉ 5 di-đường (mạch-nha) mà uống.

Bài trên thêm Huỳnh-Kỳ 2 chỉ gọi là Huỳnh-Kỳ Kiến-Trung thang : trị các chứng hư lao, bất-túc, đầy hơi bót Táo gia Phục-linh 2 chỉ, nếu khí-ngịch gia Bán-Hạ 1 chỉ 5 phân.

Bài này nên dùng các vị Nhon-Sâm. Đương-Qui, Bạch-Truật, nên tùy mà gia giảm.

**Kim-Quy Chích-Thảo Thang.** Trị hư lao, phế yếu, phế táo, yết-hầu đau, mạch đi đại, các chứng ấy.

生 地	Sanh-Địa	4 chỉ
人 參	Nhon-Sâm	1 chỉ
桂 枝	Quế-Chi	1 chỉ
炙 草	Chích-Thảo	2 chỉ
阿 膠	A-Giao	1 chỉ
棗 仁	Táo-Nhon	1 chỉ 5
麥 冬	Mạch-Đông	2 chỉ
生 羌	Sanh-Khương	1 chỉ

大棗 Đại-Táo

2 trái.

Sắc 2 chén nước còn 8 phân uống với nửa chén rượu.

**Dụ-Gia-Ngôn Thanh Táo Cứu Phế Thang.** Trị táo.khi ứất mà thành lao.

桑葉	Tang-Diệp	3 chỉ
甘草	Cam-Thảo	1 chỉ 5
人參	Nhân-Sâm	1 chỉ
麥冬	Mạch-Đông	1 chỉ
石膏	Thạch-Cao	2 chỉ 3
把葉	Tỳ Bà-Diệp	1 chỉ 3
杏仁	Hạnh-Nhơn	1 chỉ 2
黑之麻	Hắc-Chi-Ma (sao)	1 chỉ 5

Sắc 2 chén còn 8 phân uống nóng, đàm nhiều giả 3 chỉ Bối-Mẫu.

**Kim-Quy Thự-Dự Hườn.** Trị hư lao, bất túc, phong khí, bế bịnh.

當歸	Đương-Quy	10 phân
人參	Nhơn-Sâm	7 phân
麥冬	Mạch-Đông	1 phân
桂枝	Quế-Chi	10 phân
神曲	Thần-Khúc	10 phân
干地黄	Càn-Địa-Hoàng	10 phân
柴胡	Sài-Hồ	5 phân
豆黃卷	Đậu-Huỳnh Quyên	10 phân
甘草	Cam-Thảo	28 phân
茯苓	Phục-Linh	7 phân
芍藥	Thược-Dược	6 phân



阿膠	A-Giao	7 phân
芎藭	Khung-Cùng	6 phân
薯蕷	Thự-Dự	30 phân
白朮	Bạch-Truật	6 phân
杏仁	Hạnh-Nhon	6 phân
防風	Phòng-F'loag	6 phân
吉更	Kiết-Cánh	5 phân
干菴	Càn-Khuơng	3 phân
白欬	Bạch-Liễm	2 phân
大棗	Đại-Táo	100 trái

Các vị trên tán nhuyễn hòa mật làm hườn như viên đạn.

Uống khi bụng đói với rượu 1 hườn cứ 100 hườn là một lễ.

**Kim-Quy Đại-Hoàng Chạ Trùng Hoàn.** Hườn trung bồ hự. Trị ngũ-lao hự cực, người gầy, bụng đầy, ăn uống không được. Thực-thương, lao thương, Ưu-thương, phong thất thương, cơ thương, kinh-lạc vinh vệ thương, bên trong cơ huyết khô, da thịt nhăn, mắt mờ đen.

大黃	Đại-Hoàng	10 phân
黃芩	Huỳnh-Cầm	2 lượng
甘草	Cam-Thảo	3 lượng
杏仁	Hạnh-Nhon	1 thăng
桃仁	Đào-Nhon	1 thăng
芍藥	Thực-Dựợc	4 lượng

干地黄	Càn Địa-Hoàng	10 lượng
螽蟴	Mang-Trùng	1 thăng
水蛭	Thủy-Điệt	100 con
蛭螬	Tê-Tao	1 thăng
麝香	Chạ-Trùng	1/2 thăng
干漆	Càn-Tất	1 lượng

Các vị trên tán nhuyễn lấy mật làm hườn bằng hột đậu uống với rượu mỗi lần năm hườn, mỗi ngày uống 3 lần.

## CHƯƠNG IV

### 咳嗽

## CHỨNG HO (Khái-Thấu)

氣上嗆咳嗽生 (Khí thượng thương, khái thấu sinh) Khí đưa lên, thành ra ho.

Nội-Kinh nói rằng : » Ngũ-Tạng, lục-phủ đều khiến cho người ta ho, chớ không riêng ở phổi, nhưng phế là chợ của khí, các khí dơ ở tạng phủ đều đưa lên phế, mà sanh ra ho. » Nói tóm lại : ho không chỉ ở phế mà cũng không lìa khỏi phế được.

肺最重胃非輕 (Phế tối trọng, vi phi khinh) Phổi rất trọng, mà vị cũng đừng khinh.

Nội-Kinh tuy không phân ra các chứng ho ở ngũ-tạng nhưng rất trọng ở sáu chữ : tụ ở vị, quan ở phế (tụ ở vị, quan ở phế) bởi vì những khí của thủy-cốc ở trong vị không hóa thành hơi để xông lên phế, mà lại chuyển qua các tạng mà chứa ở trong vị rồi theo hơi nóng hóa ra đàm, theo hơi lạnh mà hóa ra nước. Trong vị đã bị đàm ẩm trệ lại thì cái hơi đưa lên phế không được trong sạch mà sanh ra chứng ho.

肺如鐘撞則鳴 (Phế như chung, chàng tác minh) Phổi như cái chuông, gõ thì kêu.

Phổi là tinh hoa của tạng phủ, khi thở ra thì nó hư (teo vò) khi hít vào thì nó phình ra. Phổi chỉ chứa được cái chánh-

khí chớ không chịu được khách khí ở bên ngoài đưa vào. Khách-khí đã can vào phổi làm phổi ngứa (lở) mà sanh ra ho. Phổi chỉ ưa cái khí trong của tạng phủ mà không ưa khí bệnh của tạng phủ ? nếu khí bệnh can vào nó sẽ lở mà làm ho. Phổi thể chất vốn thuộc kim, ví như cái chuông, tức có mặt trong mặt ngoài, cổ gõ vào nó mới kêu.

風寒入外撞鳴 (Phong-hàn nhập, ngoại chàng minh) Gió lạnh lọt vào, tức là ở ngoài gõ kêu.

Nội-Kinh nói rằng : « khí hơi lạnh là hơi ho. » Nên thấy ho hen phần nhiều do ở phong-hàn, gió theo da lông mà vào phổi, lạnh theo xương sống mà vào phổi đều chủ về bên ngoài. Về sau chép tuy nói là nhiệt, thấp, táo, lịnh không hành được, nhưng cũng bởi phong-hàn mà làm ra.

癆損積內撞鳴 (Lao tổn tích, nội chàng minh) Lao tổn tích, là ở trong gõ kêu.

Lao thương thành ra ho là chủ ở trong, nếu hai chứng ấy không trị thì sanh ra ho tắt tiếng thể là như chuông bề đánh không kêu.

誰治外六安行 (Thùy trị ngoại, Lục-An hành) Lấy gì trị ở ngoài ? có thang Lục.An.

Thang Lục.An.Tiền tuy không có thâm nghĩa cũng khá được. Nhưng chứng ho về ngoại cảm nên rõ là phong-nhiệt hay phong-táo hai chứng ấy. Như mùa đông bị thương (tà phạm) về hơi ẩm lại thêm gió lạnh bên ngoài sấp vào sanh ra chứng ho đàm kết, yết-hầu sưng, mình nặng, tự ra mồ-hôi, mạch phù ấy là phong-nhiệt, nên dùng Uy-Nhụy.Thang là phương tân nhuận, chớ dùng thứ tân nhiệt phát tán thành ra chứng phong táo khó trị, bởi vì táo là khí lịnh của mùa thu không hành được, tất phải mượn phong-hàn mới bùng lên thành ho.

Nội-Kinh chỉ nói mùa thu thương về thấp là sao ?  
Đáp : là vì mùa hạ bị khí thấp thô nung nấu tới thú lịnh  
thâu góp lại mà núp ở trong phế và vị đợi cuối thu táo lịnh  
mới hành cùng với thấp không dung nhau, tới mùa đông mới  
làm ra ho. Chứng này có cả phế táo, vị thấp hai thể khó  
mà giải được. Duy có thang Thiên Kim Mạch Môn và  
Ngũ-Vị-Tử là hay hơn hết. Người sau không phân liễm  
tán rồi lẫn lộn về táo nhuận thật là mờ quá.

誰治內虛癆程 (Thùy trị nội, Hư lao trình)  
Lấy gì trị ở trong, có môn hư lao.

Nên lựa những phương đối chứng ở môn hư lao mà  
trị, xét kỹ ra cần phải phòng lao, như bị thương tinh thì  
phải bổ tinh, nếu lo nghĩ làm thương tỳ thì phải dưỡng  
thần.

技水氣小龍平 (Hiệp thủy khí, tiểu long  
bình) Có thủy-khí, uống thang Tiểu-Long.

Ông Kha-Vận-Bá trị ho không kể mùa hạ, mùa đông,  
bất cứ nặng nhẹ. Duy chỉ thấy hàn khái thì dùng Tiểu-  
Thanh-Long thang là công hiệu lắm. Phương ấy có mục  
dịch khu-phong tán lạnh, giải cơ, trục-thủy, lợi phế, ẩm  
thận, trừ đàm, ngưng suyễn, giữ bên ngoài an bên trong, đủ  
cả mẫu-nhiệm. Bởi vì trong phổi bị lạnh, nếu không có  
vị Ma-Hoàng đại tướng thì làm sao mà xung (xua) vào sào  
huyết, còn các vị thuốc khác thời không thể hiệu nghiệm  
được.

兼鬱火小柴清 (Kiêm uất hỏa, tiểu sai  
thanh) Bị hỏa uất uống thang tiểu sai.

Ho mà khi lạnh, khi nóng thì bỏ Nhơn Sâm, Đại-Táo,  
Sanh-Khương. Gia Ngũ-Vị, Càn-Khương mà trị.

羌細味一齋烹 (Khương, Tế, Vị, nhút  
tè phanh) Khương, Tế, Vị đều cho uống.

Kim-Quĩ trị đàm âm không ngoài Tiêu-Thanh-Long  
gia giảm. Trong phương ấy các vị đều có thể bỏ được, duy  
có Tế-Tân, Càn-Khương, Ngũ-Vị ba vị này không nên  
coi thường mà bỏ đi. Nếu mặt đỏ như người say rượu thì  
gia Đại Hoàng cho thanh nhiệt và gia Thạch-Cao, Hạnh-  
Thon các loại ấy nhưng cũng không thể bỏ ba vị ấy được.  
Học giả nên ghi nhớ như vậy. Ông Từ-Trung-Khả biện  
chứ Kim-Quĩ có luận rõ điều ấy.

長沙法細而精 (Trương-Sa pháp, tế nhi  
tinh) Phép của ông Trương-Sa rất tinh tế,

Phép trị khái-thấu đàm âm nên đọc kỹ trong bộ Kim-  
Quĩ.

### BÀI THUỐC LOẠI KHẢI THẤU

**Lục-An Tiên.** (Cảnh-Nhạc) Trị ho thuộc về ngoại-cảm.

半夏	Bán-Hạ	2 chỉ
陳皮	Trần-Bì	1 chỉ 5
茯苓	Phục-Linh	2 chỉ
甘草	Cam-Thảo	1 chỉ
杏仁	Hạnh-Nhơn	2 chỉ
白芥子	Bạch-Giới-Tử	1 chỉ
生羌	Gừng sống	4 lát.

Sắc 3 chén còn 8 phân uống, nếu lạnh nhiều gia Tế-Tâm 7 phân.

**Tiêu Thanh-Long Thang.** Trị các chứng ho. Phương này thấy trong bộ Thương-Hán, bài này tùy hàn, nhiệt hư, thực, mà gia giảm. Duy có Tế-Tân, Càng-Khương, Ngũ-Vị không được bỏ đi.

干羌	Càng-Khương	2 chỉ
麻黄	Ma-Hoàng	2 chỉ
芍藥	Thược-Dược (sao)	2 chỉ
五味子	Ngũ-Vị-Tử	2 chỉ
桂枝	Quế-Chi	2 chỉ
半夏	Bán-Hạ	1 chỉ 5
細辛	Tế-Tân	2 chỉ
炙草	Chích-Thảo	2 chỉ

Sắc ba chén còn 8 phân uống làm hai lần lúc còn nóng.

**Gia Giảm Tiêu Sài-Hồ Thang.** Trị ho phát nhiệt.

柴胡	Sài-Hồ	4 chỉ
黄芩	Hoàng-Cầm	1 chỉ 5

半夏	Bán-Hạ	2 chỉ
炙草	Chích-Thảo	1 chỉ 5
干芫	Càn Khương	1 chỉ
五味	Ngũ-Vị	8 phân

Sắc hai chén còn 8 phân uống ấm mỗi ngày uống 2 lần.

**Ngũ-Vị-Tử Thang.** (Thiên-Kim) Trị táo thương sanh ho, khạc nhổ có máu, ngực sườn đau, da thịt khô khan,

五味子	Ngũ-Vị-Tử	5 phân
吉更	Kiết-Cánh	1 chỉ
甘草	Cam-Thảo	1 chỉ
紫苑	Tử-Uyển	1 chỉ
續斷	Tục-Đoạn	1 chỉ
竹茹	Trúc-Nhự	1 chỉ
桑根皮	Tang-Căn-Bì	1 chỉ
生地黃	Sanh-Địa-Hoàng	1 chỉ
赤小豆	Xích-Tiểu-Đậu	30 hạt.

Sắc 3 chén còn 8 phân uống lúc bụng đói.

**Mạch-Môn-Đông Thang.** (Thiên-Kim) Trị bệnh lâu ngày sau có hỏa nhiệt phạm vào phổi khạc nhổ ra có lẫn máu, trên ngực đầy hơi đưa lên gây yếu ngũ-tâm phiền nhiệt khát nước mà tiện bí,

麥門	Mạch-Môn (bỏ tâm)	2 chỉ
吉更	Kiết-Cánh	1 chỉ
桑根皮	Tang-Căn-Bì	1 chỉ
半夏	Bán-Hạ	1 chỉ



生	地 黄	Sanh-Địa-Huỳnh	1 chỉ
	紫 莞	Tử-Uyên	1 chỉ
	竹 茹	Trúc-Nhự	1 chỉ
	麻 黄	Ma-Hoàng	7 phân
	炙 草	Chích-Thảo	1 chỉ
五	味 子	Ngũ-Vị-Tử	10 hột
	生 羌	gia thêm Gừng.Sống	3 lát

Sắc ba chén còn 8 phân uống lúc bụng đói.

## CHƯƠNG V

### 瘧疾

## NGƯỢC - TẬT (rét)

瘧為病屬少陽 (Ngược vi bệnh, thuộc thiếu-dương) Bệnh ngược (rét), thuộc kinh Thiếu-Dương.

Kinh Thiếu-Dương ở nửa trong nửa ngoài, tà ở giữa kheng ấy, trở vô cùng âm tranh là lạnh, trở ra cùng với dương tranh là nóng. Nếu tranh thì bệnh lên cơn, nghỉ thì bệnh ngừng, sau khi ngừng tà dần ở trong kinh Thiếu-dương.

寒與熱若週期 (Hàn giữ nhiệt, nhược hồi tuờng) Lạnh với nóng, cứ quờn quanh.

Lạnh với nóng cứ đúng kỳ mà tới.

日一發亦無傷 (Nhựt nhựt phát, diệt vô thương) Ngày một lần phát cứ là tà còn ở bên ngoài, hai ngày một lần cứ là tà đã vào trong.

三日作數猖狂 (Tam nhựt tác, thế xướng cuồng) Ba bữa một lần cứ (cơn rét) bệnh tình nặng.

Ba ngày một lần cứ, các thời Y gọi là rét ở tam-âm thì giày đưa khó khỏi bệnh.

治之法小柴方 (Trị chi pháp, Tiều-Sài phương) Phép trị chỉ có phương Sải-Hồ.

Lấy phương Tiều-Sải-Hồ làm chủ trị, bệnh mới khỏi

tục thường ky Nhơn Sâm, cứ theo tục thường ấy mà bỏ Nhơn-Sâm, gia Thanh-Bì 1 chỉ.

熱偏盛加清涼 (Nhiệt thiên thịnh, gia thanh lương) Riêng nóng nhiều, gia vị mát.

Thang Tiều-Sài-Hồ gia những vị Tri-Mầu, Hoa-Phấn, Thạch-Cao, Huỳnh-Liên, tùy ý lựa chọn mà dùng.

寒偏重加桂羌 (Hàn thiên trọng, gia Quế Khương) Riêng về lạnh nhiều, gia vị Quế, Khương.

Tiêu-Sài-Hồ thang gia Càn-Khương, Quế-Chi, nếu lạnh nhiều gia Phụ-Tử, Nhục-Quế.

邪氣盛去參良 (Tà khí thịnh, khử sâm lương) Tà khí thịnh, bỏ Nhơn-Sâm.

Mình nóng dùng Tiều-Sài-Hồ thang bỏ Nhơn-Sâm gia 2 chỉ Quế-Chi, sau khi uống nên ăn cháo nóng, đắp mền cho ra mồ-hôi.

常山入力倍強 (Thường - Sơn nhập, lực bội cường) Cho vị Thường Sơn vào, sức càng mạnh.

Tiêu-Sài-Hồ thang gia 2 chỉ Thường Sơn. Người ta thường cho rằng tà chưa im, không thể dùng vị Thường-Sơn dứt tà, nhưng không biết vị Thường-Sơn là thứ thuốc triệt tà mà lại đuổi tà ra ngoài. Ông Trọng-Cảnh dùng nó mạo danh là vị Thục-Tất.

大虛者獨參湯 (Đại hư giả, Độc-Sâm thang) Bệnh đại hư, uống thang Độc-Sâm.

Người hư vì chứng ngược lâu ngày không khỏi, nên dùng Nhơn-Sâm một lượng, Sanh-Khương 5 chỉ sắc uống vào lúc canh năm rất hay, nếu người nghèo, dùng Bạch-Truật 2 lượng mà thế, nếu người nóng nhiều lấy Đương-Qui mà thế vào.

單寒壯理中匡 (Đơn hàn mầu, Lý - Trung khùng) Bệnh lạnh nhiều, uống thang Lý-Trung.

Chỉ lạnh mà không có nóng gọi là Đơn-Ngược, nên dùng thang Phụ-Tử Lý-Trung gia Sài-Hồ mà trị.

單熱痺白虎詳 (Đơn nhiệt đạn, Bạch - Hồ trường) Bệnh nóng nhiều, uống thang Bạch-Hồ.

Chỉ nóng mà không lạnh gọi là đạn-ngược hoặc trước nóng sau lạnh gọi là nhiệt-ngược, nên lấy thang Bạch-Hồ gia Quế-Chi mà trị. Các thời Y lấy thang Lục-Vị gia Sài-Hồ, Thược-Dược mà trị.

法外法辨微茫 (Pháp ngoại pháp, biện vi mang) Ngoài phép trị, phải biện cho rõ.

Các nhà Y tiền bối đã lập thành phép đề trị bệnh, nhưng còn có cách ngoài phép trị, phải biện cho rõ mà trị.

消陰翳制陽光 (Tiêu âm ế, chế dương quang) Tiêu âm mù chế dương sáng.

Nóng mà không nóng tức không có lửa, vậy phải làm cho thêm hỏa đề tiêu âm mù. Lạnh mà không lạnh là không có nước, vậy nên làm tráng chân thủy đầy đủ để chế dương sáng.

太僕註慎勿忘 (Thái-Bộc chú, thận vật vong) Lời chú của ông Thái-Bộc, ghi nhớ đừng quên.

Phép tiêu âm, chế dương của ông Vương - Thái - Bộc ngàn đời không thay đổi được. Ông Triệu-Dương-Quy theo đó lấy Bát-Vị Địa-Hoàng đề ích chân hỏa, Lục-Vị-Hoàn đề tráng chân thủy, nếu bị chứng ngược lâu cứ theo những phương này phần nhiều thu công.

**BÀI THUỐC LOẠI NGƯỢC . TẬT (RÉT)**

**Tiêu Sài-Hồ Thang.** Chuyên trị bệnh rét (ngược-tật).

柴胡	Sài-Hồ	4 chỉ
半夏	Bán-Hạ	2 chỉ
人參	Nhơn-Sâm	1 chỉ
甘草	Cam-Thảo	1 chỉ 5
黃芩	Hoàng-Cầm	1 chỉ
大棗	Đại-Táo	3 trái
生薑	Gừng	3 lát.

CHƯƠNG VI

病 痢

BÌNH LỊ

濕熱傷赤白痢 (Thấp nhiệt thương, xích bạch lợi) Bị thương về thấp nhiệt, sanh ra chứng lỵ đỏ và trắng.

Ông Vương-Nhân-Am luận chứng lỵ chuyên chủ về thấp nhiệt sanh ra các chứng mắc đi tiêu mà tâu không ra, bụng đau muốn tiện mà không tiện, bưng nhùng dơ bẩn hoặc trắng, hoặc đỏ, hoặc đỏ trắng lẫn lộn.

熱勝濕赤痢瀉 (Nhiệt thắng thấp, xích lỵ tỵ) Nhiệt nhiều hơn thấp, đi lỵ đỏ.

Vị là cái bề chứa nhiều khí, nhiều huyết. Nhiệt là dương-tà, nếu nhiệt thắng thấp, thời thương huyết phận ở trong vị làm ra xích lỵ.

濕勝熱白痢墜 (Thấp thắng nhiệt, bạch lỵ trụy) Thấp nhiều hơn nhiệt, đi lỵ trắng.

Thấp là âm-tà, thấp mà thắng hơn nhiệt thời làm thương phận ở trong vị thành bạch, nếu trắng đỏ lẫn lộn là thương cả khí huyết.

調行箴須切記 (Điều hành châm, tu thiết ký) Phép điều hành, phải nhớ kỹ.

Hành huyết thời hết máu bưng nhùng, điều khí hết dơ bẩn.

芍藥湯熱盛餌 (Thuộc-Dược thang, nhiệt thành nhĩ). Thang Thuộc-Dược điều khí hành huyết. Tuy rằng phương thuốc chữa bịnh-ly mới phát, nhưng xét kỹ ra phương ấy nên dùng để chữa về chứng ly nhiệt.

平胃加寒濕試 (Bình vị gia, hàn thấp thí) Thang Bình-Vị, trị bịnh ly hàn thấp.

Như hàn-thấp mà sinh ra bịnh ly, khi mới phát nên dùng Bình-Vị-Tán gia Càn-Khương, Trạch-Tả, Tru-Linh, Mộc-Hương mà trị, nếu bịnh đã lâu không khỏi nên dùng Hương-Liên-Hoàn.

熱不休死不治 (Nhiệt bất hưu, tử bất trị) Nóng không dứt thì chết không trị được.

Trong phương thơ nói rằng : « Chứng ly mà phát nóng liên miên không ngừng thì không trị được.

痢門方皆所忌 (Ly môn phương, giai sở kỵ) Phương trị ly, đều có kỵ.

Phạm chứng ly mới khởi mà phát nhiệt, nếu không phải ở ngoài có tà tức là kinh-lạc không hòa, nên ôn tán điều hòa vinh vệ. Ngoại tà đã giải bịnh ly cũng hết, nếu cứ cho là nhiệt mà trị theo những phương sáo bịnh ly. Như vậy phần nhiều đưa tới nguy kịch là khác.

桂葛投散邪出 (Quế Cát đầu, Cồ tà xuất) Cho uống thang Quế-Cát, đuổi tà ra.

Các thời Y rất sợ phát hãn cho là không có ngoại chứng nên không dám phát hãn (hạn). Nếu nhức đầu phát nóng sợ lạnh có mồ hôi nên dùng thang Quế-Chi, nếu mồ-hôi không có nên dùng thang Cát-Cần để đuổi tà ra ngoài rồi sau mới trị bịnh ly.

外疏通內暢遂 (Ngoại sơ thông, nội sùng  
toại) Sơ thông ở ngoài. khoan khoái ở trong.

Hai câu ấy giải rõ cái có phải phát hạn. Ông Trương-Phi-Trù nói rằng : «Thang Đương-Quy Tứ-Nghịch trị bệnh lý rất hay. » Nếu phát nóng mà ới dùng thang Tiêu-Sài-Hồ, thang Cát-Căn, Hoàng-Liên, Hoàng-Cầm, Cam-Thảo thang. Nếu miệng khát khó ỉa dùng thang Bạch-Đâu-Ong kiến hiệu như thần,

嘉言書獨得秘 (Gia - Ngôn thư, độc đắc bí)  
Sách của ông Gia Ngôn, luận rất kỹ.

Trong bộ Y-Môn-Pháp-Tân của ông Dụ-Gia-Ngôn nghị luận rất sâu xa chu đáo,

寓意存補金匱 (Ngụ ý tồn, Bồ Kim - Qui)  
Trong thảo ngụ ý bổ vào bộ Kim-Quy.

Trong thảo của ông Dụ-Gia-Ngôn như thang Ma-Hoàng, Phụ-Tử, Tể-Tân và thang Nhơn-Sâm Bại-Độc tán là đề bổ vào bộ Kim-Quy chưa nói tới.



## BÀI THUỐC LÝ CHỨNG

**Thuộc Dược Thang.** Trị bệnh lý đặc biệt, hành huyết thời khỏi, nùng huyết thời hậu trọng hết, uống luôn thang này khi mới phát trong ba ngày đầu.

白芍	Bạch-Thược	1 chỉ 5
當歸	Đương-Quy	1 chỉ 5
黃連	Huỳnh-Liên	1 chỉ 5
黃芩	Huỳnh-Cầm	1 chỉ 2
桂	Quế	4 phân
兵良	Bình-Lang	1 chỉ
木香	Mộc-Hương	6 phân
甘草	Cam-Thảo	4 phân
厚朴	Hậu-Phác (chích)	1 chỉ 5
只壳	Chỉ-Xác	1 chỉ
大黃	Đại-Hoàng	1 chỉ (người hư không nên dùng)
青皮	Thanh-Bì	5 phân

Sắc 2 chén nước còn 8 phân để ấm uống. Nếu tiểu tiện không thông gia thêm Huyết-Thạch, Trạch-Tả. Nếu hồng lý gia Xuyên-Khuông, Đào-Nhon.

**Nhơn-sâm bại độc tán.** Ông Dụ-Gia-Ngôn rất trọng phương này, nghĩa là cho ra mồ-hôi một chút thì dương khí lên, mà hãm cũng lên, phép này thời Y không rõ. Cụ Trần-Tu-Viên mỗi lần dùng đến phương này gia Trầm

Thương-Mê 4 chỉ, hoặc gia Hoàng-Cầm, Hoàng-Liên,  
rất là công hiệu.

獨活	Độc-Hoạt	1 chỉ
羌活	Khương-Huật	1 chỉ
吉更	Kiết-Cánh	1 chỉ
前胡	Tiền-Hồ	1 chỉ
柴胡	Sài-Hồ	1 chỉ
川芎	Xuyên-Khung	1 chỉ
只壳	Chỉ-Xác	1 chỉ
茯苓	Phục-Linh	1 chỉ
甘草	Cam-Thảo	5 phân
生羌	Cùng-Sống	3 lát

Sắc hai chén còn 7 phân uống.

## CHƯƠNG VII

### 心 腹 痛

# TÂM PHÚC THÔNG HUNG TÝ (đau bụng)

心胃疼有九種 (Tâm vị đòng, hữu cửu chủng)  
Đau tâm vị, có chín thứ.

Thật chứng tâm thống (đau tâm) không thể trị được ngày nay người ta hỏi rằng : « Chứng đau tim là tâm-bào , lạc và vị uyển (quản) đau » Cộng tất cả có chín thứ đau, nên phân ra cho rõ ràng.

辨虛實明輕重 (Biện hư thực, minh khinh trọng) Chia ra hư hay thực, rõ được nặng nhẹ.

Hư là lấy tay đè không đau, ăn thì hết đau, mạch vô lực. Thực lấy tay đè thấy đau, ăn vào càng đau thêm, mạch hữu lực. Hai chứng đều có nặng nhẹ.

痛不通氣血壅 (Thống bất thông, khí huyết ủng) Đau không thông, khí huyết tắc.

Đau thì không thông, tức là khí huyết ủng trệ.

通不痛調和奉 (Thông bất thống, điều hòa phụng) Thông thì không đau, phải nên điều hòa.

Thông thì không đau, thế là khí huyết điều hòa, ông Cao-Sĩ Tôn nói rằng : Các phương-pháp làm cho thông đều khác nhau. Như điều khí để hòa huyết, hoặc điều huyết để hòa khí, tức là thông vậy. Nếu nghịch khí lên làm cho hạ xuống, kết ở giữa phải làm cho tản ra cũng là thông. Nhưng hư phải bổ mà làm cho thông, hàn phải cho ấm nóng để cho thông, ấy cũng là phép vận chuyển cho thông, nếu chỉ lấy phép hạ cho đi ỉa làm thông thì làm lắm.

一 蟲痛烏梅圓 (Nhứt trùng thống, Ô - Mai Viên) Một là trùng thống, cho hống Ô-Mai-Hườn.

Trùng-thống là khí đau khi hết, trên môi lưỡi có những đốm trắng, ăn vào càng đau thêm. Trùng là quyết (khuyết) âm phong mộc hóa ra nên dùng Ô-Mai-Hườn.

二 注痛蘇合研 (Nhị chú thống, Tô - Hiệp nghiên) Hai là chú thống, cho uống Tô-Hiệp-Hườn.

Khi đi vô rừng núi, miếu xưa thấy những vật phi thường. Mạch lúc lớn lúc nhỏ, mạch hai tay như mạch hai người, nên dùng Tô-Hiệp-Hườn cho uống.

三 氣痛香蘇專 (Tam khí thống, Hương-Tô chuyên) Ba là khí-thống, cho uống thang Hương-Tô

Do những cuộc giận dữ và khí của thất-tình (hỉ, nộ, ai, ó, dục : mừng, giận buồn, vui, thương, ghét, ham mê) sanh đau nên dùng bài Hương-Tô-Âm gia Ngươn-Hồ-Xách 2 chỉ hoặc dùng thang Thất-Khí cũng diệu, hay là dùng Bá-Hiệp 1 lượng, Ô-Dược 3 chỉ sắc uống.

四 血痛失笑先 (Tứ huyết thống, Thất - Tiểu tiên) Bốn là huyết thống, cho uống thang Thất-Tiểu.

Bị ứ huyết làm ra đau, đau như dao cắt, hoặc có tích thành hòn. Mạch sắc, đại tiện phân đen, nên dùng thang Đào-Nhơn Thừa-Khí hay Thất-Tiểu Tán cho uống.

五悸痛妙香證 (Ngũ quý thống, Diệu-Hương thuyên) Năm là quý thống, cho uống thang Diệu-Hương.

Quý thống tức là hư thống, có khi đau khi không, dè không đau, ăn thì tạm bớt, mạch hư nhược nên dùng Diệu-Hương-Tán hoặc Lý-Trung Thang gia Nhục-Quế, Mộc-Hương mà trị.

六食痛平胃煎 (Lục-Thực thống, Bình-Vị tiên) Sáu là thực-thống, uống thang Bình-Vị.

Ăn tích mà đau ọi lên mùi chua, chứng đau này nổi lên một lần ở bụng nên dùng phương Bình-Vị Tán gia Sơn-Tra, Cốc-Nha mà trị. Nếu bị thương về uống rượu gia thêm Cát-Căn 3 chỉ, Sa-Nhơn 1 chỉ.

Như mới bệnh phải thờ, nếu bệnh lâu phải cho hạ là chánh pháp.

七飲痛二陳啞 (Thất ảm thống, Nhị-Trần yên) Bảy là ảm thống, uống thang Nhị-Trần.

Đờm nước đọng lại sanh đau, rồi ọi ra nước trong hoặc dưới cách óc ách có nước, nên dùng Nhị-Trần thang gia Trạch-Tả, Bạch Truật làm chủ phương, nếu bệnh nặng dùng thang Thập-Tảo cũng có thể uống được.

八冷痛理中全 (Bát lãnh thống, Lý-Trung toàn) Tám là lãnh thống, uống thang Lý-Trung.

Mình mát lạnh mà đau, mạch nhỏ, miệng không đắng hôi, nên dùng thang Lý-Trung gia Phụ-Tử, Nhục-Quế làm chủ mà trị, nếu có ọi mưa dùng thang Ngô-Thù-Du làm chủ trị.

九熱痛金鈴瘥 (Cửu nhiệt thống, Kim-Linh thuyên) Chín là nhiệt-thống, uống thang Kim-Linh.

Nhiệt thống thì mình nóng, mạch mau, trong miệng nóng nên dùng thang Kim-Linh-Tử Nguơn-Hồ-Sách mỗi vị 2 lượng tán nhuyễn uống với rượu chừng 2 chỉ gọi tên là Kim-Linh-Tử Tán uống rất công hiệu, nếu nóng nhiều dùng Huỳnh-Liên, Chi-Tử tán uống với nước gừng.

腹中痛照諸篇 (Phúc trung thống chiếu chư thiên) Trong bụng đau, coi các thiên trên.

Trên rún thuộc thái-âm, giữa rún thuộc thiếu-âm, dưới rún thuộc quyết-âm, hai bên sườn là nơi giao giới của thiếu-dương và quyết-âm, nên phân rõ chúng mà trị nhưng đại ý như ở trên.

金匱法可回天 (Kim-Quĩ pháp; khả hồi thiên) Pháp trong Kim-Quĩ, có thể xoay trời được.

Những luận ở trong bộ Kim-Quĩ Yếu-Lược đều là chứng chết làm sống lại được.

諸方論要拳拳 (Chư phương luận, yếu quyền quyền) Luận của các phương phải chăm chỉ mà dùng thuốc.

Sách Trung-Dung nói rằng : « Tác quyền quyền phục ung nhi phát thất chi hĩ. » nghĩa là : Phải chăm chỉ mà làm việc thì không sơ thất.

Đau về bụng đầy mà đi ỉa tức là hư, mùa và tả mà đau là bệnh thuộc về chứng Thái-âm, nên dùng thang Lý-Trung, trong bụng sôi ầm như sấm mà đau dữ, ối mùa ấy là khí hàn nên dùng thang Phụ-Tử Ngạnh-Mễ ấy tức là hạ lợi thì biết là hư chứng ; bụng đầy đau mà đại-tiện bế ấy là thực chứng, hoặc vì tiện bế mà đau không phát nóng. Nên dùng thang Hậu-Phác Tam-Vật đề công ở trong nếu tiện bế mà

đau lại thêm phát nóng thì dùng thang Hậu-Phác Thất-Vật đó là thông cả trong lẫn ngoài. Bế thông mà phát nóng đau suốt tới dưới sườn, mạch đi khẩn huyền thì cho thang Đại-Hoàng Phụ-Tử để vừa ôn vừa hạ, nếu thang ấy không dám cho uống thì lấy thang Đương-Quy Sanh-Khuông Nhục-Quế-Thang hay hơn, phải nên rõ như vậy.

又胸痹非偶然 (Hựu hung tý, phi ngẫu nhiên).  
Lại chứng hung tê, không phải là tình cờ.

Từ ngực và vai trở lên là thái-không của người, tôn-khí chứa ở để chớ không phải là sự tình cờ.

蘼白酒妙轉旋 (Phi-Bạch Tửu, diệu chuyển toàn) Thang Phi-Bạch Tửu vẫn chuyển rất hay.

Thang Quát-Lâu Phi-Bạch Tửu hoặc gia Bán-Hạ hoặc gia Chỉ-Thiệt, hay thang Phi-Bạch Quế-Chi đều vẫn chuyển rất hay.

虛寒者建中填 (Hư hàn giả, Kiến-Trung điền)  
Bệnh hư-hàn, uống thang Kiến-Trung.

Tâm hung lạnh quá mà đau, nôn ói không ăn uống được, đó là hàn-khí đưa lên, nên cho uống thang Đại-Kiến-Trung. Hễ thượng, trung hai tiêu bị hàn-tà làm tê, lấy vị Sâm Khuông để cứu lấy Chân dương hợp với di đờng (mạch nha) để gầy trung-khí lại gia vị tiêu cho đưa xuống để để cái khí đưa lên, phục lại chân dương ở hạ-tiêu đó là phương thuốc bổ.

## BÀI THUỐC PHÚC-THỐNG VÀ HƯNG-TÝ

Ô-Mai Hườn trị trùng thống. Tô-Hiệp-Hương Hoàn  
trị chú thống.

### Hương-Tô Âm. Trị khí thống

香附	Hương-Phụ	2 chỉ
蘇合	Tô-Hiệp	3 chỉ
陳皮	Trần-Bì	1 chỉ
甘草	Cam-Thảo	1 chỉ
生薑	Gừng-Sống	5 lát

Sắc 2 chén còn 8 phân uống. Nếu có tâm-thống gia 2  
chỉ Ngươn-Hồ-Sách nửa bát rượu.

**Thất-Khí Thang.** (Cũng gọi là Tứ-Thất Thang)  
(khai uất hóa đàm) Trị Thất-Tinh khí uất nghịch.

半夏	Bán-Hạ	3 chỉ
厚朴	Hậu Phác	3 chỉ
茯苓	Phục-Linh	3 chỉ
紫蘇葉	Tử-Tô-Diếp	1 chỉ
生薑	Gừng Sống	3 lát

Sắc 2 chén còn 8 phân uống.

**Bách-Hiệp Thang.** Trị tâm khâu lâu.

百合	Bách-Hiệp	1 lượng
烏藥	Ô-Dược	3 chỉ

Sắc ba chén còn 8 phân uống.

**Thất-Tiểu Tán.** Trị các chứng vì huyết trệ làm đau.

五靈脂	Ngũ-Linh-Chỉ (sao dấm)	1 lượng
蒲黃	Bồ-Hoàng	1 lượng

Cộng chung tán nhuyễn uống với dấm, mỗi ngày hai  
lần.



**Đào-Nhơn Thừa-Khí Thang.** Trị tâm phúc thống,  
đại tiện không thông người như cuồng.

桂枝	Quế-Chi	2 chỉ
桃仁	Đào-Nhơn	17 trái
大黃	Đại-Hoàng	4 chỉ
芒硝	Mang-Tiêu	7 phân
甘草	Cam-Thảo	7 phân

Sắc 3 chén còn 8 phân, rót nước ra xong bỏ Mang-Tiêu vào quây uống khi thuốc còn ấm.

**Đơn-Sâm Ấm.** Trị các chứng đau bụng và chứng thuộc về đau máu.

丹參	Đơn-Sâm	1 lượng
白檀香	Bạch-Đàn-Hương	1 chỉ
沙仁	Sa-Nhơn	1 chỉ

Sắc hai chén còn 8 phân uống.

**Diệu-Hương Tán.**

山藥	Sơn-Dược	1 lượng
茯苓	Phục-Linh	1 lượng
茯神	Phục-Thần	1 lượng
龍骨	Lông-Cốt	1 lượng
遠志	Viễn-Chí	1 lượng
甘草	Cam-Thảo	1 lượng
木香	Mộc-Hương	3 chỉ
吉更	Kiệt-Cánh	5 chỉ
射香	Xạ-Hương	1 chỉ
珠砂	Châu-Xa	2 chỉ

Cộng chung tán nhuyễn uống mỗi lần 3 chỉ với Liên-Tử-Thang.

**Bình-Vị Tán.** Trị ăn uống bị đình trệ (không tiêu tích đọng)

蒼 朮	Thương-Truật	2 chỉ
厚 朴	Hậu-Phác (sao)	2 chỉ
陳 皮	Trần-Bì	2 chỉ
甘 草	Cam-Thảo	1 chỉ
生 羌	Gừng-Sống	5 lát.

Sắc 2 chén nước còn 8 phân uống. Nếu ăn thịt bị tích gia thêm Sơn-Tra, ăn mì bị tích gia thêm Mạch-Nha, Lai-Bạc-Tử, ăn cơm bị tích gia Cốc-Nha, uống rượu bị tích gia Cát-Căn, Sa-Nhon.

**Nhị Trần Thang.** Xem chương Trúng-Phong.

**Thập Táo Thang.** Trị chứng thủy ảm mà đau, phương này rất mạnh không nên dùng thường.

**Lý-Trung Thang.** Trị lạnh thống.

人 參	Nhon-Sâm	1 chỉ
白 朮	Bạch-Truật	3 chỉ
干 羌	Càn-Cương	1 chỉ
甘 草	Cam-Thảo	1 chỉ 5
生 羌	Gừng Sống	3 lát.

Sắc 3 chén còn 8 phân uống.

**Ngô Thù Du Thang.** Trị lạnh thống, thông trị các chứng ăn cơm muốn ói, nhức đầu như búa chẻ, buồn bực muốn chết và thổ không thôi.

吳 茱 萸	Ngô-Thù-Du	2 chỉ 5
人 參	Nhon-Sâm	1 chỉ
大 棗	Đại-Táo	5 trái
生 羌	Sanh-Khương	5 chỉ

Sắc hai chén còn 8 phân uống lúc còn ấm.

**Kim linh tử tán.** Trị hông sườn đau, bụng đau hay như thần.

金鈴子	Kim-Linh-Tử (bỏ hạt)	2 lượng
元胡索	Ngưon-Hồ-Sách	2 lượng

Tán nhuyễn, mỗi lần uống ba chỉ với rượu.

**Hậu-phác tam vật thang.** Trị tâm phúc đau, đại-tiện bế.

厚朴	Hậu-Phác	4 chỉ
大黃	Đại-Hoàng	2 chỉ
枳實	Chi-Thiệt	1 chỉ 5

Sắc 2 chén còn 8 phân uống nóng.

**Hậu-phác thất vật thang.** Như thang trên, gia thêm :

桂枝	Quế Chi	1 chỉ 5
甘草	Cam-Thảo	1 chỉ 5
生羌	Sanh-Khương	2 chỉ 5
大棗	Đại-Táo	2 trái

Sắc 2 chén còn 8 phân uống, nếu có ới gia Bán-Hạ 1 chỉ, lạnh nhiều bội thêm Sanh-Khương 1 chỉ rưỡi.

**Phụ-tử ngạnh mễ thang.** Trị trong bụng có khí lạnh làm sôi bụng mà đau như cắt, bụng sườn đầy sanh ới mửa.

附子	Phụ-Tử (chế)	2 chỉ
半夏	Bán-Hạ	4 chỉ
炙草	Chích-Thảo	1 chỉ
硬米	Ngạnh-Mễ	5 chỉ
大棗	Đại-Táo	2 trái

Sắc 3 chén còn 8 phân uống lúc còn ấm, ngày đêm uống 3 lần.

**Đại hoàng phụ-tử thang.** Trị sườn dưới đau, phát nóng mạch đi khẩn huyền.

大 黄	Đại-Hoàng	3 chỉ
附 子	Phụ-Tử	3 chỉ
細 辛	Tế-Tân	2 chỉ

Sắc 2 chén còn 8 phân uống.

**Đương-Quy Sanh-Khương Dương-Nhục Thang.** Trị mọi chứng về tâm phúc thống đã hư cực dùng mọi thứ thuốc không hết uống bài này thấy hiệu nghiệm như thần, và trị các chứng đau sóc hông, đàn-bà bị sản-hậu đau quặn trong bụng,

當 歸	Đương-Quy	7 chỉ 5
生 羌	Sanh-Khương	1 lượng
羊 肉	Dương-Nhục	4 lượng (bỏ gân)

Sắc 5 chén nước còn 2 chén uống ấm mỗi lần 1 chén uống, mỗi ngày 2 lần.

**Quát-Lâu Phi-Bạch Bạch-Tửu Thang.** Trị ngực rang sườn, ho, bụng và lưng đau, mạch thốn trầm trì, quan mạch tiêu khẩn.

括 蕪	Quát-Lâu	5 chỉ
薤 白	Phi-Bạch	5 chỉ

Rượu trắng 3 chén sắc còn 8 phân uống gia Bán-Hạ gọi là Quất-Lâu Phi-Bạch Bán-Hạ Thang. Trị ngực rang nằm không được bụng đau đến lưng.

**Đại Kiến-Trung Thang.** Trị bụng lạnh đau, ới không ăn uống được.

川椒	Xuyên-Tiêu	3 chỉ
干羌	Càng-Khương	4 chỉ
人參	Nhơn-Sâm	3 chỉ

Sắc hai chén-còn một chén bỏ sát, chò vào 4 chỉ Giao-Di sắc còn lại 8 phân để ấm uống. Sau một lúc lâu có thể ăn được nửa tô cháo nóng.

CHƯƠNG VIII

隔 食 反 胃

CÁCH-THỰC PHIÊN-VỊ

隔食病津液乾 (Cách-thực bệnh, tân-dịch cạn)  
Bệnh Cách-thực, do tân-dịch khô.

Trong phương thư gọi cách là chứng bệnh ở trên ngực  
ngăn cách, lại nói cách là ăn đồ không xuống mà ứ cách. Tân  
dịch khô ấy là nguồn gốc của bệnh cách-thực.

胃脘閉殺食難 (Vị quản bế, cốc thực nan)  
Miệng bao-tử đóng lại, thời món ăn khó xuống.

Khi vị quản khô thì rút nhỏ lại, uống nước thì thông  
được, mà đồ ăn khó xuống được.

時腎法左歸餐 (Thời Hiền pháp, Tả-Quy xan)  
Phép của bậc hiền, cho uống Tả-Quy Âm.

Ông Triệu-Dương-Quy dùng đại tề Lục-Vị Thang làm  
gốc, ông Cao-Cổ-Phong cũng phỏng theo phép của ông  
Triệu-Dương-Quy tức là bài Lục-Vị gia Sanh-Địa, Đương-  
Qui làm chủ. Còn ông Dương-Thừa-Lục dùng bài Tả-Quy  
Âm bổ Phục-Linh gia Đương-Quy, Sanh-Địa. Cho là trong  
bài Tả-Quy Âm có vị Cam-Thảo dẫn vào Dương-Minh khai  
triển vị âm, bớt Phục-Linh là đề phòng nước tràn vào  
khâm (thận) chỉ bằng chỉ chuyên lo về Dương-Minh còn  
ông hiệu mau chóng hơn.

胃陰展貴門寬 (Vi âm triển, bí môn khoan)  
Vi âm mở, bí môn rộng.

Như cao như mở chứa động ở dưới đáy vị tức là vị âm vậy. Những người bị chứng cách lâu ngày thì vị âm mất ông Cao-Cồ-Phong nói rằng : « Trị chứng cách chỉ trị ở Dương-Minh là đủ. » Dương-Minh tức là vị. Bởi vì vị âm đầy thì của bí môn ở trên mở rộng đồ ăn mới vào được, cửa U-Môn, Lan-Môn có nhuần ướt thì nhị tiện mới thông mà chứng cách mới hết.

啟膈飲理一般 (Khải cách âm, lý nhứt ban)  
Bài Khải-Cách lý cũng vậy.

Bài Khải-Cách Âm cũng là ý hòa vị, dưỡng âm. Nhưng phương này làm tiết khí uất của phế, phương kia để cứu thận-thủy bị khô ráo, một đằng âm, một đằng dương nên chọn mà dùng.

推至理衝脈干 (Xuy chí lý, xung mạch can)  
Xuy cho tới lẽ, là bởi xung mạch can lên.

Ông Trương-Thạch-Ngoan nói rằng : « ở nơi cách yết mà khí giao thông không xuống được là bởi xung mạch đưa lên, cho nên làm ra khí nghịch.

大半煎加蜜安 (Đại Bán-Hạ, gia Mật an)  
Thang Đại-Bán-Hạ, thêm Mật vào uống.

Xung mạch không trị mà chỉ giữ lấy dương-minh. Cụ Trọng-Cảnh dùng Bán-Hạ để chặn nghịch khí của xung-mạch xuống, dùng Nhân-Sâm để sanh Tân-dịch đã mất, dùng ngọt cho nhuần, thủy để dè cái nước đưa ngược lên, những phương của bậc thánh để lại. Duy-có cụ Trọng-Cảnh biết dùng.

金匱秘仔細看 (Kim-Quĩ bí, tử tế khan) Bí quyết của bộ Kim-Quĩ, phải xem thật kỹ.

Bí quyết của bộ Kim-Quĩ nói rõ cách dùng Bán-Hạ rất rõ-ràng, đến đời sau các nhà làm thuốc thấy Bán-Hạ là sợ không dùng. Bỏ cả thuyết của thánh-nhơn. Người nào xướng khởi ra thật là đáng ghét.

若反胃實可嘆 (Nhược Phiên-vị, thực khả than) Nếu mà phiên-vị, thật đáng than.

Ăn vào một hồi lâu lại ói trở ra ấy gọi là phiên-vị.

朝暮吐分別看 (Triều mộ thổ, phân biệt khan) Sớm hay chiều thổ, phải chia ra mà trị.

Sáng ăn chiều mửa, chiều ăn sáng mửa, ấy chúng là cách thực nên phân biệt cho rõ mà trị

乏火化屬虛寒 (Phạp hỏa hóa, thuộc hư hàn) Thiếu chất lửa hóa, thuộc hư-hàn.

Ông Vương-Thái-Bộc nói rằng : « Ăn không vô được là có hỏa, ăn vô rồi lại thổ ra là không có hỏa. » Chúng này thuộc trung-tiêu, hạ-tiêu, hỏa suy không còn nghi ngờ gì nữa.

吳茱飲獨附丸 (Ngô-Thù Âm, Độc-Phụ Hoàn) Uống thang Ngô-Thù-Du hay Độc-Phụ Hoàn.

Cái hay của thang này là vị Ngô-Thù trấn đê nghịch khí của kinh quyết-âm, cho vị cam ôn vào, khiến cho Chấn (phong) Khôn (thổ) hợp đức thời thổ mộc không hại nhau.

六君類俱神丹 (Lục-Quân Loại, cấu thần đơn) Thang Lục-Quân đều là thuốc thần.

Như những loại Lục-Quân-Tử thang gia khươn, Phụ và thang Phụ-Tử Lý-Trung.



## BÀI THUỐC LOẠI CÁCH-THỰC PHIÊN-VI

**Tả-Qui Âm.** (Cảnh-Nhạc) Tức là thang Lục-Vi  
bớt Đơn-Bì, Trạch-Tả gia Câu-Kỷ, Chích-Thảo.

**Khải Cách Âm.** Trị chứng ăn vô thồ ra liền.

川 貝 母	Xuyên-Bối-Mẫu	1 chỉ 5
沙 參	Sa-Sâm	3 chỉ
丹 參	Đơn-Sâm	2 chỉ
鬱 金	Uất-Kim	5 phân
干 荷 蒂	Càn Hà-Đế	5 cái
沙 仁 壳	Sa-Nhơn Sác	4 phân
枳 頭 糠	Đậu-Khang	3 chỉ
茯 苓	Phục-Linh	1 chỉ 5
石 菖 蒲	Thạch-Xương-Bồ	4 phân

Sắc hai chén còn một chén uối

**Đại Bán-Hạ Thang.** Trị vị phiến.

人 參	Nhơn-Sâm	2 chỉ
半 夏	Bán-Hạ	4 chỉ

Bán-Hạ ngâm nước gừng hai ngày, mỗi ngày thay một lần rồi ngâm nước 3 ngày, mỗi ngày thay một lần, đem ra chưng chín xắt miếng phơi khô, dùng trường lưu thủy với mật sắc uống.

Sắc hai chén rưới còn 7 phân uống.

**Ngô-Thù-Du Thang.** (Xem chương tâm phúc thống)

**Lục-Quân-Tử Thang.** Phương này bổ tỳ, kiện vị trừ đàm, ăn nhiều. Trăm bệnh có thể dùng bài thu công.

人參	Nhơn-Sâm	2 chỉ
白朮	Bạch-Truật (sao)	2 chỉ
茯苓	Phục-Linh	2 chỉ
半夏	Bán-Hạ	2 chỉ
陳皮	Trần-Bì	1 chỉ
炙草	Chích-Thảo	1 chỉ
生羌	Gừng Sống	5 lát
大棗	Đại-Táo	2 trái

**Phụ-Tử Lý-Trung Thang.** Trị phiên-vị tức là bài Lý-Trung gia thêm Phụ-Tử. Trị-phiên-vị nên gia thêm Phục-Linh 4 chỉ, Cam-Thảo bớt đi nửa.

CHƯƠNG IX

氣 喘

BỆNH KHÍ SUYỀN

喘促證治分門 (Suyễn xúc chứng, trị phân môn) Chứng suyễn xúc, chia từng môn mà trị.

Hơi thở gấp mà đưa lên nên phân biệt mà trị.

鹵莽輩只覓元 (Lồ mǎng bối, chỉ trình-nguyên)  
Bọn lồ-mǎng, chỉ dùng thang Trình-Nguyên.

Bài Trình-Nguyên Âm là tri chứng huyết hư mà khí không nơi phụ thì uống phương này cho đỡ huyễn, trong bài này có Thực Địa, Đương Qui, làm nhuận, có Cam Thảo vị ngọt làm ngọt làm huyễn, đó là thang thường uống để điều-dưỡng, chớ không phải phương cấp cứu. Các thầy thuốc ngày nay hề gặp chứng nguyên-khí muốn thoát mà đưa lên. Thường dùng bài này để cho mau ngụy. Thực đáng than phiền lắm chứ !!!

陰霾盛龍雷奔 (Âm mai thịnh, long lôi bôn.)  
Âm thịnh lửa long lôi đông.

Bệnh suyễn phần nhiều thuộc về âm, bệnh âm là âm-tà, không có lửa chiếu lên không-trung thời làm sao lui được quãn-âm. Nếu dùng những loại như Đại-Hoàng để phụ hạ châm âm, thì khí âm xung lên đây trời ám, mà cái hỏa long lôi nhân đó lại càng bùng lên.

實喘者痰飲掇 (Thực suyễn giả, đàm ăm viên)  
Chứng suyễn thực, do đàm-ăm.

Chúng suyễn thuộc về thực là do phong-hàn không giải được, lại có đàm âm giúp vô. Cho nên làm ho hen nhiều mới làm ra suyễn.

葶歷飲十棗湯 (Đình-Lịch ẩm, Thập-Tảo thang) Uống Đình-Lịch ẩm, Thập-Tảo thang.

Phế khí mà thực, đường của khí bị bế tắc, sanh ra suyễn, dùng Đình Lịch Đại-Tảo Tả-Phế Thang làm chủ trị. Ho mà có hơi suyễn là dưới bụng bị động âm, hoặc hai bên sườn đầy đau, nên dùng bài Thập-Tảo Thang mà trị.

青龍輩徹其藩 Thanh-Long bối, triệt kỳ phan) Những thang Thanh-Long, trị dứt được.

Bài này giải biểu kiêm cả lợi thủy, trị cả tà bên trong, bên ngoài, đều đuổi đi được.

虛喘者補而溫 (Hư suyễn giả, bổ nhi ôn) Chúng hư suyễn, phải ôn bổ.

Chúng hư suyễn làm hơi thở gấp không thể nối liền, mạch di hư tế mà vô lực nên lấy hai chữ ôn, bổ làm chủ. Nhưng có khi lấy bổ làm ôn, có khi lấy ôn làm bổ, chớ nên theo một đường mà dùng thang Trịnh-Nguyên hoài làm cho hư trệ đàm dãi vầy.

桂苓類腎氣論 (Quế-Linh loại, thận khí luân) Như loại thang Quế-Linh, Thận-Khí hoàn.

Cụ Trọng-Cảnh nói rằng : « Khí ngắn có thủy ẩm nên cho theo đường tiêu-tiền đi ra. » Nên dùng bài Quế-Linh Truật Cam Thang làm chủ hay bài Thận-Khí Hoàn cũng được.

平衡逆泄奔騰 (Bình Sung nghịch, tiết bên dâng) Bình hơi xông lên, tiết hơi bên dâng.

Cái khí đưa lên nên dùng Tiểu Bán Hạ gia Phục-Linh Thang mà dè xuống ; chúng bôn dâng mới bắt đầu, dưới rún có động khí lâu sẽ đưa lên nhói tới tim, nên dùng Phục-Linh Quế-Chi Cam-Thảo Đại-Táo Thang làm êm dịu.

真武劑治其源 (Chân-Vũ Tề, trị Kỳ nguyên)  
Thang Chân-Vũ, trị ở gốc.

Trong Nội-Kinh nói rằng : « Chúng suyền ngọn ở phổi, còn gốc thời ở thận, » Cho nên bài Chân-Vũ Tề gốc trị bình suyền.

金水母主諸坤 (Kim thủy mẫu, chủ chư khôn)  
Mẹ kim thủy chủ ở khôn (thờ).

Phổi thuộc kim chủ ở trên, thận thuộc thủy chủ ở dưới. Chúng hư suyền cơ nguy của trời với nước không giao với nhau. Trị bệnh phải cầu ở gốc, phải biết rằng trời với nước cùng một khí mà vị trí ở trong trời với nước là khôn thờ, thờ là mẹ của kim, kim là mẹ của thủy những chứng ngặt-nghèo phải lấy tỳ vị làm chủ.

六君子妙難言 (Lục-Quân-Tử, diệu nan ngôn)  
Thang Lục-Quân-Tử, hay không thể tả được.

Bài Lục-Quân-Tử gia Ngũ-Vi, Càn-Khương, Bức Tề Tân là phép trị suyền như thần, nếu mặt sừng gia Hạnh-Nhơn, mặt nóng như người say rượu gia Đại-Hoàng, Phụng này các thời Y nghe tới lấy làm sợ, nhưng đọc rõ bộ Kim-Quĩ mới biết lời nói của tôi là không sai.

他標劑忘本根 (Tha tiêu tề, vong bản căn)  
Những phương thuốc khác, quên cả cội gốc.

Duy có bài Hắc-Tích Đơn trấn nạp ngưng-khí, bình suyền phải dùng phương ấy. Ngoài ra các phương khác như Tô-Tử Giáng-Khí Thang, Định Suyền Thang và Trần-Hương, Hắc-Diên các loại ấy là món hại người.

## BÀI THUỐC LOẠI KHÍ.SUYỀN

**Tô-Tử giáng-khí thang.** Trị chứng trên thịnh dưới hư, khí suyễn.

蘇子	Tô-Tử (sao sỡ)	2 chỉ
前胡	Tiền-Hồ	2 chỉ
當歸	Đương-Quy	1 chỉ
半夏	Bán-Hạ	1 chỉ
陳皮	Trần-Bì	1 chỉ
厚朴	Hậu-Phác	1 chỉ
沉香	Trầm-Hương	5 phân
炙草	Chích-Thảo	5 phân
生羌	Cùng	3 lát
大棗	Đại-Táo	2 trái

Sắc hai hai chén nước còn 8 phân.

**Đình Lịch Đại Táo Tà Phế Thang.** Trị chứng uống nhiều mà phế khí bế, khí bế thời hô-hấp không được như thường. Dùng phương này có chất đắng dễ giáng xuống tiết thực-tà.

Đình-Lịch-Tử... (sao sỡ) nghiền nát như bùn 2 chỉ lấy một chén nước với 12 trái táo, sắc còn 8 phân bỏ Đình-Lịch vô uống.

**Trinh-Nguyên Âm.** Âm huyết, tức là nơi dưỡng khí nướng tựa, nếu huyết hư thì khí không nơi nướng tựa, hoặc có khi hơi suyễn, dần bà huyết hải thượng hư phần nhiều có những chứng ấy, ông Cảnh-Nhac lập phương với ý là ở bốn chữ Tế, Chi, Hưn, Chi. Tế dùng Thược, Qui. Hưn dùng Cam-Thảo, ý nghĩ như thế.

Ngày nay nười ta gia Tử-Thạch-Anh Hắc-Diên là thứ trọng trấn thời không còn nghĩa hườn, gia Trầm-Hương, Bạch-Giới-Tử các vị cay đắng thời mất nghĩa chữ tế.

地 黄	Sanh-Địa-Huỳnh	1 lượng
當 歸	Đương-Quy	3 chỉ
炙 草	Chích-Thảo	2 chỉ

Sắc ba chén còn 8 phân uống.

**Linh Quế Truật Thảo Thang.** (Kim - Qui) Trị hơi ngắn. Ông Dụ-Gia-Ngôn nói rằng : «phương này trị hơi thở ra ngắn.»

茯 苓	Phục-Linh	4 chỉ
白 朮	Bạch-Truật	2 chỉ
桂 枝	Quế-Chi	2 chỉ
炙 草	Chích-Thảo	1 chỉ 5

Sắc hai chén còn 8 phân uống.

**Thận-khí hoàn.** (Kim-Quy) Trị hơi ngắn. Ông Dụ-Gia-Ngôn nói rằng : « Phương này trị hơi hút vào ngắn. »

生 地 黄	Địa-Huỳnh	8 lượng
山 药	Sơn-Dược	4 lượng
山 茱 萸	Sơn-Thù-Du	4 lượng
茯 苓	Phục-Linh	3 lượng
丹 皮	Đan-Bì	3 lượng
宅 左	Trạch-Tả	3 lượng

附子	Phụ-Tử	2 chỉ
桂枝	Quế-Chi	1 lượng

Các vị thuốc trên tán nhuyễn hòa mật làm hườn bằng hột ngô đồng mỗi lần uống từ 15 đến 20 hườn với rượu.

**Phục-linh Cam-thảo Đại-táo thang.** (Trọng-Cảnh)  
Trị khí suyền, mà ở dưới rún có động khí.

茯苓	Phục-Linh	6 chỉ
桂枝	Quế-Chi	2 chỉ
芫花	Chích-Thảo	2 chỉ
大枣	Đại Táo	4 trái

Sắc ba chén rưới nước, trước nấu Phục-Linh còn hai chén rồi bỏ các vị thuốc kia vô sắc còn 7 phân uống (Sắc dùng trường lưu thủy, rất tốt).

**Chan-Vũ Thang.** Trấn nghịch thủy trị đàm suyền như thần.

茯苓	Phục-Linh	3 chỉ
生姜	Sanh-Khương	3 chỉ
白芍	Bạch-Thược	3 chỉ
白木	Bạch-Truật	2 chỉ
附子	Phụ-Tử	1 chỉ

Sắc hai chén còn 8 phân uống.

Nên dùng Phục-Linh bằng hai, nếu ho nhiều bỏ Sanh-Khương gia Càn-Khương 1 chỉ 5, Ngũ-Vị 1 chỉ, Tế-Tân 1 chỉ.



**Hắc Tích đơn.** Trị tỳ, thận, hư lạnh, trên thiệt, dưới hư, năm thứ thủy hhi, trúng-phong đàm trào lên nguy cấp.

沈香	Trần-Hương	5 chỉ
補骨脂	Kim-Linh-Tử	
附子	Phụ-Tử	5 chỉ
胡盧巴	Hồ-Lưu-Bá	5 chỉ
肉桂	Nhục-Quế	5 chỉ
小茴香	Tiểu-Hồi-Hương	1 lượng
硫黃	Lưu-Huỳnh	3 lượng
黑鉛	Hắc-Diên (sao với Lưu-Huỳnh thành hột sỏi)	3 lượng

Tất cả tán nhuyễn. Rượu chung quây hồ làm hườn bằng hột ngô, để khô mỗi lần uống bốn, năm chực hườn với nước gừng.

CHƯƠNG X

血 證

HUYẾT - CHỨNG

血之道化中焦 (Huyết chi đạo, hóa trung tiêu)  
Đường của huyết, bởi trung-tiêu hóa ra.

Nội-Kinh nói rằng : « Trung-tiêu thụ khí lấy nước biển hóa ra đỏ gọi là huyết. »

本衝任中溉澆 (Bản xung - nhâm, trung khái nhiều) Cốc ở xung nhâm, rồi tưới đi các nơi.

Máu chảy tràn một nửa theo mạch xung-nhâm rồi mới đi qua kinh lạc.

溫肌滕外逍遙 (Ôn cơ tẩu, ngoại tiêu diêu)  
Ấm da và chân lông, ngoài được êm diêu.

Máu chảy một nửa tản ra mạch ở ngoài mà làm cho da và chân lông êm diêu.

六淫逼經道搖 (Lục-dâm bức, kinh đạo dao)  
Sáu-Khí dâm bức, đường đi của huyết bị lay động.

Lục-dâm là phong, hàn, thử, thấp, táo, hỏa ; kinh là chừ-ờng , đạo là đường , nói rằng ; « Đường của máu thường đi, nếu bị ngoại tà xâm vào thì bị lay động. »

宜表散麻芍條 (Nghị biểu tán, Ma Thược diêu) Nên tán biểu, uống Ma Thược.

Bị ngoại-thương nên tán biểu. Ông Đông-Viên trị một người ở trong chứa hư nhiệt, bên ngoài bị cảm hàn mà lại

thồ huyết. Theo cụ Trọng-Cảnh dùng Ma-Hoàng Thang gia bồ tề gọi là Ma-Hoàng Nhơn-Sâm Thược-Dược Thang uống vào khỏi ngay.

七情病溢如潮 (Thất tình bệnh, dật như triều)  
Bệnh thất tình (bảy tình) nghĩa là hỉ (mừng) nộ (giận) ải (thương) cụ (sợ) ái (yêu) ố (ghét) dục (hàm muốn). Thất-tình động bởi ngũ-chí, cho nên sách thuốc thường bảo rằng : « Năm-tạng đều có hỏa » Ngũ-chí mà dung lên thì hỏa động, hỏa động thời huyết theo hỏa mà tràn lên, nhưng ngũ-chí bị thương đã lâu tức là hư hỏa. Nên lấy phương cam ôn mà trị

引導法草茺調 (Dẫn đạo pháp, thảo Khương điều) Phép dẫn đạo, Thảo Khương trị.

Cam-Thảo Càn-Khương Thang hay như thần, hoặc gia Ngũ-Vị-Tử 2 chỉ, nếu hỏa thịnh gia thêm Càn-Tang-Bị 3 chỉ, Tiêu-Mạch một lượng. Các Thời Y nhơn bài Qui. Tỳ có dẫn huyết trở về tỳ, theo huyết này bảo rằng : dẫn huyết trở về tỳ, tức là dẫn huyết trở lại kinh. Thử hỏi tỳ có bao lớn, chứa bao nhiêu huyết ? chứa được mấy đầu mấy bồn không ? nếu đem huyết đưa hết vào trong tỳ nó sẽ bề ra còn gì ! Các người như thế mà tự phụ là Lương-Y, thật là đáng giận lắm.

溫攝法理中趨 (Ôn nhiếp pháp, Lý-Trung-Siêu) Phép ôn nhiếp, thang Lý-Trung là hơn.

Bài Lý-Trung gia Mộc-Hương, Đương-Qui, sắc uống. Phàm gặp chứng thồ huyết nếu uống thuốc mát và thuốc tư nhuận nhiều quá, bên ngoài có vẻ lạnh lạnh ấy là dương hư, âm tẩu (chạy) phải dùng phương này cho huyết được ấm để đi theo trong kinh-lạc.

涼瀉法今痰銷 (Lương tả pháp, linh ú tiêu)  
Phép lương tả, khiến ú tiêu.

Thế hỏa thịnh, mạch đi hồng hữu lực thì cái phương hàn lương là gốc mà không thể bỏ được. Nhưng người nay hề gặp huyết chứng thì dùng những loại Ngẫu-Tiết, Hắc-Chỉ, Bạch-Cập, Cửu-Mặc để cho chỉ và sắt huyết lại để đến nỗi lưu ú không tan ra được mà thành chứng hư lao.

Kim-Quĩ có bài Tả-Tâm dùng vị Đại-Hoàng nhiều hơn, vị Cầm, Liên đó là phép lấy hàn trực-ú. Bài Bá-Diệt trị thổ huyết không ngừng, đó là phép lấy ôn để tiêu ú. Hai phương này một phương ôn, một phương hàn đối nhau.

赤豆散下血標 (Xích đậu tán, hạ huyết tiêu)  
Bài Xích đậu tán, trị hạ huyết.

Trước khi ỉa có máu gọi là cận huyết, Kim-Quĩ dùng Đương-Quy Xích-Tiêu Đậu Tán.

若黄土實翹翹 (Nhược Huỳnh-Thồ, thực kiều kiều) Còn Thang Huỳnh-Thồ hay chói lợi.

Sau khi ỉa mới ra máu ấy gọi là Viễn-huyết, Kim-Quĩ dùng bài Huỳnh-Thồ,

一切血此方饒 (Nhứt thiết huyết, thử phương nhiều) Những huyết chứng, phương này trị được hết.

Huỳnh-Thồ Thang không những trị riêng chứng viễn-huyết như thổ huyết, nục-huyết, đại-tiên huyết, tiểu-tiên huyết, đàn bà huyết băng, và huyết lỵ lâu ngày không khỏi. Đều trị được cả, phương này, làm ấm trung cung thổ tạng (tỳ) lại lấy những phẩm hàn, nhiệt để giúp nhau, thật là hợp pháp.

## PHỤ LỤC

Ngũ tạng đều có huyết, Lục phủ không có huyết ta thử coi mô bụng các loại thú dưới trái tim giáp với xương sống, trong bào-lạc có nhiều huyết, trong gan có nhiều huyết, tâm, tỳ phế, thận đều có huyết cả. Chỉ có Lục phủ không huyết,

Gần đây người ta cho thờ huyết nhiều là huyết ở vị. Câu nói này đều là lầm lẫn. Phàm thờ huyết ở ngũ-tạng thời chết. Còn những chứng thờ-huyết, nhục-huyết, hạ-huyết, ấy là huyết ở kinh-lạc tan<sup>o</sup>ra vậy.

## BÀI THUỐC LOẠI HUYẾT CHỨNG

**Ma-hoàng nhơn-sâm thực-độc thang.** (Đông Vién) Trị thổ huyết, ngoại-cảm hàn-tà. Bên trong hư nóng.

桂枝	Quế-Chi	5 phân
麻黄	Ma-Hoàng	3 phân
黄底	Huỳnh-Kỳ	3 phân
炙草	Chích-Thảo	3 phân
白芍	Bạch-Thược	3 phân
人参	Nhơn-Sâm	3 phân
麦冬	Mạch-Đông	3 phân
五味子	Ngũ-Vị-Tử	5 hột
当归	Đương-Qui	5 phân

Sắc ba chén còn 8 phân uống nóng.

**Cam-thảo càn-khương thang.** (Kim-Quy)

炙草	Chích-Thảo	4 chỉ
干羌	Càn-Khương	2 chỉ

Sắc hai chén 8 phân uống

**Bá-diệp thang.** (Kim-Quy) Trị thổ huyết không ngừng. (ngọt)

把葉	Bá-Diệp	2 chỉ
干羌	Càn-Khương	1 chỉ
艾葉	Ngải-Diệp	1 chỉ
童便	Đông-Tiện	2 chén

Sắc với hai chén nước còn 8 phân uống

**Huỳnh-thồ thông.** (Kim-Quí) Trị sau khi tiêu rồi ra máu gọi là viễn huyết, cùng trị cả chứng nục-huyết, thổ-huyết nữa.

黄 土	Huỳnh-Thồ	4 chỉ
生 地	Sanh-Địa	1 chỉ 5
黄 苓	Huỳnh-Cầm	1 chỉ 5
甘 草	Cam-Thảo	1 chỉ 5
阿 膠	A-Giạ	1 chỉ
白 朮	Bạch-Truật	1 chỉ 5
附. 子	Phụ-Tử	1 chỉ

Sắc 3 chén còn tám phân uông nóng.

## CHƯƠNG XI

### 水 腫

# THỦY THỦNG

水腫病有陰陽 (Thủy thủng bệnh, hữu âm dương) Bệnh thủy thủng, có âm dương.

Bệnh thũng thì da phình lớn lên, khi mới khởi ở dưới mắt có hình như con tằm nằm ngang, rồi sau lần lần phình đều cả mình. Nếu mình lấy tay đè vô rồi phình ra liền ấy là chứng thủy thũng. Còn đè vô rồi một hồi lâu mới phình ra ấy là chứng khí thũng. Ông Cảnh-Nhạc cho rằng phình liền là khí, nếu không phình là thủy. Nhưng xét rằng : khí đi thủy cũng đi, nếu thủy trệ thời khí cũng trệ, cho nên có thể phân mà cũng không có thể phân ra được. Chỉ lấy dương-thủy, âm-thủy phân biệt được thôi.

便清利陰水殃 (Tiện thanh lợi, âm thủy ương) Tiêu-tệu nhiều và trong, hại do bởi âm thủy.

Tiêu tiện tự lợi, miệng không khát ấy thuộc hàn gọi là âm-thủy.

便短縮陽水傷 (Tiện đoản súc, dương thủy thương) Tiêu-tệu đi rất, thương bởi dương thủy.

Tiêu tiện đi rất, miệng khát ấy thuộc nhiệt gọi là dương thủy.



五皮飲元化方 (Ngũ-Bì Âm, phương của ông Nguơn-Hóa.

Lấy da trị da mà không thương tới trung-khí, phương đó là của ông Nguơn-Hóa.

陽水盛加通防 (Dương thủy thịnh, gia Thông Phòng) Dương thủy thịnh, gia thêm Thông, Phòng.

Bài Ngũ-Bì Âm gia thêm những loại Mộc-Thông, Phòng-Kỷ, Xích-Tiền-Đậu.

陰水盛加桂羌 (Âm thủy thịnh, gia Quế Khương) Âm thủy thịnh, gia thêm Quế Khương.

Ngũ-Bì Âm gia thêm những loại Càn-Khương, Nhục Quế. Phụ-Tử.

知實腫薤枳商 (Trị thực thũng ; La chỉ thương) Biết bệnh thũng thuộc thực, uống loại La-Chỉ.

Biết thật là bệnh thũng thuộc thực, lúc tuổi trẻ bệnh thũng bỗng phát mà mạch thực thì cho gia những loại La-Bạch-Tử, Chỉ-Thiệt.

知虛腫參朮良 (Trị hư thũng, Sâm truật lương) Biết chắc bệnh thũng thuộc hư, uống Sâm, Truật.

Người già yếu bệnh lâu lần lần sanh thũng, mạch hư, gia những loại Nhon-Sâm, Bạch-Truật.

兼喘促真武湯 (Kiêm suyễn xúc, Chân-Vũ thang) Thêm chứng suyễn thở rút, uống thang Chân-Vũ.

Thũng nặng tiểu tiện không thông, khi suyễn, xích mạch hư nên dùng bài Chân-Vũ để hành thủy. Dùng Quế Linh Thảo Truật Thang hóa Khí của thái-dương bắt đầu uống trên mười thang, kế tiếp dùng hai thang Đạo-Thủy Phục-Linh thì khỏi liền.

Các thầy bây giờ chỉ trọng về gia vị Thận-Khí-Hườn mà không biết rằng : bổ trợ âm-khí, lại càng thêm thủy-tà đừng có khinh thường mà uống.

從俗好別低昂 (Tòng tục hiếu, biệt đê ngang)  
theo thói thường, chia cao thấp.

Các phép ở trên là theo thói thường, nhưng theo thói thường mà không theo qui cũ của tiên-dân thì cũng có thể giết người được.

五水辨金匱詳 (Ngũ thủy biện, Kim-Quĩ tường)  
Chia năm thủy, bộ Kim-Quĩ chú rõ.

Bệnh do ngoại cảm mà thành gọi là phong-thủy, bệnh theo ngoại cảm mà thành là tà đã thấm vào trong da nhưng không ở tại biểu mà ở tại lý gọi là bì thủy ; có khi bệnh không do ở phong mà do tam - âm kết thành nước gọi là chánh-thủy, có khi bệnh âm-tà nhiều mà chìm ở dưới gọi là thạch-thủy, có khi bệnh bởi phong, bởi thủy thương thành ra tâm uất nhiệt gọi là huỳnh-hãn. Bộ Kim-Quĩ nói rất rõ, đọc kỹ bộ Kim-Quĩ thì biết được tôn chỉ, đừng có lỗ mãng mà làm lỡ việc, trong các phương nghĩa lý rất tinh nên chú trọng mà coi thì rõ.

補天手十二方 (Bồ thiên thủ, thập nhị phương)  
Vá được trời, có mười hai phương.

Việt-Tỳ Thang, Phòng-Kỷ, Phục-Linh Thang, Việt-Tỳ gia Bạch-Truật Thang, Cam-Thảo Ma-Hoàng Thang,

Ma-Hoàng Phụ-Tử Thang, Hạnh Nhơn Thang, Bồ-Hôi Tán, Kỳ-Thước Quế Tửu Thang, Quế-Chi gia Huỳnh-Kỳ, Thang, Quế Cam Khương Táo Ma Tân Phụ-Tử Thang, Chi Truật Thang, Phụ Phương Ngoại-Đài Phòng-Kỷ Huỳnh-Kỳ Thang.

肩斯道勿爽涼 (Kiên tư đạo, vật viêm lương)  
Gánh đạo ấy, đừng ấm lạnh.

Tôi mong rằng : Mình đã gánh đạo ấy thì cứ noi theo đạo thánh mà làm, chớ đừng có theo thói đời mà khi chìm khi nổi.

## BÀI THUỐC LOẠI THỦY - THÙNG

**Ngũ-Bì Ấm.** Thông dụng trị bệnh thủng.

大腹皮	Đại-Phúc-Bì	4 chỉ
陳皮	Trần-Bì	3 chỉ
雲苓皮	Vân-Linh-Bì	4 chỉ
桑白皮	Tang-Bạch-Bì	2 chỉ
生羌皮	Vô Gừng-Sống	4 chỉ

Sắc ba chén còn tám phân uống ấm. Nếu thủng ở trên nên phát hàn gia thêm Tô-Điệp, Kinh-Giới, mỗi vị 2 chỉ, Phòng-Phong, Hạnh-Nhơn mỗi vị 1 chỉ 5; nếu thủng ở dưới nên thông lợi tiêu-tiện gia Phòng-Kỷ 2 chỉ, Mộc-Thông, xích-tiểu-Đậu mỗi vị một chỉ 5 phân, xuyên mã bụng trướng gia Sanh Lai-Bạch-Tử, Hạnh-Nhân mỗi vị 2 chỉ, nếu tiêu tiện không thông lợi ấy là dương-thủy, gia xích, tiểu-đậu, phòng-kỷ; còn tiêu tiện tự lợi ấy là âm thủy, gia Bạch-Truật 2 chỉ, Thương-Truật, Xuyên-Tiên mỗi vị một chỉ rưỡi nếu nóng gia Hải-Cấp 3 chỉ, Tri-Màu 1 chỉ 5; nếu lạnh gia Phụ-Tử, Càn-Khương mỗi vị 2 chỉ, Nhục-Quế 1 chỉ; có ới mửa gia Bán-Hạ, Sanh-Khương mỗi vị 2 chỉ; có đau bụng gia Bạch-Thược 2 chỉ, Quế-Chi 1 chỉ, Chích-Thảo 1 chỉ.

**Đạo Thủy Phục-Linh Thang.** Trị thủy thủng đầu mặt tay chân mình mảy đều sưng.

宅左	Trạch-Tả	3 lượng
赤茯苓	Xích-Phục-Linh	3 lượng
麥門冬	Mạch-Môn-Đông	3 lượng
白朮	Bạch-Truật	3 lượng
桑白皮	Tang-Bạch-Bì	1 lượng

蘇 蕪	Tù-Tô	1 lượng
兵 良	Binh-Lang	1 lượng
木 瓜	Mộc-Qua	1 lượng
大 腹 皮	Đại-Phúc-Bì	7 chỉ
陳 皮	Trần-Bì	7 chỉ
沙 仁	Sa-Nhon	7 chỉ
木 香	Mộc-Hương	7 chỉ

Trộn lộn mỗi lần uống 1 hay 2 lượng, nước 2 chén. Đãng-Thảo 30 cọng sắc còn 8 phân uống sau khi ăn một hồi lâu.

**Gia Giám Thận Khí Hườn.** Trị tỳ thận đều hư, thũng càng ngày càng to lên. Suyễn hen không ngũ được.

熟 地	Thục-Địa	4 lượng
狀 苓	Phục-Linh	3 lượng
肉 桂	Nhục-Quế	1 lượng
牛 必	Ngưu-Tất	1 lượng
丹 皮	Đơn-Bì	1 lượng
山 藥	Sơn-Dược	1 lượng
宅 左	Trạch-Tá	1 lượng
車 前 子	Xa-Tiền-Tử	1 lượng
山 茱 肉	Sơn-Thù-Nhục	1 lượng
附 子	Phụ-Tử	5 chỉ

Tán nhuyễn, luyện mật làm hườn bằng hột ngô đồng. Mỗi lần uống ba chỉ với Đãng-Thảo Thang. Mỗi ngày uống hai lần. Còn như bột lượng làm chỉ sắc uống gọi là gia giám Kim-Quí Thận-Khí Thang.

**Kim-Quy Huỳnh-Kỳ Thang.** (Kim-Quy) Trị phong thủy mạch phù, mình nặng xuất mồ-hôi sợ gió.

防己	Phòng Kỳ	3 chỉ
炙草	Chích-Thảo	1 chỉ 5
白朮	Bạch-Truật	2 chỉ
黃芩	Huỳnh-Kỳ	3 chỉ
生羌	Cừng-Sống	4 lát
大棗	Đại-Táo	1 trái

Sắc hai chén nước còn 8 phân uống.

**Việt-Tỳ Thang.** (Kim-Quy) Trị sợ gió khắp mình sưng, mạch phù, không khát nước, tự nhiên ra mồ-hôi, nóng nhiều.

麻黃	Ma-Hoàng	6 chỉ
石膏	Thạch-Cao	8 chỉ
甘草	Cam-Thảo	2 chỉ
生羌	Sanh-Khương	3 chỉ
大棗	Đại-Táo	5 trái

Nước nấu trước với Ma-Hoàng, bốn chén nước còn ba chén bỏ bã rồi sẽ bỏ các vị kia vào sắc còn 8 phân. Uống ngày và đêm chia làm 3 lần.

### Hạnh Tử Thang

Cam-Thảo      Ma-Hoàng      gia Hạnh-Nhon

**Phong-Kỳ Phục-Linh Thang.** (Kim-Quy) Trị tứ-chỉ sưng đầy, nước ở da lẩn-tẩn động.

防己	Phòng-Kỳ	3 chỉ
----	----------	-------

桂枝	Quế-Chi	3 chỉ
黄底	Huỳnh-Kỳ	3 chỉ
茯苓	Phục-Linh	6 chỉ
炙草	Chích-Thảo	1 chỉ

Sắc 3 chén còn 3 phân uống ngày và đêm, uống ba lần.

### **Bồ Hôi Tán (Kim-Quí)**

蒲炭	Bồ hôi	Nửa cân
滑石	Huyết-Thạch	1 cân

Tán nhuyễn mỗi ngày uống ba lần.

### **Cam-Thảo Ma Hoàng Thang**

麻黄	Ma-Hoàng	1 chỉ
甘草	Cam-Thảo	2 chỉ

Nước hai chén nấu Ma-Hoàng trước còn 1 chén bỏ bột, kế bỏ Cam-Thảo vào vào sắc còn 7 phân uống trộm mền lại cho ra mồ-hôi, nếu không ra nên uống thêm một lần nữa.

Hai vị trên đề thông phế khí giúp thở khí bên ngoài hành thủy khí.

### **Ma-Hoàng Phụ-Tử Thang.**

麻黄	Ma-Hoàng	3 chỉ
炙草	Chích-Thảo	2 chỉ
附子	Phụ-Tử	1 chỉ

Nước hai chén nấu trước Ma-Hoàng còn 1 chén rưới bỏ bột rồi cho các vị kia vào sắc còn 7 phân để ấm chia làm ba lần. Bài này làm phép ôn kinh, tấu hàn.

chuyền ra làm ôn kinh để lợi thủy rất hay.

**Huỳnh-Kỳ Quế Thuộc-Dược Khô Tửu Thang.**  
(Kim-Quĩ) Trị mình mẩy sưng thũng phát nóng ra mồ-hôi  
mà khát nước.

黄 瓜	Huỳnh-kỳ	5 chỉ
芍 药	Thuộc-Dược	3 chỉ
桂 枝	Quế-Chi	3 chỉ

Khô tửu 1 chén rưỡi, nước 1 chén sắc còn 8 phân  
để ấm uống.

**Quế-Chi Gia Huỳnh-Kỳ Thang.** (Kim-Quĩ) Trị  
bệnh mồ-hôi vàng, trái lại phát nhiệt không ngớt, trong  
ngực đau từ lưng trở lên ra mồ-hôi từ lưng trở xuống  
không có mồ-hôi.

桂 枝	Quế-Chi	3 chỉ
芍 药	Thuộc-Dược	3 chỉ
生 羌	Sanh-Khương	3 chỉ
炙 草	Chích-Thảo	1 chỉ
黄 瓜	Huỳnh-Kỳ	2 chỉ
大 棗	Đại-Táo	4 trái

Sắc 3 chén còn 8 phân để ấm uống.

Phương trước là phép trị chánh bệnh hoàng-hãn,  
phương này là phép trị huỳnh-hãn biến chứng.

*Saigon, ngày 15 tháng 5 năm 1958 D.L (Mậu Tuất)*

Đệ tử THANH-Y

**PHẠM-HỮU-TRẠI** Phụng-biên



## MỤC - LỤC

	Trang
<i>Chương I</i>	
Y-HỌC NGUYỄN-LUU . . . . .	.12
<i>Chương II</i>	
TRÚNG - PHONG và BÀI THUỐC loại TRÚNG-PHONG . . . . .	.22
<i>Chương III</i>	
HU-LAO và BÀI THUỐC loại HU-LAO . . . . .	.38
<i>Chương IV</i>	
KHÁI - THẤU và BÀI THUỐC loại KHÁI-THẤU . . . . .	.48
<i>Chương V</i>	
NGƯỢC-TẬT (RÉT) và BÀI THUỐC loại RÉT. . . . .	56
<i>Chương VI</i>	
LÝ CHỨNG và BÀI THUỐC loại LÝ CHỨNG . . . . .	.61

*Chương VII*

TÂM PHÚC THỐNG HƯNG TỶ và  
BÀI THUỐC . . . . . 66

*Chương VIII*

CÁCH-THỰC PHIÊN-VỊ và BÀI THUỐC. 77

*Chương IX*

KHÍ-SUYÊN và BÀI THUỐC loại KHÍ-  
SUYÊN . . . . . 82

*Chương X*

HUYẾT-CHÚNG và BÀI THUỐC loại  
HUYẾT-CHÚNG. . . . . 89

*Chương XI*

THỦY-THÙNG và BÀI THUỐC loại  
THỦY-THÙNG . . . . . 95

---

**THƯ LÂM ÁN THƯ QUÁN**  
*231-233 Phạm Ngũ Lão - Saigon*

---

## ĐÍNH CHÍNH

Trang 41 hàng 15 chữ Phương Nhị Thần có thể chết mà sống lại, xin sửa lại là Hai Phương Thần có thể chết mà cứu sống lại.

Mỗi quyền đều có chữ ký và con dấu của  
Dịch giả.

Thư từ và bưu phiếu mua sách xin đề cho :

Cụ TRẦN DUY BÌNH  
226, Đinh tiên Hoàng  
ĐAKAO — SAIGON

---

Giấy phép số 1266/XB  
ngày 13 8 1958 của HĐKD

*Dịch giả:* **TRẦN-DUY-BÌNH**

NGUYÊN TRƯỞNG BAN KHẢO-THÍ  
HỘI Y-DƯỢC VIỆT-NAM

# Y - HỌC

醫 學

TAM - TỰ - KINH  
三 字 經

Quyển II



CHÂN DUNG DỊCH GIẢ

## LỜI NÓI ĐẦU

*Đạo làm thuốc là Nhân Thuật mà lại là Ngụy nữa :  
Biết tôn-trọng tính mệnh người, biết Y lý để trị bệnh,  
đó là Nhân Thuật ; Coi tính mệnh người như cỏ rác,  
không biết Y lý để trị bệnh, sống thác mặc bay, tiền  
Thầy vô dấy, đó là Ngụy.*

*Đã trải mấy ngàn năm Y đạo ở Phương Đông ta  
do ở các bậc Tiên-Thánh Tiên-Hiền nghiên-cứu Y lý,  
lập thành phương thuốc để trị bệnh, viết ra sách để  
truyền lại đời sau, nếu ta không biết chữ, không biết  
đọc làm sao mà hiểu thấu tinh-tuyệt của Y lý để trị bệnh ?*

*Bởi vậy lời nói đầu ở Y-học Tam-tự-kinh quyển I  
tôi mới nói Tây Y họ khinh bỉ nghề làm thuốc của ta, vì họ  
thấy ta phần nhiều người không biết chữ không biết  
đọc cũng làm Thầy thuốc được, còn họ làm nghề thuốc có  
trường học, có chuyên khoa, tốn bao nhiêu công học hỏi  
mới thành ông Thầy thuốc. Nói như vậy là tôi có ý kỳ  
vọng khắp trong nước ta làm nghề thuốc ai ai cũng đều  
biết chữ, biết đọc cho có giá trị, ngõ hầu ngang hàng với  
Tây-Y như các nước Âu Mỹ; Đông-Y như nước Tàu,  
nước Nhật, chứ không phải tôi tôn-trọng nghề Thuốc Tây,  
mà khinh bỉ nghề thuốc của ta đâu, vả lại tôi đây cũng  
thuộc trong ngành Đông-Y.*

*Than ôi ! đạo làm thuốc rất cao sâu, nếu không biết  
Y lý không hiểu Âm, Dương, Thủy, Hỏa, không phân-*

*biệt Hàn, Nhiệt, Hư, Thực, làm sao mà trị bệnh cho người được, đã không trị bệnh cho người được, mà lại còn hại người nữa, không những hại người mà lại còn hại mình nữa, cho nên có câu: « Nhất thế Y, Tam thế suy » nghĩa là một đời làm thuốc, suy tới ba đời là thế.*

*Nay tôi đã dịch xong quyển II thế là trọn bộ Y-Học Tam-Tự kinh, đề cung hiến cho chư vị độc giả, sau này nếu tôi có khả năng sẽ dịch thêm các sách thuốc khác có ích, lần lượt xuất-bản, hoặc có giúp ích vào trong Y giới một phần nào, đó là nguyện vọng của tôi.*

*Nay xin có bài thơ đề tỏ-bày tâm-sự của tôi như sau :*

Nhà Nho tai mắt ở trên đời  
Một việc không thành cũng hồ người  
Kính sử dùi mài lòng chưa thỏa  
Non sông hò hẹn chí khôn nguôi  
Đã không Lương-Tướng tài yên nước  
Thì cũng Lương-Y thuật cứu người  
Trước cảnh muôn dân nhiều tật bệnh  
Dám đem tâm-sự ngỏ đôi lời.

Đông Y-Sĩ TRẦN-DUY-BÌNH  
Biệt hiệu : **Thi-Minh-Tử**  
Nguyên Trưởng-ban Khảo Thí  
Hội Y-Dược Việt-Nam

Hai bài thơ, một bài họa nguyên vận và một bài phóng vận của cụ Tuần-Phủ Trí-Sĩ Trần Tương-Công đề sách Y.Học Tam-Tự-Kinh quyển II.

**BÀI HỌA NGUYÊN VẬN**

*Ra sách Đông-Y giúp đỡ đời  
Nhà Nho dễ mấy được như người  
Quyền hai phần lớn công cang gắng  
Tuổi bảy mươi già chi chữa nguôi  
Không thể dụng binh thì dụng thuốc  
Mang lòng yêu nước để yêu người  
Thuốc ta đương bửa: cần tinh tiến  
Tam-Tự ai hay tán một lời.*

**BÀI PHÓNG VẬN**

*Bao năm trước thuật sách Đông-Y  
Quyền nhất ra xong lại quyền nhì  
Kể cách phò bày hơi giản-ước  
Về phần khảo cứu rất tinh-vi  
Cho hay Nho-học nhiều công dụng  
Diu dắt Sinh-viên một lối đi  
Tóc bạc lơ phơ lòng đỏ chói  
Có công Y-giới mấy ai bì.*

Canh-Tý quý Thu.

**Hán-học Cử-Nhân  
TUẦN - PHỦ TRÍ - SĨ  
Bắc-Kỳ Hưu-Tàu  
TRẦN - VĂN - ĐÀI  
phụng đề**



Mấy lời giới-thiệu của Nam-Dân Nguyễn Tiên-sinh  
đề sách Y-Học Tam-Tự-Kinh quyển II :

Độc cuốn Y-Học Tam-Tự-Kinh của bạn Thi-Minh  
Trần-Tiên-sinh, biết Tiên-sinh làm thuốc có bản lĩnh và  
có học thức nhiều. Đương thời buổi này thầy Lang ra  
đời đông như kiến cỏ, mà Tiên-sinh can-đảm đem Kinh  
này của cụ Trần-Tu-Viên sửa chữa phiên dịch và đem  
ấn loát đề lưu hành ở đời, khác nào ông Lục-Tuyên-  
Công sao các sách thuốc đem truyền bá, nổi tiếng là  
«Hoạt quốc hựu hoạt nhân» sau ông Hải-thượng Lãn-  
Ông mới có cuốn sách này là một, thực là có công với  
đời về nghề làm thuốc.

Vậy lăm bút phê bình và có mấy câu thơ sau này  
đề giới-thiệu cùng chư vị độc-giả :

*Rừng thuốc Đông Tây đủ mọi phương  
Mà kinh Tam-Tự lại tinh tường  
Tôn thầy Trọng-Cảnh làm khuôn mẫu  
Học cụ Tu-Viên chỗ họ hàng  
Chữa nước đã nên tài lão luyện  
Coi đời từng rõ bệnh cao hoang  
Mới hay Cách-mệnh xoay nghề khéo  
Lương-Tướng Lương-Y cũng một đường.*

**Hán-học Cử-Nhân**

**Trợ-Tá Tri-Sĩ**

**Đại-học Văn-Khoa Trường Giáo-Sư**

**Nam-Dân NGUYỄN-VĂN-BÌNH**

kính đề (ngày 5-11-1960)

Hai bài thơ, một bài Việt-văn và một bài Hán-văn của Hải-Thạch Nguyễn Tiên-Sinh đề sách Y-Học Tam-Tự-Kinh quyển II.

### BÀI VIỆT-VĂN

Nửa túi sâm linh, nửa túi thơ  
Trước lầu Bến-Nghé, cuốn rèm thưa  
Một liều thuốc đắng, xoay non nước  
Ba chữ kinh vàng, thét gió mưa  
Tinh mắt, đã rành căn bệnh mới  
Già tay cho biết giống Hùng xưa  
Mười năm chợt lĩnh mơ Đông-độ  
Rừng Hạnh đương hoa, tóc bạc phơ.

Hán-học Cử-Nhân  
Tri-Phủ Tri-Sĩ  
Hải-Thạch NGUYỄN-QUANG-ĐÓN  
kinh đề.

### BÀI HÁN-VĂN :

詩鳴子醫書題詞  
半壁蒼涼以術鳴  
白頭湖海一囊青  
皆余聖矣軒岐死  
此技神乎扁跼生  
鴻雁無聲啼國痛  
龍蛇非毒失天腥  
古來良相知多少  
幾見黃扉問難經  
漢學舉人知府致  
仕海石阮光焯敬  
題

Hai bài thơ của Việt-Nhân Vũ Tiên-sinh đề sách  
Y-Học Tam-Tự-Kinh quyển II.

1) *Tĩnh mộng Đông-du trái mấy sương  
Buồn trông hoa cỏ vẻ tang-thương  
Sắn bầu huyết nhiệt vì nôi giống  
Ghè bộ Thương-hàn rở thuốc thang  
Khoé mắt nhằm xa đời Trọng-Cảnh  
Côi lòng coi rẻ bọn Hàn-Khang  
Dịch kinh Tam-Tự chia từng loại  
Theo đúng nguyên văn rất rõ ràng.*

o°o

*Ai cũng khen ông thuốc mát tay  
Càng giàu kinh nghiệm lại càng hay  
Tĩnh thần Hồng, Lạc lo bồi bổ  
Phương pháp Hoàng, Nóng mượn giải bày  
Tướng nổi giang hồ thân đã nhẹ  
Trông vờ: hương quốc dạ còn cay  
Dịch kinh Tam-Tự Tu-Viên soạn  
Tĩnh họ hàng xa lại đạo thầy.*

**Hán-học Tú Tài**

**Hán-Văn Giảng-viên trường**

**Đại-học Sư - Phạm Saigon**

**Việt Nhân : VŨ-HUY-CHIỀU**

**Kính đề.**

Đề tặng Y-Học Tam-Tự-Kinh quyển II  
của Trần-Thi-Minh Tiên-sanh.

*Muốn cho nòi giống được khang cường  
Phải cậy Y-khoa đứng chủ trương  
Mừng cụ thất-tuần còn quốc thước  
Ra kinh Tam-tự đủ lương phương  
Thương đời phong vũ từng xông bước  
Cứu bệnh trăm kha mở nẻo đường  
Lớp trẻ sau này như có biết  
Soi vào nghĩa đó để làm gương.*

THANH-CHÂU  
HỒ-MỘNG-QUẾ Dalat  
kính đề

Kinh đề quyển Y-Học Tam-Tự-kinh Quyển II  
của Thi-Minh-Tử.

*Con cháu Thần-Nông hãy ghé trông  
Năm châu Y-giới rộng mênh mông  
Ngũ-thanh ngũ-sắc cần phân biệt  
Sinh-mệnh sinh-tâm phải hợp đồng  
Tấu-lý biết xoay nên dễ trị  
Cao-hoang gặp bí khó thành công  
Lương-Y Lương-Tướng kia ai đó ?  
Kỳ-Bá ngàn xưa những ước mong.*

Hán-học Cử-nhân  
Đệ : Tây-Hồ BÙI-TẤN-NIÊN  
kính đề

Ba bài thơ của cụ NGÔ-VĂN-TÙNG THUẬN-THIỆN  
ĐƯỜNG Phan-Thiết đề tặng Y-Học Tam-Tự kinh  
quyển II. Một bài họa và hai bài phúng vắn

(I) Xưa nay Thầy thuốc vẫn lo đời  
Chuyên trị bệnh đời dảm dễ người  
Nghe tiếng rên la lòng quá cảm  
Thấy ai đau khổ dạ nào người  
Đã rằng góp sức cùng Y-giới  
Ấu phải ra tay cứu mạng người  
Hải-Thượng Tu-Viên từng giáy bảo  
Y dân Y quốc nhớ ghi lời.

o°o

(I) Đông-Y Quốc-lão cụ Thi-Minh  
Tam-Tự thung-dung dịch đã thành  
Long-não cứu tra tài vẫn trọng  
Đặng-tâm diễn giải nghĩa thêm rành  
Đào-nhơn thỏa dạ nhà Tiên-bối  
Ích-tri vui lòng bọn Hậu-sinh  
Đại-kế lo sao dân khỏe mạnh  
Kim-ngân nào ngại của công mình.

o°o

(III) Kim-ngân nào ngại của công mình  
Quốc-lão Trần-Bình rục rỡ danh  
Viễn-chi lo toan dân thoát tử  
Liên-tâm cứu chữa bệnh hồi sanh  
Bây giờ Xuyên-luyện người Nam-Việt  
Có lúc lưu-hành xứ Bắc-kinh  
Hải-Thượng Thiên-môn đã thỏa dạ  
Tu-Viên Bắc-hải rạng oai linh.

NGÔ-VĂN-TÙNG  
THUẬN-THIỆN ĐƯỜNG Phan-Thiết  
kính tặng

**Bài thơ của Danh-Sơn Đào Tiên-sinh tặng.**

**Trân trọng kính tống TRẦN TIÊN-SINH  
Nhà-giám.**

*Bảy chục niên hoa quý lắm mà  
Vẽ người quốc thước bậc danh gia  
Ngung tàng Thư-kiếm xưa từng trải  
Lỗi-lạc giang-hồ trước đã qua  
Khởi óc vẫn đanh như thiết thạch  
Con thuyền đã dạn với phong ba  
Mái đầu gội vuốt bao sương gió  
Rừng Hạnh tiêu dao lúc cảnh già.*

**Canh-Tý Thu  
Danh-Sơn ĐÀO-NGỌC-KỶ  
bài bút.**

# Y-HỌC TAM-TỰ KINH

## Quyển II

---

### Trướng Mãn Cò Trướng thứ 12

脹為病辨實虛 Trướng vi bệnh, biện thực hư (phạm bệnh trướng, phải phân thực với hư)

Bệnh trướng là trướng ở trong, trướng thuộc về hư chứng, lỡ cho uống thuốc công phạt thì phải bề nát ; trướng thuộc về thực chứng, lỡ cho uống thuốc bổ thì lại càng tăng bệnh lên.

氣驟滯七氣疏 Khí sậu trệ, thất khí sơ (khí trệ nhiều. uống thang thất-khí cho thông)

Thang thất-khí có thể sơ thông đợc trệ khí.

滿拒按七物祛 Mãn cự án, thất vật khứ (bụng đầy lấy tay đè xuống thấy đau, thì cho uống thang thất-vật).

Nếu bụng trướng đầy lấy tay đè xuống không chịu nổi. thì cho uống thang hậu-phác thất-vật, tức là thang quế-chi

hợp với thang tiêu-thừa-khí để giải thực-tà ở trong và ở ngoài.

脹閉痛三物鋤 Trướng-bế thông, tam-vật xừ  
(trướng bế đau, uống thang tam-vật)

Nếu bụng trướng đầy và đau, đại tiện thực, thì cho uống thang hậu-phác tam-vật để hành khí và tẩy thực, đó là trị tại gốc bệnh.

Hai bài trên đây là trị những bệnh trướng thuộc về thực chứng.

若虛脹且躊躇 Nhược hư trướng, thả trừ  
trừ (Nếu trướng hư, phải cần thận)

Nếu bệnh trướng thuộc về hư, phải chẩn mạch coi cho rõ, chớ có khinh thường mà cho uống thuốc công phạt.

中央健四旁如 Trung ương kiện, tứ bàng  
như (trung ương mạnh, tứ bàng cũng vậy).

Ông DỤ-GIA-NGÔN nói : phải giữ vững trung-ương cho tới tứ bàng, đó là lời cách ngôn của muôn đời.

參竺典大地與 Tham trúc điển, đại địa dư  
(coi trúc điển, trọng về địa-dư)

Thờ mộc không khác là quẻ Phục. Phật kinh lấy phong luân đề giữ đại địa, coi tới câu đó mới hiểu cái nguồn gốc trị bệnh trướng.

單腹脹實難除 Đơn phúc trướng, thực nan  
trừ (riêng bụng trướng, thực khó trị).

Nếu chân tay không thũng mà chỉ riêng bụng trướng thật là khó trị.



山風卦指南車 Sơn phong quái, chỉ nam xa  
(quẻ sơn phong là kim chỉ nam)

Quẻ sơn-phong-cổ ở trong kinh Dịch.

易中旨費居諸 Dịch trung chỉ, phí cư chư  
(ý ở trong kinh Dịch, phải phí thời giờ mới coi hiểu)

Kinh Dịch nói : cổ biến quái trên cứng mà dưới mềm, trên thì cao cứng không tiếp xuống dưới được, dưới thì co rút lại không giao lên trên được. Đó là hai tình không giao thông vậy, người trị bệnh cổ phải đề đặt cần thận tổn hao tinh thần thì mới trị được, cũng như kinh Dịch nói : cổ nguyên hanh nhi thiên-hạ trị, nghĩa là loạn đã cực phải có người tài giỏi ra làm mới có thể phản loạn thành trị ; lại nói : lợi thiệp đại-xuyên nghĩa là chữa bệnh cổ cũng như người lội qua sông lớn phải trải qua hiểm trở mới qua được.

## NHỮNG PHƯƠNG THUỐC TRỊ VỀ BỆNH TRƯỜNG MÃN CỒ TRƯỞNG

1— Thất khí thang trị về bệnh thực trường thuộc về khí thất-tình.

Phương này coi ở trong mục (Tâm-phúc-thống)

2 — Vị-linh tán tiêu trường hành thúy

蒼 朮 炒	Thương-truật sao	1, 5 ch
厚 朴	Hậu-phác	1, 5 ch
陳 皮	Trần-bì	1, 5 ch
猪 苓	Chư-linh	1, 5 ch
茯 苓	Phục-linh	4 ch
白 朮	Bạch-truật	1, 5 ch
桂 枝	Quế-chi	1, 5 ch
澤 左	Trạch-tả	1, 5 ch
炙 草	Chích-thảo	1 ch
生 姜	Gìng-sống	5 lát

Đồ 3 chén nước sắc còn 8 phân uống nóng.

Bỏ quế và cam-thảo còn các vị kia sao nửa sống nửa chín tán nhỏ làm hoàn, uống mỗi lần 4 chỉ với nước gạo lâu năm, mỗi ngày uống hai lần càng tốt.

3 — Tam-vật hậu-phác thang, trị bụng đau đại tiện bế.

厚朴	Hậu-phác	4 ch
大黄	Đại-hoàng	2 ch
枳實	Chỉ-thực	1, 5 ch

Đồ hai chén nước sắc còn 8 phân uống nóng.

4 — Thất-vật hậu-phác thang :

桂枝	Quế-chi	1, 5 ch
生姜	Sanh-khương	2, 5 ch
甘草	Cam-thảo	1, 5 ch
大枣	Đại-táo	2 trái

Đồ hai chén sắc còn 8 phân uống nóng. Nếu nôn mửa thì gia

半夏	Bán-hạ	1, 5 ch
lạnh nhiều thêm	生姜 Sanh-khương	1, 5 ch nữa.

5 — Quế, cam khương, táo, ma, tân, phụ-tử thang, trị về khí, bụng dưới cứng lớn như cái chén.

桂枝	Quế-chi	3 ch
甘草	Cam-thảo	2 ch
細辛	Tế-tân	2 ch
大枣	Đại-táo	3 trái
生姜	Sanh-khương	3 ch
麻黄	Ma-hoàng	2 ch
附子	Phụ-tử	1, 5 ch

Đồ 3 chén nước sắc còn 8 phân uống nóng, ngày đêm uống 3 lần, uống rồi thấy dương khí mờ-hôi ra mà ngoài da như kiến bò là khỏi.

Chứng này là do bệnh tâm thận, khí ở trên không xuống, khí ở dưới không lên, ngày lần lần cứng như sắt đá khó bề, phương thuốc này vị quế, cam, khương, táo đề hòa ở trên, dùng vị ma-hoàng tể-tân phụ-tử đề trị ở dưới, ngũ hầu trên dưới giao thông được thì bệnh khỏi, tức là đại-khí chuyển thì khí tan liền.

6 — Chí-truật thang, trị bụng dưới cứng lớn như bàn mà không đầy, không đau, là do bệnh thủy-âm làm ra, bệnh này khác với bệnh khí phận.

只寔	Chí-thực	2 ch
白朮	Bạch-truật	4 ch

Đồ 2 chén nước sắc còn 8 phân uống, ngày đêm uống 3 lần, thấy trong bụng mềm là khỏi.

7 — Vũ-du-lương hoàn, trị mười thứ thủy khí, căng chân thũng, hơi thở rút khô khè, tiểu tiện không lợi, đều trị được hết.

蛇含石	Xà-hàm-thạch	3 lượng
-----	--------------	---------

đựng vào cái chén mới rồi bỏ vào giữa đấm than hồng nung cho đỏ lấy kim gấp xà-hàm-thạch ấy ra bỏ vào đấm đợi cho nguội rồi tán nhỏ

禹餘糧	Vũ-du-lương	3 lượng
真針砂	Chân-châm-sa	5 lượng

lấy nước rửa cho sạch rồi sao khô, bỏ chung với Vũ-du-

lượng-thạch vào trong nồi đất đồ 2 thăng dấm vào nấu cho cạn dấm đem ra lại bỏ cả vào nồi và thuốc vào than hồng nung cho đỏ rồi đem ra để trên miếng gạch đợi cho nguội rồi đem tán nhỏ, lấy 3 vị này làm chủ, sau coi người hư thực sẽ cho thêm bài dưới đây : (trị thủy bệnh hay ở văn chuyên, 3 vị này không tựa như vị đại-kích cam-toại nguyên-hoa mà lại có bài thuốc sau giúp đỡ, dấu rằng người hư hay người già cũng đều uống được).

Khương-hoạt, mộc-hương, phục-linh, xuyên-khung, ngư-tất, (tầm rượu), quế-tâm, bồng-truật, phụ-tử, càn-khương, thanh-bì, bạch-dậu khấu, đại-hồi-hương (sao), kinh-tam-lăng, bạch-tật-lê, đương-qui, tầm rượu một đêm, mỗi vị nửa lượng tán cho nhỏ rồi nhào chung với 3 vị trước cho đều lấy chầy đâm cho kỹ rồi viên mỗi hoàn lớn bằng hạt ngô, mỗi lần uống với rượu trắng hâm nóng 30 hoàn cho tới 50 hoàn, rất kỵ muối. nếu có một hạt muối lộn vào miệng thì bệnh càng tăng lên, uống thuốc này thì bệnh theo đường tiêu-tien mà ra chớ không hề động tới tạng phủ, mỗi ngày uống 3 lần, phương thuốc này là ôn hòa điều bổ khí huyết là phương thuốc thần diệu vô cùng, mà không hề công phạt.

## Thứ · Chứng thứ 13

傷暑病 動靜商 Thương thử bệnh, động tĩnh thương (bệnh thương thử (trúng nắng) phải phân động trúng hay tĩnh trúng)

Mùa Hạ bị trúng nắng phải biết phân ra động trúng hay tĩnh trúng là do ở thuyết của Ông Đông-Viên.

動而得熱爲殃 Động nhi đắc, nhiệt vi ương.  
(Động mà trúng, làm nóng dữ)

Nếu mà đi đường xa bị trúng nắng thì mình nóng như lửa đốt, mặt xần xượng, mình co rút lại, miệng khát nước, mạch hồng mà yếu.

六一散 白虎湯 Lục-nhất-tán, bạch-hồ thang.  
(ống bài lục-nhất-tán hay thang bạch-hồ)

Bài lục-nhất tán trị các chứng trúng thử, thang bạch-hồ gia nhân-sâm là vì ra mồ hôi nhiều sợ rằng hơi nắng làm thương nguyên khí, còn gia thương-truật là bởi mình nóng chân lạnh tức là hơi nắng làm ra nóng.

靜而得起貪涼 Tĩnh nhi đắc, khởi tham lương. (Tĩnh mà trúng, do ở ham ngồi bóng mát)

Ở trong nhà rộng lớn mà sợ nắng ham ngồi những nơi bóng mát thì bị khí nắng âm thành bệnh.

惡寒象熱逾常 Ồ hàn tượng, nhiệt du thường. (Hơi ớn ớn sợ lạnh, thì nóng lại càng nhiều)

Chúng sợ lạnh tựa như chúng thương hàn, duy có nóng lại nhiều hơn chúng thương-hàn.

心煩辨切莫忘 Tâm phiền biện, thiết mạc vong. (Trong bụng buồn bực là trúng thử, phải nhớ đừng quên)

Tuy rằng tựa như chúng thương-hàn, nhưng khác ở cái : trong bụng buồn bực, hơn nữa chúng thương-hàn thì mạch thịnh mà chúng thương thử thì mạch hư.

香需飲有專長 Hương-nhu ăm, hữu chuyên trường. (Bài hương-nhu ăm là chuyên trị chúng trúng thử).

Bài hương-nhu ăm phát hãn lợi thủy là bài thuốc chuyên trị về chúng trúng thử, gặp mùa hạ mà không dùng bài hương-nhu ăm thì còn dùng vào mùa nào nữa ?

大順散從證方 Đại-thuận tán, tông chứng phương. (Còn bài đại-thuận tán, theo chúng bệnh mà trị).

Bài đại-thuận tán này chữa về gặp trời nắng do sợ nóng ư mát mà thành bệnh, chớ không phải trị chúng trúng thử, bài này là không kể thời tiết chỉ theo chúng mà trị.

生脈散久服康 Sanh-mạch tán, cửu-phục-khang. (Bài sanh-mạch-tán, thường uống thì tốt).

Bài sanh-mạch tán là phương thuốc thường uống, chớ không phải phương thuốc trị bệnh.

東垣法防氣傷 Đông-viên pháp, phòng khí thương. (Phép của Ông Đông-Viên, phải phòng thương khí).

Trời nắng thì hay thương nguyên-khí cho nên uống thuốc cần phải bồi, đó là phương-pháp của Ông Đông-Viên cho nên có thang thanh-thử ích-khí rất hay.

雜說 走道弗彰 Tạp-thuyết khởi, đạo phất chương. (Những tạp thuyết nêu ra, làm mờ mịt đạo thánh)

Những tạp thuyết ở trên nêu ra làm mờ tối đạo của. Tiên-Thánh, những người hành đạo phải nên suy xét cho kỹ khéo nữa lắm đường lạc lối.

若精蘊 祖仲師 Nhược-tinh uẩn, tổ Trọng-Sư (Còn tinh túy nhiệm mầu, phải theo phép của đức Trọng-Sư mới đúng)

Thiên hình, thấp, yết ở Thương-hàn-luận Kim-quy yếu-lược của đức Trọng-Cảnh chữ nào cũng tinh-vi mầu nhiệm.

太陽病 旨 在 茲 Thái-dương bệnh, chỉ tại tư. (Bệnh thái-dương, ý-nghĩa cả ở đó)

Đức Trọng-Sư bảo là (Thái-dương trúng yết) cứ hai chữ thái-dương là ý nghĩa đầy đủ cả, vì người ta đều nhận là nhiệt-tà cho nên nêu ra hai chữ thái-dương để kêu tỉnh: hàn thử đều là ngoại tà, trúng vào dương, mà dương-khí thanh thì lạnh cũng thành nóng; trúng vào dương, mà dương-khí hư thì nóng cũng thành lạnh, còn trúng vào âm thì không phân hàn thử đều là âm chứng. Như dương lúc trời nắng nung nấu không có một chút hàn tà mà trái lại nhiều âm chứng. Nói tóm lại tà trúng vào người ta là tùy theo lục khí, ở trong người âm dương hư thực mà xoay vần biến hóa, chớ cũng không cứ thương-hàn là âm, mà thương thử là dương vậy.



經脈辨標本歧 Kinh-mạch biện, tiêu bản kỳ  
(Coi kinh-mạch, biện rõ gốc ngọn)

Đức Trọng-Sur nói thái-dương trúng yết phát nóng ấy là bệnh thái-dương mà bị khí tiêu dương thành bệnh ; sợ lạnh ấy là bệnh thái-dương mà bị khí bản hàn thành bệnh ; mình nặng mà đau nhức ấy là bệnh thái-dương kinh thông khắp mình thành bệnh ; mạch huyền, tế, khâu, trì, ấy là bệnh thái-dương mạch thông khắp mình thành bệnh ; tiêu tiện rồi ớn ớn chân lông nổi gai ốc chân tay lạnh ấy là bệnh thái-dương bị khí bản hàn không được khí dương nhiệt hóa thành bệnh ; còn làm việc một chút thì nhọc mệt nóng nẩy miệng há ra răng khô ấy là bệnh thái-dương bị tiêu dương hóa không được tân dịch của chân âm thấm-nhuần thành bệnh, đó là tiêu bản kinh mạch của bệnh thái-dương trúng yết là thể. Trị bệnh phải nên bồi tiêu bản, ích kinh mạch mới trúng, nếu không biết mà cho phát hàn hay hạ thì nguy lắm.

臨證辨法外思 Lâm chứng biện, pháp ngoại tư (Lâm chứng biện cho rõ, ngoài phương-pháp lựa mà trị)

Như ý tôi : mượn thang ma-hạnh thạch-cam để trị ngoại chứng về trúng thử, đau nhức, mồ hôi ra, thở khò khè, miệng khát nước ; mượn thang hoàng-liên a-giao kê-tử-hoàng để trị nội chứng về trúng thử, trong bụng buồn bực nằm không được. Còn những thang : sài-hồ, chi-tứ, thừa khí đều có thể lựa chọn mà dùng. Đức Trọng-Sur nói : khát nước thì cho uống thang chư-ling, lại nói nhiệt ở trong thì dùng thang ma-liên-biên-dậu cho uống để nuôi âm lợi thấp theo tiêu-tiện mà ra, đó là phép ngoại

pháp lựa chọn mà dùng khéo léo ở mình vậy.

方兩出大神奇 Phương lưỡng-xuất. đại-thần kỳ (Hai phương ra, rất là thần hiệu)

Nắng trúng người ta là theo âm-dương, hư, thực ở trong mình người ta mà biến hóa vắn chuyễn, như người dương tạng nhiều hỏa thì nắng ngự ở trong hỏa mà làm ra bệnh đờ mồ hôi mà buồn bực khát nước, đức Trọng-Sư có thang bạch-hồ gia nhân-xâm đề trị ; như người âm tạng nhiều thấp, thì nắng núp ở trong thấp mà làm ra bệnh mình nóng đau nhức nặng nề, mạch hơi yếu, đức Trọng-Sư cho rằng bởi mùa hạ bị thương lãnh thủy, thủy ở ngoài da mà thành bệnh, cho nên trị bệnh phải trị về thấp chỉ dùng thang một vị qua-đế cho uống khiến cho (thủy) đi thì (thấp) không có nơi nương tựa mà cũng phải đi vậy.

## NHỮNG PHƯƠNG THUỐC TRỊ VỀ THỬ CHỨNG

Lục nhất tán : trị những bệnh trúng thử.

滑石	Hoạt-thạch	6 lạng
甘草	Cam-thảo	1 lạng

Hai vị tán cho nhỏ, mỗi lần uống 3 chỉ với nước trà hay nước nóng.

Bạch-hồ thang ; trị về chứng thương-thử khát nhiều, ra mồ hôi nhiều phương thuốc ở trong mục thương-hàn, gia-nhơn-sâm là vì hơi nắng làm thương nguyên-khi ; gia thương-truật trị chứng mình nóng, chân lạnh vì hơi nắng có thấp khí ở trong.

Hương-nhu ẩm : trị về chứng thương thử mình đau phát nóng, lưỡi khô, miệng ráo và thổ tả.

香需	Hương-nhu	4 ch
厚朴	Hậu-phác	1,5 ch
扁豆	Biền-đậu	2 ch
甘草	Cam-thảo	1 ch

đồ 2 chén nước sắc còn 8 phân uống nóng hay lạnh cũng được.

Nếu tả lỵ gia phục-linh và bạch truật, ới mửa gia bán

hạ, hơi nắng làm co rút gia khương-hoạt tần-giao.

Đại-thuận-tán : trị về bệnh âm-thử sợ nóng mà ham nơi mát.

干 羌	Cân-khương	1,5 ch
杏 仁	Hạnh-nhon	6 phân
甘 草	Cam-thảo	8 phân
肉 桂	Nhục-quế	6 phân

đồ một chén nước sắc còn 7 phân uống, hay tán chung mỗi lần uống 3 chỉ với nước.

Sanh-mạch tán là phương thuốc trị về trúng thử rất hay.

人 参	Nhân-sâm	1 ch
五 味	Ngũ-vị	1 ch
麥 冬	Mạch-dông	3 ch

đồ 1 chén rượu nước sắc còn 7 phân uống

Thanh-thử-ích-khí thang (Đông-Viên)

炙 芪	Chích-kỳ	1,5 ch
白 朮	Bạch-truật	5 phân
青 皮	Thanh-bì	5 phân
麥 冬	Mạch-dông	5 phân
黃 柏	Hoàng-bá	5 phân
澤 左	Trạch-tả	1 ch
人 参	Nhân-sâm	5 phân
蒼 朮	Thương-truật	5 phân
陳 皮	Trần-bì	5 phân

猪苓	Chư-linh	5 phân
干葛	Càn-cát	1 ch
神曲	Thần-khúc	8 phân
五味	Ngũ-vị	5 phân
升麻	Thăng-ma	3 phân
大枣	Đại-táo	2 trái
炙草	Chích-thảo	5 phân
生羌	Cùng sống	3 miếng

**đồ** 2 chén nước sắc còn 7 phân uống.

Nhất-vật qua-để thang :

瓜蒂	Qua-để	20 chiếc
----	--------	----------

**đề** 2 chén nước sắc còn 8 phân uống.

## Tiết Ta thứ 14

濕氣盛 五瀉成 Thấp khí thịnh, ngũ tả  
thành (thấp khí mà thịnh, thành ra 5 chứng tả).

Sách có nói: nếu người ta nhiều thấp khí, thì hay  
sanh ra chứng tiết tả.

胃苓散 厥功宏 Vị-linh tán, Quyết công  
hoành (thang vị-linh tán, công-dụng được nhiều)

Thang vị-linh tán làm cho ấm tỳ, bình-vị, lợi thủy là  
phương thuốc căn yếu trị về bệnh tiết tả.

濕而熱 連苓程 Thấp nhi nhiệt, liên cầm  
trình. (thấp mà nhiệt uống thêm vị liên cầm).

Thang vị-linh tán gia hoàng-cầm hoàng-liên, nếu  
nhiệt lắm bỏ quế-chi gia càn-cát.

濕而冷 芡附行 Thấp nhi lãnh, giu phụ  
hành (thấp mà lạnh, uống thêm vị giu phụ)

Thang vị-linh tán gia thêm những vị ngô-thù giu, phụ-  
tử, bụng đau thì gia vị mộc-hương.

濕菝積 曲查迎 Thấp hiệp tích, khúc tra  
nghinh (thấp mà ăn bị tích thì thêm vị khúc tra)

Ăn mà bị tích thì gia vị sơn-tra, thần khúc, nếu uống  
rượu bị tích thì gia vị cát-căn.

虛兼濕 參附苓 Hư kiêm thấp, sâm phụ  
linh (hư mà lại thấp, gia thêm vị sâm, phụ)

Hư mà lại thấp cũng uống thang vị-linh tán gia thêm  
vị nhân-sâm, phụ-tử.

脾腎瀉 近天明 Tỳ thận tả, cận thiên minh  
(Tỳ thận hư, hay đi tả về lúc gần sáng)

Từ canh 5 trở đi mà đi tả, thế là thận hư, đi tả có  
đúng kỳ bởi tỳ chủ tín, thế là tỳ hư, cho nên gọi là tỳ  
thận tả khó trị.

四神服 勿紛更 Tứ-thần-phục, vật phân canh  
(uống thang tứ-thần, đừng nên dòi dòi)

Tứ-thần hoàn gia những vị bạch-truật nhân-sâm càn-  
khương phụ-tử phục-linh túc-sắc làm hoàn, uống lâu mới  
thấy công-hiệu.

恆法外 內經精 Hằng pháp ngoại, nội-kinh  
tinh (Ngoài những phương đó, duy có bộ Nội-kinh là tinh-  
tùng)

Chiếu theo những phương-pháp đó mà trị không hết, thì  
nên cầu ở trong bộ nội-kinh tinh trùng hơn.

腸臟說 得其情 Trường-tạng thuyết, đắc-kỳ  
tình (Thuyết về trường và tạng, giải rõ tình-trạng)

Ông Trương-Thạch-Ngoan giải rõ tinh nghĩa trường  
nóng tạng hàn và trường hàn tạng nóng ở trong bộ Nội-kinh.

瀉心類 特丁寧 Tả tâm loại, đặc dinh ninh  
(Những loại như thang tả-tâm thật là cận kê)

Ông Trương-Thạch-Ngoan mượn những loại như thang  
tả-tâm để trị về bệnh tả rất hợp với ý chí ở trong bộ nội-  
kinh, có chép rõ ở mục y-học tông-chúng.

## NHỮNG PHƯƠNG THUỐC TRỊ VỀ BỆNH TIẾT-TẢ

Phương vị-ling tán coi trong mục trường mãn.

Tứ-thần hoàn trị về chứng tỳ thận hư hàn, thường đi tả về lúc canh 5.

補 骨 脂	Bổ cốt-chi sao rượu	4 lượng
肉 豆 扣	Nhục đậu khấu bỏ dầu	2 lượng
五 味	Ngũ-vị sao	2 lượng
吳 茱 萸	Ngô-thù-du	2 lượng
	Dùng táo đỏ	5 lượng
	Gừng sống	5 lượng

bỏ chung đem nấu cho nhừ rồi bỏ gừng và vỏ hạt táo đi rồi hòa với các vị trên tán nhỏ làm hoàn, mỗi hoàn lớn 5 phân, trước khi đi ngủ uống 3 chỉ với dầu canh 5 uống; ba chỉ với nước gạo rang nấu, gia thêm vị bạch-truật, phụ-tử, túc-sắc, nhân-sâm càng tốt.

Sanh-khương-tả-tâm thang, Hoàng-liên thang, cam-thảo tả-tâm thang, Bán-hạ tả-tâm thang, càn-khương hoàng-cầm hoàng-liên nhân-sâm thang. Hậu-phác sanh-khương bán-hạ cam-thảo nhân-sâm thang. Sáu thang này đều chua ở mục thương-hàn luận độc.



Xét ra những phương thuốc trên đây cùng với một tiết trong Nội-kinh trúng nhiệt tiêu đán thì tiện hàn, thuộc về hàn thì tiện nhiệt cứ so-sánh với mạch chứng rồi lựa chọn mà dùng rất nghiệm, bộ y-thông của ông Trương-Thạch-Ngoan chép rất rõ ràng. Tôi mới hiểu ra một phương có ý tả-tâm, trên có thể tiêu bí, dưới có thể chỉ tá, trường nhiệt vị hàn có thể chia ra mà trị được hết, không có phương nào khác, tức là phương Ô-mai-hoàn ở trong mục quyết-âm bệnh thương-hàn, càng dùng càng thấy hiệu-nghiệm.

## Huyền Vượng thứ 45

眩暈證皆屬肝 Huyền vượng chứng, giải thuộc can (chứng huyền vượng, đều thuộc về gan)

Nội kinh nói : các thứ phong (gió) làm ra chứng sây sầm đều thuộc về gan.

肝風木相火干 Can-phong mộc, tướng hỏa ở đó  
can. (Can là phong mộc, tướng hỏa ở đó)

Quyết-âm là tạng của phong mộc, quyết-âm phong mộc là nơi của thiếu-dương tướng-hỏa đóng ở đó

風火動兩動搏 Phong hỏa động, lưỡng động đoàn.  
đoàn. (Gió với lửa chủ động, hai động tung ra thành vãn chuyên)

Gió với lửa đều thuộc dương chủ động, hai động cùng nhau tung ra thì thành vãn chuyên.

頭旋轉眼紛繁 Đầu toàn chuyên, nhôn phân phồn.  
phồn. (Đầu vãn chuyên, mắt tối tăm).

Hai câu ấy tả rõ cái ráng của chứng bệnh, sây sầm.

虛痰火各分觀 Hư đàm hỏa, các phân quan.  
(Hư, đàm, hỏa, phải chia ra cho rõ).

Đức Trọng-Cảnh chủ về đàm-âm, Ông Đan-Khê tôn cái

thuyết không đàm thì không huyền, không hỏa thì không vượng của Ông Hà-Giản. Nội-kinh nói : trên hư thì huyền. Lại nói : thận hư thì đầu nặng, rung rinh, tủy-hải không đủ thì óc chuyển tai kêu các thuyết không giống nhau như thế.

究其指 總一般 Cứu kỳ chỉ, tổng nhất ban.  
(Xét cho đúng lẽ, cũng là một thứ).

Tuy rằng mỗi thuyết khác nhau, nhưng xét ra cũng cùng một ý, bởi vì cây có động thì mới sinh ra gió, gió sinh thì lửa mới phát. Lập luận là gió với lửa của ông Hà-Giản là thế ; gió sinh tất nhờ thế cây đẽ khắc thổ, thổ bệnh thì nước tụ lại thành đàm, cho nên Đức Trọng-Cảnh lập luận cho là đàm hỏa ; Xét ra thật là can mộc, thận chủ chứa tinh, tinh hư thì óc trống, óc trống thì đầu phải rung rinh, tai kêu cho nên lập luận của Nội-kinh cho là tinh hư và tủy hải không đủ. Nói là hư là nói về căn bệnh ; nói là thực là nói về rắng bệnh, nói tóm lại cũng là một lẽ.

痰火亢大黃安 Đàm hỏa cang, đại hoàng an. (Đàm hỏa thịnh, dùng vị đại-hoàng).

Thốn mạch đi hoạt, nhận xuống cẳng chắc đó là thượng thực, ông Đan-Khê dùng một vị Đại-hoàng tầm rượu sao ba lần rồi tán nhỏ mỗi lần uống 1, 2 chỉ với nước trà.

上虛甚鹿茸養 Thượng hư thậm, lộc nhung san (Trên hư nhiều, phải uống lộc-nhung).

Mạch thốn đi lớn nhận xuống tan liền đó là thượng hư, nên cho uống rượu lộc-nhung, lấy nghê là lộc-nhung mọc ở đầu cùng một loại theo nhau đi thẳng vào đốc-mạch mà thông tới óc vậy, mỗi lần dùng nửa lượng chung với rượu rồi bỏ cạn cho một chút xạ-hương vào mà uống hay là dùng thang Bồ

trung-ích-khí và những loại cao Kỳ-truật. Chúng này như những vị Câu-dăng Thiên-ma Cúc-hoa đều có thể đưa vào làm Sứ được.

欲下取 求其端 Dục hạ thư, cầu kỳ đoan.  
(Muốn lấy ở dưới, phải cầu ở gốc).

Đoan là đầu, nghĩa là tìm tới đầu gốc vậy. Muốn cho tốt ở trên thì phải tưới ở gốc, phép trị bệnh của Cồ-nhân có khi đau ở trên mà trị ở dưới.

左歸飲 正元丹 Tả-qui âm, Chính-nguyên-đan).

Thang Tả-qui âm gia Nhục-thung-dung Xuyên-khung Tế-tân cho uống rất hay, hoặc thang Chính-nguyên-đan cũng thần diệu.

## NHỮNG PHƯƠNG THUỐC TRỊ VỀ CHỨNG HUYỄN-VỤNG

Nhất vị Đại-hoàng tán, Lộc-nhung tửu

Hai phương này coi ở tiểu chú Tam-Tự-Kinh.

Gia vị Tả-qui âm : trị chứng thận hư dầu-nhớt hay như thần, và trị chứng huyễn-vụng đau mắt.

熟地	Thục-địa	7,8 ch
菜肉	Thù-nhục	3 ch
懷山	Hoài-sơn	3 ch
茯苓	Phục-linh	3 ch
枸杞	Câu-kỷ	3 ch
肉蓯蓉	Nhục-thung-dung rửa rượu	4 ch
細辛	Tế-tân	1 ch
炙草	Chích-thảo	1 ch
川芎	Xuyên-khung	2 ch

ba chén nước sắc còn tám phân uống nóng.

Chính-nguyên đan : trị mạnh-môn hỏa suy không sanh được tỳ, sanh ra chứng thổ lợi quyết lãnh, có khi âm hỏa đưa lên thì đầu mặt đỏ nóng sây sầm, bợn dạ trọc khí

đưa lên, bụng sườn đau nhức, rốn và bụng dưới trướng lên.

人參 Nhân-sâm 3 lượng, bỏ chung với 1 lượng phụ-tử vào sắc vừa hết nước rồi bỏ phụ-tử.

黃芪 Hoàng-kỳ 1 lượng rưỡi bỏ chung với 1 lượng Xuyên-khung đổ rượu vào sắc vừa cạn rượu bỏ Xuyên-khung.

白朮 Bạch truật 2 lượng bỏ chung với 5 chỉ Trần-bì sắc vừa hết nước bỏ Trần-bì.

山藥 Sơn-dược 1 lượng bỏ chung với 3 chỉ Càn-khương sắc vừa hết nước bỏ Càn-khương.

茯苓 Phục-linh 2 lượng bỏ chung với 6 chỉ Nhục quế chung với rượu vừa khô bỏ quế rồi phơi cho khô, kỹ lửa.

甘草 Cam-thảo 1 lượng rưỡi bỏ chung với 1 lượng Ô-dược sắc sôi nước rồi bỏ Ô-dược.

Sáu vị trừ vị Phục-linh đem bồi lửa cho khô lần lần chớ dùng sao làm thương tánh thuốc, đem tán nhỏ mỗi lần dùng 3 chỉ đổ một chén nước với 3 lát gừng 1 trái táo đỏ nấu cho sôi vài lần rồi bỏ một chút muối vào hòa với cạn mà uống, uống rồi uống 1 chén rượu nóng để trợ sức thuốc

## Àu, Thồ, Yết thứ 16

嘔吐噦皆屬胃 Ầu, Thồ, Yết giai thuộc vị (Ói mửa, ợ đều thuộc về vị « bao tử »)

Ầu là ói ra nước mà không có món ăn, thồ là mửa ra món ăn mà không có nước, còn ầu thồ là mửa ói vừa món ăn và nước, yết là ợ ra mùi hôi thối, ói khan là trong miệng có hơi hôi thối mà sanh ra ói khan, những chứng ấy đều thuộc về vị (bao tử).

二陳加時醫貴 Nhị-trần gia, Thời-y quý (Thang Nhị-trần gia gừng, Thời-y lấy làm quý).

Thang Nhị-trần gia nhiều gừng sống là thứ thuốc an vị giáng nghịch, lạnh thì gia Đinh-hương Sa-nhân ; nóng thì gia những loại Hoàng-liên Trúc-nữ tươi và Thạch-hộc.

小柴胡少陽謂 Ầu Sái-hồ, Thiểu-dương vị, (Thang Ấu Sái-hồ, thuộc kinh Thiểu-dương)

Khi nóng khi lạnh mà ói, tức là thuộc về kinh Thiểu-dương.

吳茱萸平酸味 Ngô-thù-du, bình-toan vị, (Thang Ngô-thù-du, bình mùi chua)

Thang Ngô-thù-du trị về kinh Dương-minh là khi ăn rồi muốn ói ra ; lại về chứng Thiểu-âm chân tay lạnh ngắt

và thổ lợi nóng nảy buồn bực muốn chết, lại trị về chứng ói khan và thổ ra nhót rãi. Chứng này ói mửa có nhiều hơi chua.

食已吐胃熱沸 Thực dĩ thổ, vị nhiệt phí.  
(Ăn rồi thổ liền, là vị nóng sôi)

Ăn rồi thổ ra liền là trong vị của người đó sẵn có chất nóng gặp món ăn vào hai thứ nóng xông lên cho nên món ăn không dễ được phải thổ ra liền.

黃草湯下其氣 Hoàng-thảo thang, hạ kỳ khí. (Uống thang Hoàng-thảo, cho hạ khí xuống).

Thang Đại-hoàng, Cam-thảo trị chứng ăn rồi thổ ra liền. Kim-quỹ nói rằng : chứng muốn thổ thì không nên hạ. Lại nói : ăn rồi thổ liền thì cho uống thang Đại-hoàng Cam-thảo để cho hạ là nghĩa làm sao ? Đáp rằng : bệnh ở trên mà muốn thổ thì phải nhân nheo mà cho thổ, nếu trái mà cho hạ thì lại càng thêm rối loạn. Còn đã thổ rồi mà thổ hoài không thôi tức là chỉ có lên mà không xuống, thì lại phải cho hạ xuống.

食不入火堪畏 Thực bất nhập, hỏa kham úy. (Ăn không vô được, là do hỏa mạnh)

Ông Vương-Thái-Bộc nói rằng : ăn mà không vô được thế là có hỏa.

黃連湯為經緯 Hoàng-liên thang, vị kinh vĩ. (Dùng thang Hoàng-liên mà xoay sở).

Ông Dụ-Gia-Ngôn hay dùng thang Tiến-thoái Hoàng-liên. Ông Kha-Vận-Bá chỉ dùng thang Càn-khương Hoàng-liên Hoàng-câm Nhân-sâm. Xét ra thang Tả-tâm cũng có



thề dùng được, cứ mấy thang đó đem ra xoay sở mà dùng được cả.

若 呢 逆 代 赭 纛 Nhược ách nghịch, Đại-giã vị. (Nếu ách nghịch, dùng thang Đại-giã)

Thang Đại-giã Toàn-phúc trị hơi ợ tức là trị chứng ách nghịch. Nếu bệnh lâu ngày mà ách nghịch tức là vị khí gần tuyệt, phải dùng Nhân-sâm 1 lượng, Càn-khương Phụ-tử mỗi vị 3 chỉ, Đinh-hương Thị-đề mỗi vị 1 chỉ sắc cho uống, may ra trong mười người có thể cứu được một người.

## PHƯƠNG-THUỐC TRỊ VỀ BỆNH ẬU, YẾT, THỒ

Nhị-trần thang :

半夏	Bán-hạ	2 ch
茯苓	Phục-linh	3 ch
陳皮	Trần-bì	1 ch
炙草	Chích-thảo	1 ch

Gia 3 lát gừng sống, đồ hai chén nước còn 8 phân uống. Phép gia giảm đã chua ở Tam-Tự-Kinh,

Tiêu Sài-hồ thang (coi ở mục Thương-hàn)

Ngô-thù-du thang (coi ở mục Cách-thực Phiên-vị)

Đại-hoàng Cam-thảo thang (Kim quỹ)

Trị chứng ăn rồi thổ liền :

大黃	Đại-hoàng	5 ch
甘草	Cam-thảo	1, ch 5

Đồ 2 chén nước sắc còn 8 phân uống.

Cần-khương Hoàng-liên Hoàng-cầm Nhân-sâm thang (Trọng-Cảnh)

Phạm những bệnh Ậu phát nóng mà uống những vị Hương, Sa, Quất, Bán mà không chịu thì uống thang này hay như thần :

Cần-khương không sao, Hoàng-liên, Hoàng-cầm Nhân-sâm mỗi vị 1 chỉ rưỡi đồ 1 chén rưỡi nước sắc còn 7 phân uống.

Tiến-thoái Hoàng-liên thang :

黃連	Hoàng-liên (tầm nước gừng sao)	1	ch 5
干羌	Cần-khương	1	ch 5
人參	Nhân-sâm (tầm sữa người sao)	1	ch 5
桂枝	Quế-chi	1	ch 5
製半夏	Bán-hạ-chế	1	ch 5
大棗	Đại-tào	2	trái

Tiến-pháp là : dùng nguyên phương không chế, đồ 3 chén nước trà sắc còn 1 chén uống nóng.

Thoái pháp là : không dùng quế-chi, còn Hoàng-liên bớt đi một nửa hoặc gia Nhục-quế 5 phân theo phép chế như trên rồi sắc uống.

Nhưng sáng sớm uống 3 chỉ Thôi-thị Bát-vị hoàn tới lúc đói sẽ uống thuốc sắc.

## Điên, Cuồng, Gian thứ 17

重陽狂 重陰癲 Trọng dương cuồng. Trọng âm điên, (Trọng dương là cuồng, Trọng âm là điên)

Nội-kinh nói rằng: Nặng về chân-dương là chứng cuồng, nặng về chân-âm là chứng điên.

靜陰象 動陽宣 Tĩnh âm tượng, động dương tuyên. (Tĩnh thuộc về âm, động thuộc về dương).

Chứng Điên là khi cười, khi khóc không chừng, gặp đau nói đó không có thứ tự, mà người thường tĩnh (im lặng); Chứng Cuồng là chủmắng không kể người thân hay người sơ, mà người thường động (phá phách).

狂多實 痰宜觸 Cuồng đa thực, đàm nghi quyên. (Cuồng phần nhiều là thực, phải nên trừ đàm).

Trừ ngoan đàm nếu dùng khôn-dâm-hoàn gia ô-mai châu-sa cho uống, hay là thang Sinh-thiết-lạc-âm hay thang Dương-qui thừa-khí cũng được.

癲虛發 石補天 Điên hư phát, thạch bổ thiên. (Điên thuộc chứng hư, lấy đá vá trời)

Từ-Thạch-hoàn tức là phương-pháp lấy đá vá trời, Lạc-thị Nội-kinh thập-di dùng thang Ôn-dâm.

忽搐搦 癲病然 Hốt súc nhược. giản bệnh nhiên (Bổnng chốc co rút người lại, đó là bệnh giản)

Chân tay co rút té xuống không hay, bồng chốc hết, bồng chốc đau, bệnh phát không chừng cho nên gọi là chứng giãn.

五畜狀吐痰涎 Ngũ súc trạng, thồ đàm diên (Bệnh trạng như năm giống vật, thồ ra đàm nhớt).

Phổi như tiếng chó sủa, Gan như tiếng dê ré; Tâm như tiếng ngựa hí; Tỳ như tiếng trâu rống, Thận như tiếng lợn kêu, mỗi lần phát bệnh thì miệng mép sùi ra nhiều đàm dãi nhớt.

有生癩歷歲年 Hữu-sinh bệnh, lịch tuế niên. (bệnh hữu-sinh, trải lâu năm).

Do khi còn ở trong bụng mẹ bị kinh mỗi lần xúc động thì phát ra, gốc bệnh khởi từ khi chưa sanh, còn ở trong bụng mẹ, chớ không phải sanh rồi mới có bệnh. Nội-kinh thập-di dùng thang Ôn-dảm đề trị, còn Ông Kha-Vận-Bá dùng Từ-châu hoàn đề trị).

大氣元蘆薈平 Hỏa khí cương, Lô-hội bình. (Hỏa khí mạnh, dùng Lô-hội-hoàn mà trị).

Như hỏa-khí thịnh tất phải dùng thứ đại-hàn đại khở đề giáng xuống, nên dùng Đương-qui lô-hội hoàn mà trị.

痰積錮丹礮穿 Đàm tích-cổ, Đan phân xuyên (Đàm-tích cứng chắc, phải dùng Đan-phân hoàn mới thấu)

Đan-phân hoàn mới thấu vào trong tâm bào-lạc đề đưa những đàm rãi nhớt theo đường đại tiện mà ra. Nhưng không bằng dùng Từ-châu hoàn còn hay hơn.

三證本厥陰慳 Tam chứng bản, Quyết âm khiên : (Gốc ba chứng, là gốc ở quyết-âm)

Những phép trị ở trên mà các Thời-y tập dùng mà không thấy hiệu, là vì không biết cái gốc ở quyết-âm. Quyết âm thuộc phong-mộc cùng với Thiếu-dương Trương-hỏa cùng ở một chỗ, cái khí của Quyết-âm nghịch lên thì các khí đều nghịch, khí đã nghịch thì hỏa phát, hỏa phát thì phong sanh, phong sanh thì mộc cây thế đó mà hại thổ, đã bệnh thì động dịch (nước) mà thành đàm, đàm thành rồi dồn cả vào tâm mà làm ra những chứng ở trên.

體用變標本遠 Thê dụng biến, tiêu bản thiên (Thê dụng biến, thì tiêu bản phải dời đổi).

Gốc vốn là âm, mà thê thì nóng,

伏所主所因先 Phục sở chủ, sở nhân tiên :  
(Phục sở chủ của bệnh, trước sở nhân của bệnh)

收散互逆從違 Thu tán hổ, nghịch tông liên (Hoặc thu, hoặc tán, hoặc nghịch, hoặc tông, đàng nào lợi thì làm)

和中氣妙轉旋 Hòa trung khí, diệu chuyển toàn (Hòa trung khí, khéo vắn xoay).

Điều-trung-khí cho được hoà bình. Từ câu Phục-sở chủ tới đây, những tiêu-chú toàn là nguyên-văn của Nội-kinh, chuyển toàn là ý nói tâm, thủ linh-hoạt dễ xoay vắn, cốt yếu là điều-hòa trung-khí, trung-khí tức là thổ-khí, tri can nên lấy ở đương-minh để chế bớt cái khí khinh lờn thổ.

悟到此治立痊 Ngộ đáo thử, tri lập thuyên (Hiểu được như vậy, mới trị hết được bệnh)

Cái chứng bệnh ấy tuy rằng trị được, nhưng mình không hiểu cách trị cũng không hết bệnh được.

NHỮNG PHƯƠNG THUỐC TRỊ VỀ CHỨNG  
ĐIÊN, CUỒNG, GIẢM,

Khôn-dàm hoàn : của Ông Vương Ấn Quân (trị  
những chứng thực dàm. Đàn bà có thai không nên uống)

青礞石 Thanh-mông-thạch 3 lạng

Tán nhỏ bằng hột gạo bỏ chung với 3 lạng Diêm-tiêu  
vào nồi đất mới đập nắp lấy giấy kềm cột chặt lại, rồi lấy  
bùn và muối nhào lộn trát cho kín đem nung qua rồi đem ra  
tán nhỏ lấy nước phi còn lại 2 lạng.

沉香 Trầm-hương 1 lạng tán riêng

川大黃 Xuyên đại-hoàng chung rượu 8 lạng

黃岑 Hoàng cãm sao 8 lạng

Bỏ chung các vị vào tán nhỏ làm hoàn lớn bằng hột đậu  
xanh, mỗi lần uống 1 chỉ cho tới 2 chỉ triệu với nước sôi nóng.

生鐵洛飲 Sanh thiết lạc ẩm : (Trị những chứng  
cuồng vọng không kể người thân, người sơ)

鐵洛 Thiết lạc 1 ch

Đồ 6 chén nước đun còn 3 chén rồi bỏ những vị : Thạch  
cao 1 lạng, Long-sĩ, Phục-linh, Phòng-phong, mỗi vị 7 phân  
Hắc-sâm, Tần-giao mỗi vị 5 chỉ vào sắc còn 1 chén, uống  
mỗi ngày 2 lần.

Đương-qui thừa-khi thang : Phương bí truyền (Trị đàn ông, đàn bà bị đả mê tâm khiếu mà nhảy tường, leo vách, nói nhảm chạy lung tung)

歸尾	Qui vĩ	1 lượng
大黃	Đại-hoàng rửa bằng rượu,	5 ch
只實	Chỉ-thực,	5 ch
厚朴	Hậu-phác,	5 ch
芒硝	Mang-tiêu	5 ch
炙草	Chích-thảo	3 ch

Đồ 2 chén nước sắc còn 8 phân uống.

Ôn-dảm thang tức là thang Nhị-trần gia chỉ-thực, Tiên-trúc-nhự mỗi vị 2 chỉ, hoặc bỏ thêm 1 phân Phi-phần sắc uống.

Lạc-thị Nội-Kinh thập-dị nói rằng : cái chứng Điên Cuồng là do đàm nhớt rưới trong bụng, cho nên thần không giữ nhà, thì nên ôn đảm, cũng là trị cả chứng giận.

Đương-qui long hội hoàn :

Tự can-kinh thực hỏa, đại tiện bí kết, tiểu tiện sấp trệ hoặc hung cách đau đầu nhức, âm nang thũng trướng, phàm thuộc về chứng cau-kinh thực hỏa đều dùng được cả.

Ông Diệp-Thiên-Sĩ nói rằng : Khi tức giận lên thì động tới năm chí, dương viết không chế được, cuồng loạn không kể người thân người sơ, nếu không có thứ thuốc đắng để giáng xuống thì không thể thanh sảng được thần.

Đương-qui, Long-dảm-thảo, Chi-tử-nhân, Hoàng-bá, Hoàng-liên, Hoàng-cầm mỗi vị 1 lượng ; Đại-hoàng, Lô-



hội. Thanh-đại mỗi vị 5 chỉ ; Mộc-hương 2 chỉ rươi ; Xạ-hương 5 phân tán riêng, đem tán nhỏ lấy Thần-khúc hồ làm hoàn, mỗi lần uống 20 viên với nước gừng.

Đan-phản hoàn (Y-Thông)

Trị 5 chứng giản.

黃丹	Hoàng-đan	1 lượng
白礬	Bạch-phản	2 lượng

Hai vị đem bỏ vào trong nồi bằng bạc đem nướng cho đỏ rồi đem ra tán nhỏ nhào chung với 1 lượng Lạp-trà lấy máu tim con heo làm hoàn, lấy vị Châu-sa làm áo ngoài, mỗi lần uống 30 viên với nước trà, uống lâu ngày tự nhiên đàm nhớt ra, uống chừng nửa tháng rồi lấy thuốc an thần mà điều phục.

Xét ra máu tim con heo không dính phải cho thêm một ít mật vào mới viên được.

Từ-châu hoàn : Trị chứng Điên Cường Giản hay như thần.

磁石	Từ-thạch	2 lượng
硃砂	Châu-sa	1 lượng
六神曲	Lục-thần-khúc	3 lượng

đề sống mà tán. Các vị đem tán nhỏ rồi lấy 1 lượng. Lục-thần-khúc hoà với nước đun sôi keo lại như bánh bở chung vào thuốc tán, gia thêm mật nhào lại làm hoàn bằng hột mè lớn, uống mỗi lần 2 chỉ với nước sôi.

Coi lời giải ở trong bộ Thời-phương Ca-quát.

# Ngũ-lâm Long-bê Xích-bạch-trọc

## Di-tinh thứ 18

五淋病皆熱結 Ngũ-lâm bệnh, giai-nhiệt kết (Bệnh Ngũ-lâm đều bởi nhiệt kết).

Lâm là đi tiểu tiện đau sấp dầm dề, muốn đái mà không đái được, muốn thôi mà không thôi được, là đều bởi nhiệt kết ở bàng-quang.

膏石勞氣與血 Cao-thạch - lao, khí giữ huyết (Cao, thạch, lao, khí với huyết)

Thạch-lâm là đi đái ra như cát sỏi, Cao-lâm là đi đái như cao như mỡ, Lao-lâm là bởi lao lực mà ra, Khí-lâm là bởi khí trệ không thông, dưới rốn đau lăn tăn, Huyết lâm là bởi ú huyết đọng lại, đau nhức ở trong ống đái.

五淋湯是秘訣 Ngũ lâm thang, thị bí quyết (Thang Ngũ lâm, đó là bí quyết)

Chứng thạch lâm uống thang này với vị Phát-hôi, Hoạt thạch, Thạch thủ, Ngũ dầu nội thạch nghiền nhỏ, Cao lâm uống thang này hợp với Ty-giải phân thành ấm ; Khí lâm gia Kinh giới Hương phụ, Sinh-mạch-nha mà uống, không khỏi gia Thăng-ma hay là cho thỏ, Lao lâm cũng thang ấy hợp với thang Bờ-trung ích-khí mà uống, Huyết lâm gia ngư-

tát, Uất-kim, Đào-nhân và cho một chút Xa-hương vào mà uống nóng.

敗精淋 加味啜 Bại tinh lâm, gia vị xuyết :  
(Nếu bại-tinh lâm, nên gia vị mà uống)

Uống nhiều những thuốc kim thạch cùng với người già chân dương đã yếu mà còn tưởng sắc-dục để giáng tinh cho tới nỗi bại ở trong mà thành chứng lâm, vậy phải nên uống thang trước gia vị Ty-giải, Thạch-xương-bồ, Thổ-ty-tử để dẫn đạo.

外冷淋 腎氣咽 Ngoại lãnh lâm, Thận-khí yết (Ngoài ra chứng lãnh lâm phải uống Thận-khí hoàn)

Ngoài chứng Ngũ-lâm lại còn có chứng lãnh-lâm, chứng đó ở bên ngoài sợ lạnh mà ưa uống nước nóng, nên cho uống Gia-vị Thận-khí hoàn với chút nước muối.

點滴無名癢閉 Điem trích vô, danh Long-bế (Đi đái rạ từng giọt, thế là chứng long-bế)

Đi tiểu-tiện ra từng giọt không thông cùng với chứng ngũ-lâm đi đái chút một khác nhau.

氣道調 江河決 Khí đạo điều, Giang-hà quyết. (Phải điều đường khí, cũng như khơi sông)

Cũng uống thang trước gia thêm những vị thuốc hòa khí, hay là uống Tư-thận hoàn rất hiệu, ông Mạnh-Tử nói rằng : cũng như khơi sông thì nước ầm ầm chảy xuống không thể ngăn được, dẫn lời nói đó cũng tở như đi đái được thông nhiều vậy.

上竅通 下竅泄 Thượng-khiếu thông, hạ khiếu tiết (Thông lỗ ở trên, lỗ dưới chảy ra được)

Cũng như thùng đựng nước có lỗ dưới mà bít ở trên

dầu có treo lên cũng không chảy nước được, phải thông lỗ ở trên tự nhiên ở dưới nước chảy xuống được, vậy nên uống thang bổ-trung ích-khí rồi móc tay vào họng cho thổ ra.

外竅開水源鑿 Ngoại khiêu khai, thủy nguyên tạc (Khai lỗ bên ngoài, tức là khai nguồn nước)

Lại có phép mở lỗ ở phía ngoài, tức là mở lỗ ở phía trong. vị Ma-hoàng sức mạnh có thể thông được dương-khí tới chỗ chí-âm. Vì thế khí chủ về bĩ mao (da lông) chung với vị Hạnh-nhân đề giáng khí xuống tới châu-đô, tức là nghĩa khai nước phải khai từ chỗ cao-nguyên vậy, cũng phương thuốc trước gia hai vị đó mà uống rất hiệu.

Nếu mùa Hạ, không dám dùng vị Ma-hoàng thì lấy những vị Tô-diệp, Phòng-phong, Hạnh-nhân đem sắc mà uống nóng trùm mền cho ra mồ hôi một chút thì đi đại được liền. Còn người hư lấy vị Nhân-sâm Ma-hoàng mỗi vị một lượng đem sắc uống rất thần hiệu.

分利多醫便錯 Phân lợi đa, y tiện thác (cho uống lợi thủy nhiều, đó là lầm lỗi của người trị bệnh)

Càng cho uống lợi thủy bao nhiêu thì càng bẽ tắc bấy nhiêu.

濁又殊竅道別 Trọc hựu thù, khiêu đạo biệt (Đi tiểu đục lại khác, hai đường lỗ khác nhau)

Đi nước tiểu do ở lỗ đi đại mà ra, còn đi ra nước đục là do ở lỗ tinh mà ra.

前飲投精愈澗 Tiên-âm-đầu tinh-dũ hạt (Cho uống phương trước, thì tinh-khí càng khô cạn)

Vì đi đại càng nhiều thì tinh-khí càng hư.

腎套談理脾恪 Thận sáo đàm, Lý-tỳ khác  
(Chỉ bàn về thận, phải trị ở tỳ)

Trị bệnh tọc chỉ dùng thứ thuốc về thận mà không hiệu là bởi tỳ chủ Thổ, thổ bệnh thì thấp nhiệt rớt xuống thì nước tiêu đục ngầu ; thấp nhiều hơn nhiệt thì thành ra bạch tọc ; nhiệt nhiều hơn thấp thành ra xích-tọc, thấp nhiệt hết thì nước đục hóa trong vậy.

分清飲佐黃栢 Phân-thanh-âm, tá Hoàng-bá  
(Uống về phân-thanh, thêm vị Hoàng-bá)

Uống tỳ-giải phân-thanh-âm gia Thương-truật, Bạch-truật lại gia Hoàng-bá là ý đẳng đề ráo thấp, lạnh để trừ nhiệt.

心腎方隨補綴 Tâm thận phương, tùy bổ chuyết (Dùng phương tâm-thận, tùy ý thêm vào)

Uống thang Lục-bát-vị gia vị thận-dược như Long-cốt, Mẫu-lệ hay thang Tứ-quân-tử gia tâm-dược là Viên-chí tức là phương thuốc Tâm-thận cùng với phương trước gián phục (uống cách quãng)

若遺精另有說 Nhược-di-tinh, lánh hữu thuyết (Còn bệnh di-tinh, lại trị cách khác)

Bệnh di-tinh cùng với bệnh-tọc khác nhau.

有夢遺龜胆折 Hữu mộng-di, long-đảm chiết (Mộng mà di-tinh uống thang long-đảm)

Có mộng mà di-tinh đó tức là Tướng-hỏa vượng, tôi lấy thang Long-đảm tả-can cho uống với Ngũ-bội-tử hoàn thấy công hiệu nhiều, Ông Trương-thạch-Ngoan nói rằng : can nhiệt thì hỏa dâm ở trong, hồn không giữ được, cho nên

nhieu dâm mộng thất tinh ; Lại phần nhiều bởi âm hư dương mới phá rối được, cho nên suốt ở những khi gần sáng là lúc dương-khí phát động, như thế thì đủ hiểu, cho uống Diệu-hương tán rất tốt.

無夢遺十全設 Vô mộng di, thập toàn thiết  
(Không mộng mà di-tinh, phải uống thang thập-toàn)

Không có mộng mà di-tinh, đó là bởi khí hư không giữ được tinh, nên cho uống thang Thập-toàn đại-bồ gia Long-cốt Mẫu-lệ Liên-tu Ngũ-vị-tử Hoàng-bá làm hoàn mà uống luôn luôn.

坎離交亦不切 Khâm-ly giao, diệc bất thiết (Uống về khâm-ly giao, cũng không ăn nhập gì)

Các Thời-y hễ gặp chứng ấy cho là tâm-thận không giao, dùng những loại Phục-linh Viễn-chí Liên-tử Tảo-nhân cũng không trúng bệnh tình, đều là những phương sách không ăn nhập gì.

**NHỮNG PHƯƠNG THUỐC TRỊ VỀ CHỪNG  
NGŨ-LÂM, LONG-BẾ, XÍCH-BẠCH-TRỌC, DI-TINH**

Ngũ-lâm thang :

赤茯苓	Xích-phục-linh	3 ch
白芍	Bạch-thược	2 ch
山梔	Sơn-chi	2 ch
當歸	Dương-qui	1,5 ch
細甘草	Tế-cam-thảo	1,5 ch
燈心	gia Đãng-tâm	14 tấc

Sắc nước uống. Lờn giải ở mục thời-phương Ca-quát.

Tứ-thận-hoàn : (cũng là tên Thông-quan hoàn)

Trị những chứng đái ra từng giọt không thông và Xông-mạch  
đưa ngược lên làm ách thổ khò-khè :

黃栢	Hoàng-bá	1 lượng
知母	Tri-mẫu	1 lượng
肉桂	Nhục-quế	1,5 ch

Ba vị bỏ chung tán nhỏ làm hoàn, mỗi hoàn bằng hạt ngô lớn,  
mỗi lần uống 3 chỉ với nước muối lạt,

Bồ-trung-ích-khí thang :

(Phương này ở trong mục Trúng-phong)

Trị những chứng khí-hư hạ hãm.

Ty-giải-phân-thanh âm : Trị về chứng bạch-trọc

川 草 薺	Xuyên-ty giải	4 ch
益 智 仁	Ích-trí nhân	1,5 ch
烏 藥	Ô-dược	1,5 ch
石 菖 蒲	Thạch-xương-bồ	1 ch
甘 草	Cam-thảo	1,5 ch
茯 苓	Phục-linh	2 ch

Đồ 2 chén nước sắc còn 8 phân bỏ một chút muối vào uống, mỗi ngày uống hai lần.

Tứ-quân-tử thang :

(Phương này coi ở mục Thời-phương ca-quát)

Chứng Bạch-trọc phần nhiều bởi tâm-khí hư, chứ không nên trị về một mặt thận hư. Thang tứ-quân-tử gia Viễn-chí cho uống thấy kiến hiệu ngay.

Long-dảm tả-can thang :

Trị về chứng sườn đau, miệng đắng, tai điếc, gân yếu, âm thấp nóng ngứa; âm thũng đi tiểu bạch-trọc có lộn máu.

龍 胆 草	Long-dảm-thảo	3 ph
黃 芩	Hoàng-cầm	1 ch
梔 子	Chi-tử	1 ch
澤 瀉	Trạch-tả	1 ch
木 通	Mộc-thông	5 ph
當 歸	Đương-qui	3 ph



甘草	Cam-thảo	3	ph
生地	Sinh-dịa	3	ph
柴胡	Sài-hồ	1	ch
車前子	Xa-tiền-tử	5	ph

Đồ 1 chén rưới nước sắc còn 8 phân uống.

Ngũ-bội-tử hoàn :

(Phương trị di-tinh cổ thoát)

五倍子 Ngũ-bội-tử 2 lượng bỏ thanh-diêm vào  
chưng cho cạn khô

茯苓 Phục-linh 2 lượng

Cùng tán nhỏ nhào mật làm hoàn lớn bằng hạt ngô, mỗi lần ăn 2 chỉ uống với nước muối, mỗi ngày uống 2 lần.

Điều-hương tán :

懷山 Hoài-sơn 2 lượng

茯苓 Phục-linh 1 lượng

茯神 Phục-thần 1 lượng

遠志 Viễn-chí 1 lượng

人參 Nhân-sâm 1 lượng

龍骨 Long-cốt 1 lượng

吉更 Cát-cánh 5 ch

木香 Mộc-hương 3 ch

甘草 Cam-thảo 1 lượng

射香 Xạ-hương 1 ch

硃砂 Châu-sa 2 ch

Cùng tán nhỏ, mỗi lần uống 3 chỉ với thang nước Liên-tử.

## Sán Khí thứ 19

疝任病歸厥陰 Sán nhâm bệnh, qui quyết-âm (Sán là nhâm bệnh, trị ở quyết-âm)

Kinh nói rằng : Nhâm-mạch làm bệnh, ngoài kết bầy thứ Sán, con gái có chứng đới hạ hà-tụ. Ông Đan-Khê chuyên trị ở quyết-âm lấy ý là gan chủ về gân.

寒筋水氣血尋 Hàn-cân thủy, khí huyết tầm (Hàn-Sán, Cân-Sán, Thủy-sán và khí-sán, Huyết-sán)

孤出入癩頑麻 Hồ xuất nhập, đời ngoan ma. (Hồ thì ra vào, đời thì tê tê)

Hồ sán là khí nằm thì lặn vào trong bụng, khí đứng thì nổi ra ngoài bụng ; Đời-sán thì lớn như thăng dầu tê tê không biết đau.

嵩治氣景岳歲 Xuyên trị khí, Cảnh-Nhạc châm (Chuyên trị về khí, phép của Ông Cảnh-Nhạc)

Ông Cảnh-Nhạc nói rằng : Sán mà gọi là khí là bởi bệnh ở khí vậy, Lạnh có khí lạnh, nóng có khí nóng, thấp có khí thấp, nghịch có khí nghịch, hết thầy phải dùng khí dược.

五苓散加減斟 Ngũ-linh tán, gia giảm châm (Phương Ngũ-linh tán, liệu mà thêm bớt)

Biệt-lục lấy phương này gia Xuyên-luyện-tứ, Mộc-thông, Quất-hạch, Mộc-hương để thông trị các chứng Sán.

茴香料著醫林 Hồi-hương-liệu, trứ Y-lâm (Phương thuốc Hồi-hương, nổi tiếng trong rùng thuốc)

Phương Tam-rang Hồi-hương hoàn trị chứng Sán, dầu lâu tới ba mươi năm, lớn bằng cái đầu cái nôi cũng đều tan hết.

痛不已須洗淋 Thống bất dĩ, tu tẩy lâm (Đau nhức không hết, nên dùng thuốc rửa)

Âm thũng lớn đau nhức thì dùng phương Thiên-kim-dực mà rửa hay như thần (Hùng-hoang tán 1 lượng; Phàn-thạch 2 lượng; Cam-thảo 1 thước. Đổ 1 gáo nước sắc còn 2thăng đem rửa.

## NHỮNG PHƯƠNG THUỐC VỀ CHỨNG SÁN-KHÍ

Ngũ-linh tán : (của Đức Trọng-Cảnh)

Phương này trị về chứng Thái-dương : mình nóng, miệng khát tiêu tiện ít. Nay biến phân lạng mượn đề trị về bệnh Sán-khí.

猪苓 Trư-linh 2 ch

澤瀉 Trạch-tả 2 ch

茯苓 Phục-linh 2 ch

肉桂 Nhục-quế 1 ch

白朮 Bạch-truật 4 ch

Gia Mộc-thông, Xuyên-luyện-tử mỗi vị 1, 5 ch

橘核 Quất-hạch 3 ch

木香 Mộc-hương 1 ch

Đồ 3 chén nước sắc còn 8 phân uống nóng.

Tam-tăng Hồi-hương hoàn :

(Trị hết thầy bệnh Sán-khí hay như thần).

大茴香 Đại-hồi-hương 5 ch

hòa với muối 5 chỉ sao

川練子 Xuyên-luyện-tử 1 lạng

沙 參	Sa-sâm	1 lạng
木 香	Mộc-hương	1 lạng

Cùng tán nhỏ lấy hồ hoàn, mỗi hoàn bằng hột bắp lớn mỗi lần uống 3 chỉ với rượu hay nước muối. Uống lúc bụng đói, uống hết lại tiếp luôn liều thứ hai theo phương trước gia Tắt-bát 1 lạng, Tân-lạng 5 chỉ cũng làm hoàn và phép uống như trước. Nếu chưa khỏi lại uống liều thứ ba, lại theo phương thứ hai gia thêm Phục-linh 4 lạng, Phủ-tử-bào 1 lạng cũng làm hoàn và phép uống như trước, dầu bệnh lâu tới ba mươi năm, trong bụng lớn bằng chén, cái đầu cũng tiêu tan hết, thật là thần hiệu không thể tưởng tượng được.

Thiên-kim dược tây phương :

(Trị đàn ông âm thũng bằng cái dầu, trong ống dài đau nhúc).

雄 黃	Hùng-hoàng tán nhỏ	1 lạng
礞 石	Phàn-thạch	2 lạng
Cam-thảo		7 ch

Đồ 5 chén nước sắc còn 2 chén rượu,

## Đàm Âm thứ 20

痰飲源水氣作 Đàm-âm nguyên, thủy khí tác (Gốc bệnh đàm-âm, là bởi thủy khí)

Thủy khí đưa lên gặp dương nung nấu thì đặc lại mà thành đàm ; gặp âm tụ đọng lại thì loãng mà thành âm. Nhưng thủy về ở Thận mà tụ chế ở Tỳ, trị bệnh ấy phải lấy Tỳ thận làm chủ.

燥濕分治痰畧 Táo thấp phân, trị đàm lược (Chia ra : Táo hay Thấp, đó là cách trị đàm)

Các sách chi li (vụn vặt) không thể theo được, chỉ nên biện rõ về Táo hay Thấp mà trị, Táo đàm thì nên nhuận Phế, Thấp đàm thì nên Ôn-tỳ, đó là chốt yếu của phép trị đàm âm, nên tham-khảo những thiên Hư-lao khái-thấu, hoặc lão đàm nên dùng Vương-tiết-Trai hóa-dàm hoàn ; thực đàm quái chứng nên dùng Khốn-dàm hoàn.

四飲名宜斟酌 Tứ âm danh, nghi chiêm chúc (Tên bệnh Tứ âm, nên chiêm chúc mà trị)

Kim-Quy nói rằng : Người ta vốn khô mạnh, nay gầy ốm nước chảy vào trong ruột nghe có tiếng róc-rách, gọi là chứng Đàm-âm, tức nay gọi là chứng Cửu-khái đàm-xuyên . Khi uống nước rồi, nước chảy xuống dưới bụng sườn sanh ra ho khạc nhỏ đau nhức gọi là chứng Huyền-âm, tức nay

gọi là chứng Đĩnh-âm hiệp thống ; Uống nước rồi thấp vào tứ-chỉ, thì phải ra mồ hôi, mà không ra mồ hôi được, mình mảy đau nhức nặng nề, gọi là chứng dật-âm, tức nay gọi là chứng phong-thủy thủy thung ; Ho ngược lên khó thở nằm không được hình như thủng, gọi là chứng Chi-âm. tức nay là chứng Đĩnh-âm xuyên-mãn không nằm được, Lại có chứng Chi-âm ở về một phía chớ không ở ngay chính giữa.

參五臟 細量度 Tham ngũ tạng, Tế-lượng đặc (Coi trong năm tạng, phải đo lường cho kỹ)

Chứng Tứ âm chứa hết là do âm-tà làm nên bệnh, Phạm năm tạng có chỗ thiên hư, khi uống thì nước đọng lại tức là ở tạng không kịp phủ, phủ thuộc dương, nước ở phủ thì đi được. Kim Quý nói rằng : Thủy ở trái tim (tâm) trái tim chắc cứng khí vẫn không ưa nước nên không muốn uống ; Thủy ở phổi (phế) thì hay nhờ ra nhớt rãi nên muốn uống nước ; Thủy ở lá lách (tỳ) thì ít khí, mình nặng ; Thủy ở gan (gan) thì dưới sườn đầy và đau nhức ; Thủy ở thận (thận) thì bụng dưới hồi hộp.

補和攻 視強弱 Bô hòa công, thị cường nhược (Bồ, hòa, hay công, coi người mạnh yếu)

Nên bồ nên công hay hòa phải coi ở bệnh tình và cũng nên coi ở thể chất người mạnh hay yếu mà trị.

十六方 各鑿鑿 Thập-lục phương, các tạc tạc (Mười sáu phương thuốc, đều là sáng tỏ)

1 — Quế-linh Truật-cam thang

2 — Thận-khí hoàn

3 — Cam-toại bán-hạ thang

- 4 — Thập-táo thang
- 5 — Đại-thanh-long thang
- 6 — Tiểu-thanh-long thang
- 7 — Mộc-phòng-kỷ thang
- 8 — Mộc-phòng-kỷ gia. Phục-linh mang-tiểu thang
- 9 — Trạch-tả thang
- 10 — Hậu-phác Đại-hoàng thang
- 11 — Đinh-lịch Đại-tảo tả-phế
- 12 — Tiểu-bán-hạ thang
- 13 — Kỳ-tiểu Đinh-lịch hoàn
- 14 — Tiểu-bán-hạ gia Phục-linh
- 15 — Ngũ-linh tán
- 16 — Phụ ngoại-dài Phục-linh ẩm

溫藥和 博返約 Ôn-dược hòa, bác phản ước (Lấy ôn-dược hòa, bác mà lại ước)

Kim Qũy nói rằng : bệnh Đàm thì phải lấy ôn-dược mà hòa, nên rõ bốn chữ : ôn, dược, hòa, chi, tức là độ của kim châm. Bởi vì Đàm là bệnh Thủy, Thủy về ở Thận, mà bị chế ở Tỳ, muốn cho Thủy do trong đất mà đi trở về ngoài rạch, không dùng ôn-dược để hóa khí thì không được, muốn cho thủy không tràn trề mà đắp đê để phòng-gừa không dùng Ôn-dược để bồi Tỳ thì không thể được, như những loại Quế-linh Truật-cam thang, Thận-khí hoàn, Tiểu Bán-hạ thang. Ngũ-linh tán đều là ôn-dược cả, tức như Thập-táo thang có 10 trái táo, Cam-toại Bán-hạ thang



có nửa thăng Bạch-mật, Mộc-Phòng-kỷ thang có Sâm-quế, Đinh-tịch thang có Đại-táo cũng đều ngụ ý ôn-hòa cả, còn như phép Công Hạ chẳng qua quyền nghi trong một thời, trước sau gì cũng không thể rời bỏ cái ý chỉ ôn-lòa được.

陰霾除 陽光灼 Âm-mai trừ dương-quang  
chước (Muốn trừ âm mờ, phải cho dương sáng)

Âm-là âm-tà, phải cho Ly (hóa) chiếu giữa trời mới có thể lui tan được quần âm, mỗi khi tối thường dùng Sâm-linh-Truật-Phụ gia nước gừng sống cho uống thấy hay.

滋潤流 醫時錯 Tư-nhuận lưu, y thời thác  
(Cho uống tư-nhuận, phép trị sai lầm)

Trong phương nếu làm cho Địa-hoàng Mạch-dông Ngũ-vị vào để phụ họa chân âm, thì âm mờ càng xông lên, âm-tà đầy rẫy không sao cứu được, tức như phương Thận-khí hoàn cũng nên cẩn-thận mà dùng.

真武湯 水歸壑 Chân-vũ thang, thủy quy hác  
(Dùng thang Chân-vũ, dẫn nước về ngòi)

Trong Phương lấy Phục-linh vị đậm để khai, Bạch-truật vị táo để chế, Sanh-khương vị cay để đưa đi, Bạch-thược vị đắng để tiết, được vị Phụ-tử để đưa nước về ngòi.

白散方 窺秘鑰 Bạch-tán phương, khuy bí  
thược (Phương Tam-nhân-Bạch tán, thấu rõ cốt-yếu)

Cải công-hiệu của phương Tam-nhân-bạch tán, Ông Giụ-Gia-Ngôn giải-thích rất rõ ở trong Ý-môn Pháp-luật, môn Trúng phong.

## NHỮNG PHƯƠNG THUỐC VỀ CHỨNG ĐÀM-ÀM

Vương-tiết-trai hóa-dàm-hoàn :

(Trị chứng tân-dịch bị hoả nung nấu keo đục uất kết thành dàm đã thâm căn cố đế, lấy thuốc này trị lần lần.)

香附	Hương-phụ (tầm đồng-tiện sao)	5 ch
橘紅	Quất hồng	1 lạng
瓜蒌仁	Qua lâu nhân	1 lạng
黃芩	Hoàng cầm (soa rượu)	1 lạng
天冬	Thiên đông-môn	1 lạng
海粉	Hải phấn	1 lạng
青黛	Thanh-đại	3 ch
芒硝	Mang tiêu (tán riêng)	3 ch
吉更	Cát-cánh	5 ch
連翹	Liên kiều	5 ch

Cùng tán nhỏ luyện mật cho chút nước gừng sống làm hoàn, mỗi lần uống 2 chỉ với nước gừng.

Quế-ling-truật-cam thang (kim-quy).

(Trị chứng bụng sườn đầy, mắt mờ và trị chứng âm-tà ngăn trệ dương-khí của Tâm, phế khiến cho hơi thở ra ngắn.)

Thận-khí hoàn : (Trị chứng âm-tà ngăn-trệ âm-khí của Can, Thận khiến cho hơi hút vào ngấn.)

Hai phương này chưa ở trong mục Suyên-chứng.

Cam Toại Bàn Hạ thang : (Kim-Quỹ)

Trị chứng âm-tà liên miên không giút, bụng dưới cứng và đầy.

甘 遂	Cam-toại lớn	3 mai
半 夏	Bán hạ chế	12 hột
芍 药	Thược-dược	3 ch
甘 草	Cam-thảo	1, 5 ch

Đồ hai chén nước sắc còn 1 chén bỏ bã đi rồi đồ nửa chén mật vào nấu còn 8 phân uống.

Trình-thị nói rằng : Nước lưu lại thì cho chảy đi dùng Cam-toại để khơi nước, kết lại thì cho tan ra. dùng Bán-hạ để tan đàm, vị Cam-toại mạnh sợ rằng quá hành thủy. nên lấy cam thảo Bạch-mật 2 vị ngọt chắc. Thược-dược vị đắng để hoãn bớt lại, tuy rằng Cam-thảo Cam toại 2 vị phản nhau, nhưng thực ra đề sai khiến nhau, đó là phép khờ Kiên, Cam, hoãn ước vậy.

Vưu-thị nói rằng 1 Vị Cam thảo và Cam toại phản nhau mà cùng dùng với nhau, đó là muốn một lần trị mà chứng lưu âm hết luôn, nhân cùng kích mà cùng nên vậy vị Thược-dược Bạch-mật không những là an trung mà lại còn hoãn được vị độc nữa.

Thập-Tảo thang (Kim quỹ)

(Trị chứng huyền âm đau ở trong, cũng trị cả chứng chi âm nữa phương thuốc này chưa ở trong mục Phúc thống)

**Đại-thanh-long thang (Kim quỹ)**

(Trị về bệnh dật âm thuộc kinh biểu, thuộc nhiệt, uống phương này cho mát)

**Tiểu-thanh-long thang (Kim quỹ)**

(Trị bệnh dật âm thuộc kinh biểu, thuộc hàn, uống phương này cho ôn. (2 phương trên đây đều chua ở trong mục thương-hàn).

**Mộc-phòng-kỷ thang (Kim quỹ)**

Cách trung của người ta trong trời như Thái-không, nếu bị cái khí của chí âm đè nén thì sanh ra đầy, xuyên mà bị cứng, sắc mặt đen sạm, mạch cũng trầm khản, đã bị ba mươi bữa mà cho thở cho hạ đều không khỏi, thì nên lấy thang này để mở cái kết của Tam tiêu, để thông cái khí của trên dưới.

木 防 己	Mộc-phòng-kỷ	3 ch
石 膏	Thạch cao	6 ch
桂 枝	Quế-chi	2 ch
人 參	Nhân-sâm	4 ch

Đồ 2 chén nước sắc còn 8 phân, uống nóng.

Mộc-phòng-kỷ thang khứ Thạch-cao gia Phục-linh Mang-tiêu-thang (Kim-quỹ).

Vì cho thở, hạ rồi thủy-tà nhân hư mã kết lại cho uống phương trước hết liền, nếu thủy-tà thực kết dấu có hết rồi ba bữa lại phát, cho nên dùng thang này bỏ vị Thạch-cao hàn, gia vị Phục-linh thấu suốt tới thủy-đạo, Mang-tiêu để mở chỗ kết cứng vậy.

木防己	Mộc-phòng kỷ	2 ch
桂枝	Quế-chi	2 ch
茯苓	Phục-linh	4 ch
人參	Nhân-sâm	4 ch
芒硝	Mang-tiêu	2,5 ch

Đồ 2 chén nước sắc còn 7 phân, bỏ bã, bỏ Mang-tiêu vào đun nóng uống, tiện lợi một chút là khỏi.

Trạch-tả thang (Kim-quỹ)

Chi-âm tuy không ở chính giữa, mà sát cạnh với trái tim, âm-tà trên lẫn cái ngòi của thanh-dương, làm cho người tinh-thần mờ mịt như có vật gì che trước mắt thì cho uống thang này.

澤瀉	Trạch-tả	5 ch
白朮	Bạch-truật	2 ch

Đồ 2 chén nước sắc còn 7 phân uống nóng.

Hậu-phác Đại-hoàng thang : (Kim-quỹ)

(Trị chứng chỉ-âm bụng đầy, phải đưỡi theo đại-tiên mà ra.)

厚朴	Hậu-phác	2 ch
大黃	Đại-hoàng	3 ch
枳實	Chi-thực	1,5 ch

Đồ 2 chén nước sắc còn 7 phân uống nóng.

Đình-lịch Đại-tảo tả-phế thang : (Kim-Quỹ)

(Trị chứng chỉ-âm không dừng (phương thuốc này

chua ở trong mục Khí-suyễn)

Tiêu bán-hạ thang (Kim quỹ)

Trị chứng bụng dưới chi âm, nôn ói mà không khát.

半夏 Bán-hạ 4 ch

生羌 Sanh-khương 8 ch

Đồ 2 chén nước sắc còn 8 phân uống nóng.

Kỷ-tiêu-lich hoàng hoàn (Kim-quỹ)

(Trị chứng bụng đầy, miệng lưỡi khô ráo, trong ruột có hơi nước).

防己 Phòng-kỷ 椒目 Tiêu-mục 葶藶 Đĩnh-lich 大黃 Đại-hoang, mỗi vị một lượng cùng tán nhỏ luyện mật làm hoàn bằng hột ngô lớn, mỗi ngày uống ba lần, mỗi lần uống một hoàn trước khi ăn, lần lần uống thêm lên, trong miệng có tân-dịch mà khát nước thì gia nửa lượng mang-tiêu.

Trình-thị nói rằng : Vị Phòng-kỷ Tiêu-mục là đưa chứng âm ở trước, trong, thì theo tiêu tiện mà ra, đầy chứng âm ở sau, đục, thì theo đại-tiện mà xuống, đó là trước sau phân tiêu thì bớt đầy bụng mà thủy âm đi được, Tỳ khí chuyển mà tân dịch sanh ra được.

Tiêu-bán-hạ gia Phục-linh thang (Kim-quỹ)

(Trị chứng bống chốc ói mửa, bụng dưới bí, chỗ cách có hơi nước, tức là thang Tiêu-bán-hạ gia Phục-linh 4 chỉ).

Ngũ-linh-tán : (Kim quỹ)

Trị chứng dưới rốn hồi hộp thổ ra nhớt rãi mà diên huyền đó là bí thủy.

澤瀉	Trạch-tả	1 lang	2 ch
豬苓	Trư-linh		7 ch
茯苓	Phục-linh		7 ch
白朮	Bạch-truật		7 ch
桂枝	Quế-chi		5 ch

Cùng tán nhỏ, mỗi ngày uống 3 lần, mỗi lần uống một muống với nước nóng, mồ hôi ra thì khỏi.

Xét ra chứng dưới rốn hơi động nên bỏ vị Bạch-truật mà uống hoàn Lý-trung gia Quế mới phải. Nhưng đây vì thồ ra nhót rai là bởi thủy khí thanh tất phải có vị Bạch-truật khô tảo mới có thể chế được thủy, còn diên huyễn là bởi thấp khí ở Thồ hóa làm âm mai, tất phải có vị Bạch-truật ôn tảo mới có thể thăng được chứng Thấp, phép dùng thuốc phải có thông biến.

Phụ phương : Ngoại-dài Phục-linh ẩm :

(Trị chứng tích ẩm đã hết, mà hư khí đầy lạp ở trong không ăn được, chứng này rất nhiều, dùng phương thuốc này rất thần diệu.

茯苓	Phục-linh	1,5 ch
人參	Nhân-sâm	1,5 ch
白朮	Bạch-truật	1,5 ch
橘皮	Quất-bì	1,5 ch
只實	Chỉ-thực	1 ch
生羌	Sanh-khương	2 ch

Đồ 2 chén nước sắc còn 7 phân uống nóng, mỗi ngày uống 3 lần.

Ông Từ-Trung-Khả nói rằng : Tục cho rằng vị Trần bị giảm bớt sức Sâm lại còn gia Chỉ thực nữa đó là cách trị cả bề lẫn tả thật là thần diệu.

Tam-nhân Bạch Tán :

滑石	Hoạt-thạch	5 ch
半夏	Bán-hạ	2,5 ch
附子	Phụ-tử	2,5 ch

Cùng tán nhỏ mỗi lần uống 5 chỉ với 3 lát gừng sống và 3 chỉ mật đồ 1 chén rượu nước đun sôi còn 7 phân uống nóng.



## Tiêu Khát thứ 24

消渴證 津液乾 Tiêu-khát chứng, Tân-dịch càn (Chứng tiêu-khát, tân-dịch khô)

Miệng khát nước hoài là thượng-tiêu, lấy thang Nhân-sâm Bạch-hồ mà trị, ăn rồi đói liền là trung-tiêu, lấy thang Điều-vị thừa-khí mà trị, lần uống lần dãi, nước tiểu như keo là hạ-tiêu, lấy Thận-khí-hoàn mà trị, thực ra đều là bệnh tân-dịch khô ráo vậy.

七味飲 一服安 Thất vị ẩm, nhất phục an (dùng thất-vị-ẩm, uống một lần yên)

Ông Triệu-duyên-Qùy thay đổi phương-pháp, ông nói rằng : trị chứng tiêu khát không cần phân ra Thượng, trung, hạ, hễ thấy khát nhiều táo nhiều nên dùng liều Lục vị hoàn 1 cân, Nhục quế 1 lượng, Ngũ vị tử 1 lượng đồ 7 chén nước đun sôi một chặp lâu, để nguội rồi uống, ngủ một giấc dậy như hết chứng khát, còn những thang Bạch hồ, thừa khí đều không trị được.

金匱法 別三般 Kim quy pháp, biệt tam ban (Phép của Kim quỹ, chia làm ba thứ)

Hay ăn mà khát là trọng ở Nhị-duyên, bởi vì Thủ thái-duyên chủ về tân dịch, Túc thái-duyên chủ về huyết. Lần uống lần dãi là trọng ở Thiếu-âm, bởi vì Thận khí hư

không thể thâm nhiếp được, cho nên nước chảy thẳng xuống dưới, Thận khí hư không thể nung nấu cho nước đưa lên trên. Không hay ăn mà khí đưa lên là trọng ở Quyết-âm bởi vì Can hỏa ở trong mình người ta nó nung đốt dữ tợn làm hao thương tân dịch mà làm ra chứng tiêu khát. Kim-quỹ luân trị về chứng tiêu khát mở miệng đã nêu ra cái ý đó đề bổ vào trong Nội kinh chưa nói đến, vậy thì không còn ngờ là sai lầm nữa.

二陽病治多端 Nhị dương bệnh, trị đa đoan  
(Chứng bệnh Nhị-dương, trị có nhiều mối).

Lao thương vinh vệ uất mà thành nhiệt, thang Chích Cam-thảo có thể dùng được, ông Dụ-Gia-Ngôn dùng thang Thanh-táo tức là biến cam-ôn làm cam-hàn vậy, khí nóng nung nấu trong bụng thì dùng thang Nhân-sâm Bạch-hồ, Kim-quỹ dùng thang mạch-môn tức là biến cam-hàn làm cam bình vậy, tiêu cốc mà bụng cứng chắc thì dùng Ma nhân hoàn gia Đương-quy Cam-thảo Nhân-sâm, hay ở trong chỗ tư dịch mà công chỗ cứng chắc, bởi vì bụng cứng chắc thì không thể tiêu nước được, cũng như lấy nước mà đổ lên đá, nước chảy đi mà đá vẫn tự nhiên vậy. Chứng Tiêu là thuộc hỏa, Hỏa uất ở trong là đủ tiêu thủy, những nước uống có thể đỡ khát, chỉ vì trong khô cứng không để cho nước thấm nhuần thì nước lại theo thể lửa mà chảy tuột xuống Bàng-quang, cho nên tiêu-tiện luôn, càng đái luôn lại càng chắc cứng, càng chắc cứng thì lại càng tiêu vậy. Luận của ông Dụ-gia Ngôn về chứng này rất tinh.

少陰病腎氣寒 Thiếu âm bệnh, Thận khí hàn (Bệnh về Thiếu âm, do Thận khí lạnh)

Uống nước nhiều mà tiểu tiện ít, tên là Thượng-tiểu, ăn cơm nhiều mà đại tiện cứng, tên là thực-tiểu cũng tên là Trung-tiểu, Thượng Hạ hai tiểu đều thuộc nhiệt, duy chứng Hạ-tiểu uống rồi đại liền là bởi ở trong có Hỏa hóa, mới rõ là Thận khí hàn, cho nên phải dùng Thận khí hoàn.

厥陰病·烏梅丸 Quyết âm bệnh, ô mai hoàn (Bệnh về quyết-âm, phải dùng ô-mai hoàn).

Trong phương dùng đủ cả vị ngọt, cay, đắng, chua, vị ngọt để hoãn lại cho thỏa cái chí của Can, vị cay để tan ra cho dẹp cái thần của Can, vị đắng để dè xuống thì Hỏa ngược lên theo mà trở xuống, vị chua để thu lại, để hoãn lại khúc trực là bản tính của Toan, theo tính mà làm thì không việc gì nữa, cho nên hoàn này là môn thuốc trị chứng Quyết-âm, trị chứng này trừ hoàn này ra đều không dùng thuốc đắng, vì sợ đắng theo hỏa mà hóa vậy.

變通妙 燥熱餐 Biến thông diệu, táo nhiệt san (Diệu về biến thông, cho uống táo nhiệt)

Tỳ không giúp Vị để làm tân dịch, phế không thông điều được Thủy đạo mà thành tiêu khát, người ta chỉ lấy thanh nhuận mà trị, mà không biết rằng Tỳ ưa Táo, mà phế ghét Hàn, thử xem hể tiết tả thì phải khát đó là vì thủy tinh không đưa lên mà chỉ tiết xuống, cho nên lấy thuốc táo Tỳ mà trị thì thủy dịch đưa lên không còn khát nữa. Tôi thường dùng Lý-trung hoàn, bội Bạch-truật gia Quát-lâu-căn để trị rất thần hiệu.

**NHỮNG PHƯƠNG THUỐC VỀ  
CHỪNG TIÊU KHÁT.**

Bạch-hồ thang, Điều-vị Thừa-khí thang, Lý-trung  
hoàn, Ô-mai hoàn.

(Bốn phương này chưa ở trong mục Thương-hàn.)

Thận-khí hoàn, Lục-vị-thang, Chích Cam-thảo thang

(Ba phương này chưa ở trong mục Hư-lao.)

Mạch-môn-đông thang :

麥 門 冬	Mạch-môn đông	4 ch
半 夏	Bán-hạ	1,5 ch
人 參	Nhân-sâm	2 ch
梗 米	Ngạnh-mễ	4 ch
炙 甘 草	Chích-cam-thảo	2 ch
大 棗	Đại-tảo	2 trái

Đồ 2 chén nước sắc còn 8 phân uống nóng.

Ma-nhân hoàn :

火 麻 仁	Hỏa-ma-nhân	2 ch
芍 藥	Thược-dược	5 ch
只 實	Chỉ-thực	5 ch

大黃 Đại-hoàng 1 lượng

厚朴 Hậu-phác 1 lượng

Các vị cùng tán nhỏ luyện mật làm hoàn lớn bằng hột  
ngô, mỗi lần uống mười hoàn với nước gạo.

## Thương-hàn Ôn-dịch thứ 22

傷寒病極變遷 Thương-hàn bệnh, cực biến thiên (Chứng bệnh Thương-hàn biến đổi nhiều thứ).

Thái-dương chủ bề ngoài của mình người ta, giữ về kinh Hàn-thủy, phạm bệnh từ ngoài lại đều là Thương-hàn chớ không phải Hàn-nhiệt biến ra vậy. Biến đổi là : hoặc Tam-dương, hoặc Tam-âm, hoặc hàn-hóa, hoặc nhiệt-hóa khác nhau.

六經法有真傳 Lục-kinh pháp, hữu chân truyền (Phép trong Lục-kinh, có đủ chân truyền)

Thái-dương Hàn-thủy là kinh chủ bên ngoài, trong sách có đầy đủ mọi phép phát hãn, Dương-minh Táo-kim là kinh chủ về bên trong, trong sách có đầy đủ mọi phép công-lý (công ở trong), Thiếu dương Tướng-hỏa là kinh ở giữa khoảng trong và ngoài, tức là Dương-khu vậy, trong sách có đầy đủ mọi phép hòa giải. Thái-âm thấp-thờ, thuần-âm mà chủ hàn, trong sách có đủ mọi phép ôn-bổ. Thiếu-âm Quân hỏa, tiêu bản nóng lạnh khác nhau, tức là âm-khu vậy trong sách có lập đủ hai phép trị hàn nhiệt. Quyết-âm Phong-mộc, Mộc thì có Hỏa mà chủ về nhiệt, trong sách có đủ mọi phép thanh hỏa, tuy Thái-dương cũng có lý chứng, Dương-minh cũng có biểu chứng, Thái-âm cũng có nhiệt

chứng, Quyết-âm cũng có hàn chứng, nhưng đề cương không ở chỗ đó.

頭項痛 太陽編 Đầu hạng thống, Thái-dương biên (Đầu và cổ đau, thuộc kinh Thái-dương)

Ba Dương đều chủ biểu, mà kinh Thái-dương là biểu ở trong biểu, luận chứng cho là đầu đau, cổ cứng, phát nóng, ghét lạnh làm đề cương, có mồ hôi thì cho uống thang Quế-chi, không mồ hôi thì cho uống thang Ma-hoàng.

胃家實 陽明編 Vị-gia thực, Dương-minh biên (Vị gia thực, thuộc kinh Dương-minh)

Dương-minh là lý ở trong biểu, chủ lý, thực chứng, cho nên uống thang Tam-thừa-khí, luận-chứng lấy vị-gia thực làm đề cương, lại mũi khô, mắt đau không ngủ được làm kinh bệnh, nếu sợ lạnh đầu nhức là bệnh chưa lìa kinh Thái-dương, phải xét rõ có mồ hôi hay không có mồ hôi để dùng thang Quế-chi hay thang Ma-hoàng, Nếu không có nhức đầu sợ lạnh, chỉ thấy nóng nhiều tự ra mồ hôi, miệng khát là bệnh đã lìa kinh Thái-dương nên cho uống thang Bạch-hồ, đề cương của đức Trọng-Cảnh không cho như thế, phạm những phép giải hàn phải cầu ở kinh Thái-dương, những phép công-lý phải cầu ở kinh Dương-minh đó là lập pháp nghiêm vậy.

脘若嘔 少陽編 Huyễn-khở ầu, thiếu-dương-biên (Mắt mờ miệng đắng ối, thuộc kinh Thiếu-dương)

Thiếu-dương ở giữa khoảng Thái-dương Dương-minh tức là Dương-khu, hàn nhiệt lẫn lộn, nếu hàn nhiệt còn quanh quẩn ở bên ngoài mà làm cho bụng và sườn đầy phiền, thì nên cho uống thang Đại, Tiêu Sài-hồ, nếu hàn nhiệt chống nhau ở trong mà làm bụng đau ối mưa, thì cho

uống Hoàng-Liên, trong bụng bí đầy ói ngược lên, thì cho uống thang Bản-hạ tả tâm, ăn nuốt không vào được thì cho uống thang Càn-khương Hoàng-liên Nhân-sâm, nếu Tà đã vào cả trong Đả-phủ công xuống Tỳ mà làm tự lợi thì nên cho uống thang Hoàng-cầm, ngược lên Vị mà làm lợi lại thêm nôn ói thì cho uống thang Hoàng-cầm gia Bán-Hạ Sinh-khương, luận chứng lấy miệng đắng, cổ khô, mắt mờ làm đề cương.

吐利痛 太陰編 Thở lợi thống, Thái âm biên (Chứng Thở, Lợi, Thống, thuộc kinh Thái-âm)

Thái-âm Thấp thở là tạng thuần Âm theo hàn hóa nhiều theo nhiệt hóa ít. Kinh này chủ về hàn chứng mà nói, nên cho uống thang Lý-trung thang Tứ-ngịch làm chủ yếu, Nguyên bản bị ông Vương thúc-Hòa làm lộn cả, luận chứng lấy trong bụng đầy, thở thực, tự lợi, không khát, chân tay ấm, bụng có khi đau làm đề cương.

但欲寐 少陰編 Đản dục寐, thiếu-âm biên (Chứng chỉ muốn ngủ, thuộc kinh Thiếu-âm)

Thiếu-âm ở giữa khoảng Thái-âm Quyết-âm, tức là âm-khu, có khi lạnh, có khi nóng, luận chứng lấy mạch vi tế chỉ muốn ngủ làm đề cương, những phép trị: Hàn: thì dùng thang Ma-hoàng Phụ-tử Tế-tân, thang Ma-hoàng Phụ-tử Cam-thảo và thang Bạch-thông, thang Thông-mạch tứ-ngịch. Nhiệt: thì dùng thang Chư-linh, thang Hoàng-liên Kê-tử hoàng và thang Đại-thừa-khí:

吐衄渴 厥陰編 Thở vưu khát, Quyết-âm biên (Chứng thở-vưu khát, thuộc kinh Quyết-âm)

Quyết-âm tức là âm đã hết, âm hết thì dương sinh, và



lại thuộc về phong mộc có Hòa chu về nhiệt chứng, luận chứng lấy tiêu khát khí đưa lên đưng tâm, trong bụng đau nóng, đói không muốn ăn, ăn thì thổ tả lợi không dứt làm đê cương, lấy Ô-mai hoàn làm chủ trị, tư lợi hạ trọng khát nước, lấy thang Bạch-đầu-ông làm chủ trị. Phàm hết thấy những phép phát biểu nói đủ ở kinh Thái-dương, hết thấy những phép công-lý nói đủ ở trong kinh Dương-minh, hết thấy những phép hòa giải nói đủ ở trong kinh Thiếu-dương, hết thấy những phép ôn-bồ nói đủ ở trong kinh Thái-âm, hết thấy những phép nên làm hàn-lương đã đủ ở trong kinh Quyết-âm, hết thấy những phép dùng cả hàn nhiệt nói đủ ở trong kinh Thiếu-âm, đó là Lục-kinh của Đức Trọng-Cảnh luận về Thương-hàn cùng với Lục-kinh của Nội-kinh luận về Nhiệt-bệnh khác nhau.

長沙論 嘆高堅 Trường-Sa luận, tán cao kiên (Luận của Trường-Sa, rất cao, rất chắc)

Luận của Trường-Sa (tức là đức Trọng-Cảnh) rất là cao xa bền chắc, càng trông càng cao, càng giữ càng bền chắc,

存津液 是真詮 Tồn-tân-dịch, thị chân thuyên (Giữ còn tân-dịch, đó là tôn-chỉ)

Giữ còn tân-dịch đó là tôn chỉ của toàn thư, như thang Quế-chi là cam ôn đê giải cơ dưỡng dịch; tức như thang Ma-hoàng vào thẳng da, lông không bằng vị gừng cay nóng vị Táo ngọt ứng theo ngoài trị bên ngoài mà không thương tới Vinh-khi cũng là dưỡng-dịch vậy, thang thừa-khi cấp hạ đẫy mà không đê cho Tà-hỏa đốt chân âm cũng là dưỡng-dịch tức như thang Ma-hoàng Phụ-tử Tể-tân dùng vị Phụ-tử đê giữ vững cái gốc của Thiếu-âm khiến bên trong giữ lấy tân dịch không theo mồ hôi mà ra cũng là dưỡng dịch;

thang Ma-hoàng Phụ-tử Cam-thảo là lấy vị Cam-thảo (hoãn) thay cho vị Tễ-tân, vị Ma-hoàng thấm vào Trung tiêu lấy tân-dịch của thủy cốc làm ra mồ-hôi mà không thương tới chân âm đó là dương-dịch vậy, suy như thang Lý-trung, Ngũ-linh tán phải húp chút nước cháo, thang tiêu-sài-hồ, thang Ngô-thù-du đều dùng vị Nhân-sâm, mỗi phương, phương nào cũng đều có phép dưỡng dịch cả.

汗吐下 溫清 懸 Hãn-thồ-hạ, ôn-thanh-huyền  
(Phép Hãn, thồ, hạ, và phép ôn-thanh)

Bệnh ở Biểu thì nên cho phát hãn, ở Hung cách nên cho thồ, ở Lý nên cho Hạ, Hàn nên cho ôn, nhiệt nên cho thanh.

補貴當 方而圓 Bô quý đáng, phương nhi  
viên (Phép bổ quý đáng, vừa vuông và tròn)

Bệnh hư thì phải bổ, hợp với trên là sáu phép, nói vuông tròn là nói một bộ Thương-hàn luận đều là phép để cứu sống người.

規矩廢 甚於今 Quy cũ phế, thậm ư kim  
(Bỏ cả khuôn phép, nhất là ngày nay)

Từ ông Vương-thúc-Hòa trở về sau, những nhà chua ra phần nhiều lắm lẫn, song cũng còn có phải có quấy, tệ nhất là bây giờ không còn biết cái luận Thương-hàn là vật gì nữa, bỏ hết cả khuôn phép.

二陳尚 九味 尋 Nhị-trần thượng, Cửu-vị  
tầm (Chuộng thang Nhị-trần, tìm thang Cửu-vị)

Người ta đều nói rằng thang Nhị-trần là một phương thuốc phát hãn bình ôn, mà không biết vị Phục-linh thấm, vị Bán-hạ sấp đều có thể lưu tà sinh nóng biến thành những

chúng nói nhầm, không đi tiện được : người ta đều nói rằng thang Cửu-vị Khương-hoạt so với hai thang Mã Quế còn ổn hơn, mà không biết kinh Thái-dương bệnh nặng nên phòng ngừa bệnh chạy vào kinh Thiếu-dương, trong phương ấy có vị Cầm-địa đắng lạnh. Uống rồi không ra mồ hôi sợ rằng vị đắng lạnh ấy hãm vào kinh Thiếu-dương biến ra chứng mạch trầm tế mà chỉ muốn ngủ ; uống rồi ra mồ hôi được lại sợ vị đắng lạnh ấy phá hại Thân-dương, dương không giữ chắc ở trong, biến ra chứng lậu không dứt, Thời Y tra dùng phương ấy thì cũng nên rõ cái hại của phương ấy làm hại người ta không ít.

香蘇外平胃臨 Hương-tô ngoại, Bình-vị  
lâm (Ngoài Hương-tô ẩm, tới Bình-vị tán)

Cái lực lượng của Hương-tô ẩm rất yếu không thể đuổi tà ra hết được, sợ rằng tà còn lại sẽ truyền biến ra nhiều thứ, Bình vị tán là phương thuốc táo thấp tiêu đạo, phép của Đức Trọng-Cảnh không hề dùng thứ thuốc táo để phát hãn, và chướng ngoại tà chưa đi, lại càng không nên công ở trong trước.

汗源涸耗真陰 Hãn-nguyên hật, hao chân âm (Nguồn mồ hôi khô, làm hao chân âm)

Âm là nhà của Dương vậy, thang Quế-chi có vị Bạch-thược và húp nước cháo đều là phép tư âm để cứu lấy nguồn mồ hôi, thang Ma hoàng dùng vị Cam-thảo và không húp nước cháo, cũng là giữ chân-âm để cứu nguồn mồ hôi, Ông Cảnh-Nhạc ngộ nhận cái ý đó mà thường dùng vị Quy-địa để hại bao nhiêu mà kể.

邪傳變病日深 Tà truyền biến, bệnh nhật thâm (Tà đã truyền biến, bệnh càng ngày càng sâu)

Trị mà trúng phép bề nào cũng khỏi, còn nếu đã sinh ra chứng nghịch chứng Hoại chứng quá kinh không hết là đều do ở trị sai lầm mà tới nỗi như vậy.

目擊者實痛心 Mục-kích giả, thực thống tâm (Mắt thấy như vậy thật là đau lòng)

Người ta chết về bệnh thì ít, mà chết về thuốc thì nhiều, những người hành đạo ngày nay, phần nhiều học lợi khẩu lấy thứ thuốc ấy để giết người, tức là lấy thứ thuốc ấy để được danh, thực là đáng than thở vậy, tôi biết chắc rằng những người ấy sẽ để hại tới con cháu.

醫醫法腦後鍼 Y-y pháp, não hậu châm (Phép trị này thuốc, châm thẳng sau óc)

Tiêu-Tiền-bối nói rằng : Trị bệnh người trước hết hãy trị thầy thuốc, một ông thầy thuốc trị ngàn muôn người, chẳng qua chỉ trị được ngàn muôn người mà thôi, cứu một ông thầy thuốc tức là cứu ngàn muôn người, cứu ngàn muôn ông Thầy-thuốc tức là cứu biết bao hằng-hà sa số người Thiên hạ đời sau vậy, cho nên tôi nói châm thẳng vào sau óc ông Thầy thuốc

若瘟疫治相伴 Nhược ôn-dịch, trị tương mâu (Còn chứng ôn-dịch, trị cũng như nhau)

Khí bất chính của bốn mùa và dị khí của phương-thờ, người bệnh cảm-mạo ứ khí mà thành chứng ôn-dịch, tuy có chia ra theo kinh lạc mà vào, theo miệng mũi mà vào khác nhau, mà kiến chứng cũng lấy theo Lục-kinh làm bằng, phép trị cũng giống như trị Thương-hàn.

通聖散兩解求 Thông-thánh tán, lưỡng giải cầu (Phương Thông-thánh-tán, cầu hai thứ giải)

Ở trong điều kinh Thái-dương của đức Trọng-Sur nêu ra câu phát nóng không sợ lạnh mà khát nước là bệnh ôn, tức là noi theo bã-thuyết trong bộ Nội-kinh, người ta bị thương về lạnh thì thành bệnh nóng : mùa Đông thương về lạnh, tới mùa Xuân tất là bệnh Ôn, trước ngày Hạ-chí là bệnh Ôn, sau ngày Hạ-chí là bệnh thử, ban đầu dùng thang Ma-hạnh-Cam-thạch, ở kinh thì dùng thang Bạch-hồ gia Nhân-sâm, nhập lý thì dùng thang Thừa-khí và Thái-âm dùng thang Nhân-trần-hao, Thiếu-âm dùng thang Hoàng-lên A-giào, thang Trư-linh, Quyết-âm dùng thang Bạch-đầu-ông đều là phương thuốc căn yếu, xét ra khác với chứng Ôn-dịch. Bệnh Ôn-dịch đều do cảm cái khí độc dữ mà phát ra, khi mới bị, nếu kiêng cả sợ lạnh, thế là tà theo kinh lạc mà vào, nên dùng thang Nhân-sâm bại-độc là phép giữ chính đuổi tà, khi mới bị, nếu kiêng cả bụng đầy, miệng thờ ra nhớt vàng, ấy là tà theo miệng mũi mà vào, nên dùng thang Hoắc-hương chính-khí là phép lấy mùi cay thơm để trừ uế-khí, duy có phương Phòng-phong Thông-thánh là đầy đủ mọi mặt là khi mới bị chưa chắc đã nội thuộc, trong phương riêng có vị Tiêu-hoàng thật là thần diệu, không hề có cái hại hãm-tả, nếu đọc sách của Đức-Trọng-Sur thấy câu dưới ai ai cũng lè lưỡi, nhưng không biết có lợi mà không hại vậy.

六法備汗爲尤 Lục-pháp bị, hãn vi vuu  
(Đủ sáu phép trị, cho ra mồ hôi là hơn)

Hãn, Thờ, Hạ, Ôn, Thanh, Bỏ là sáu phép trị về bệnh Thương-hàn, trong 6 phép duy có phép cho ra mồ-hôi là căn yếu, về bệnh Ôn-dịch có mồ-hôi thì sống, không có mồ-hôi thì chết, cái kỳ mồ-hôi lấy bấy bữa làm cứ, nếu bấy bữa chưa có lại đợi tới bấy bữa nữa cho có mồ-hôi, lại bàn xem phép của Đức-Trọng-Thánh cho Thờ, cho

Hạ, cho Ôn, cho Thanh, cho Bồ đều là cần chó có mồ hôi, nói rõ ở trong mục Thời-phương diệu dụng.

達原飲 昧其由 Đạt-nguyên-âm, mười kỳ do (Phương Đạt-nguyên-âm, làm mờ tối bệnh do)

Ông Ngô-hựu-Khả bảo rằng bệnh thó-thịt lấy thang Đạt-nguyên-âm làm đầu, dựng ra cái dị thuyết để dối người, thực là chưa biết cái bệnh do vậy.

司命者 勿逐流 Tư-mệnh giả, vật trục lưu (Người giữ mệnh, đừng có a-dua)

Người trị bệnh tức là giữ cái mệnh của người ta, phải nên đọc kỹ sách của Đức Trọng-Thánh để tới khi lâm nhiều chứng bệnh tự có định liệu, chớ đừng nên a-dua theo thói thường.

## NHỮNG PHƯƠNG THUỐC VỀ BỆNH THƯƠNG-HÀN KINH THÁI-DƯƠNG

Quế-chi thang :

桂枝	Quế-chi	3	ch
白芍	Bạch-thược	3	ch
甘草	Cam-thảo	2	ch
生姜	Sinh-khương	3	ch
大枣	Đại-táo	4	trái

Đồ 2 chén nước sắc còn 8 phân uống nóng, uống rồi một lát hút một chén cháo để giúp sức thuốc, trùm mền cho ra mồ hôi, uống một lần hết bệnh thì thôi, nếu bệnh nặng ngày đêm uống ba lần.

Ma-hoàng thang :

麻黄	Ma-hoàng bỏ gốc, đốt	3	ch
桂枝	Quế-chi	2	ch
杏仁	Hạnh-nhân bỏ vỏ	4	ch
甘草	Cam-thảo	1	ch

Đồ 3 chén nước sắc vị Ma-hoàng trước, còn hai chén thời bọt đi rồi bỏ các vị kia vào sắc còn 8 phân uống nóng, không cần húp cháo.

Đại-thanh-long thang :

麻黄	Ma-hoàng bỏ gốc đốt	6 ch
桂枝	Quế-chi	2 ch
炙草	Chích-thảo	2 ch
杏仁	Hạnh-nhân bỏ vỏ	2 ch
生羌	Sanh-kương	3 ch
大枣	Đại-táo	4 trái
石膏	Thạch-cao đâm nát	4,5 ch

Đồ 4 chén nước sắc vị Ma-hoàng trước còn 2 chén rượu bỏ bột trên di sẽ bỏ mấy vị kia vào sắc còn 8 phân ửng nóng trùm mền cho ra mồ hôi, nếu mồ hôi ra nhiều lấy ôn-phấn (Bạch-truật, hà Long cát, hà Mẫu-lê tán nhỏ) mà thoa, sợ mồ-hôi ra nhiều thì vong Dương lấy khá mà cứu.

Tiểu-thanh-long thang :

麻黄	Mã-hoàng bỏ gốc đốt	1 ch
白芍	Bạch-thược	2 ch
干羌	Càn-kương	1,5 ch
桂枝	Quế-chi	2 ch
甘草	Cam-thảo	1 ch
半夏	Bán-hạ	3 ch
五味子	Ngũ-vị-tử	1 ch
細辛	Tế-tân	8 ph



Đồ 3 chén nước bỏ vị Ma-hoàng sắc trước còn 2 chén rượu gạt bọt trên di sã bỏ mấy vị kia vào sắc còn 8 phân uống nóng nếu khát nước, bỏ vị Bán-hạ gia vị Quát-lâu-căn 2 chỉ, còn nghẹn, bỏ vị Ma-hoàng gia vị Phụ-tứ 1 chỉ rượu, tiểu-tiện không lợi, đau bụng và đầy, bỏ vị Ma-hoàng gia vị Phục-linh 4 chỉ, còn suyễn thì bỏ vị Ma-hoàng gia vị Hạnh-nhân 3 chỉ. Xét luận rằng nếu vị lợi bỏ vị Ma-hoàng gia vị Nguyên-hoa, không dùng vị Nguyên-hoa thì lấy vị Phục-linh mà thay, hay là vị Chư-linh vị Trạch-tả cũng được.

Quế-chi gia Cát-căn thang :

Tức là thang Quế-chi gia 4 chỉ Cát-căn.

Đồ 2 chén nước sắc còn 8 phân uống nóng, không nên húp nước cháo.

Cát-căn thang :

葛根	Cát căn	4 ch
麻黄	Ma-hoàng	2 ch
生羌	Sanh-khanh	2 ch
甘草	Cam-thảo	2 ch
桂枝	Quế-chi	2 ch
白芍	Bạch-thược	2 ch
大枣	Đại-tào	4 trái

Đồ 3 chén rượu nước sắc vị Ma-hoàng và vị Cát-căn còn 2 chén rượu gạt bọt trên di sã bỏ các vị kia vào sắc còn 8 phân uống nóng lấy mồ hôi, không nên húp cháo.

## KINH DƯƠNG MINH

Bạch-hồ thang :

石膏	Thạch-cao dâm nát	8 ch
知母	Tri-mẫu	3 ch
炙草	Chích-thảo	1 ch
梗米	ngành-mễ	4 ch

Đồ 3 chén nước sắc còn 1 chén uống.

Điều-vị Thừa-khí thang :

大黃	Đại-hoàng rửa rượu	4 ch
炙草	Chích thảo	2 ch
芒硝	Mang tiêu	3 ch

Đồ 2 chén rửa nước sắc vị Đại hoàng, Cam-thảo trước còn 1 chén bỏ cạn đi sẽ bỏ vị Mang-tiêu vào đun sôi một chút rồi uống nóng.

Tiểu-thừa-khí thang :

大黃	Đại-hoàng	4 ch
厚朴	Hậu-phác	2 ch
枳實	chi-thực	2 ch

Đồ 2 chén nước sắc còn 8 phân uống nóng, lần đầu

phải đi cầu, nếu không đi cầu lại sắc uống, đi cầu được thì thôi.

Đại-thừa-khí thang :

大黃	Đại-hoàng rửa rượu	2 ch
厚朴	Hậu-phác	4 ch
只實	Chỉ-thực	2 ch
芒硝	Mang-tiêu	2 ch

Đồ 3 chén nước sắc vị Chỉ-thực Hậu-phác còn 1 chén rưới bỏ cạn đi sẽ bỏ vị Đại-hoàng và mang tiêu vào đun sôi một chặp uống rồi thấy hạ được đừng uống nữa.

### KINH THIẾU-DƯƠNG

Tiểu-sại-hồ thang :

柴胡	Sái-hồ	4 ch
人參	Nhân-sâm	1,5 ch
黃芩	Hoàng-cầm	1,5 ch
炙草	Chích-thảo	1,5 ch
生羌	Sinh-khương	1,5 ch
半夏	Bán-hạ	2 ch
大棗	Đại-tảo	2 trái

Đồ 3 chén nước sắc còn một chén uống nóng, ngày đêm uống 3 lần. Trong bụng buồn bức không ới bỏ vị Bán-hạ Nhân-sâm gia 2 chỉ Quát-lâu. Khát nước bỏ Bán-hạ gia 7 phân Nhân-sâm, 2 chỉ Quát-lâu-căn. Trong bụng đau bỏ

vị Hoàng-cầm gia 1 chỉ rưỡi Thược-dược.. Dưới sườn cứng bĩ bỏ Đại-tảo gia 2 chỉ Mẫu-lệ. Bụng dưới hồi hộp tiêu tiện không lợi bỏ Hoàng-cầm gia 2 chỉ Phục-linh. Không khát nước ngoài có hơi nóng bỏ Nhân-sâm gia 1 chỉ rưỡi Quế-chỉ trùn mền cho ra mồ hôi một chút thì khỏi. Ho thì bỏ Nhân-sâm Đại-tảo Sanh-khương gia 1 chỉ Ngũ-vị-tử và 1 chỉ rưỡi Càn-khương,

Đại-Sài-hồ thang :

柴胡	Sài-hồ	4 ch
半夏	Bán-hạ	2 ch
黄芩	Hoàng-cầm	1,5 ch
芍药	Thược-dược	1,5 ch
枳实	Chi-thực	1,5 ch
生姜	Sanh-khương	2 ch
大枣	Đại-tảo	2 trái

Bản khác có vị Đại-hoàng 5 phân, đồ 3 chén nước sắc còn 8 phân uống nóng, ngày đêm uống 3 lần.

### KINH THÁI-ÂM

Lý-trung-hoàn-thang :

人参	Nhân-sâm	3 lượng
白朮	Bạch-truật	3 lượng
干羌	Càn-khương	3 lượng
甘草	Cam-thảo	3 lượng

Cùng tán nhỏ mặt hoàn lớn bằng lòng đỏ hột gà, mỗi lần ăn một hoàn với nước sôi, mỗi ngày ăn ba, bốn lần, ăn rồi húp nước cháo nóng, uống thấy trong bụng nóng làm độ, hoặc dùng thang mỗi vị 3 chỉ, đồ 3 chén nước sắc còn 8 phân uống nóng, uống rồi húp cháo nóng. Nếu trên rốn thấy cứng thì bỏ Truật gia Quế, thỏ nhiều bỏ Truật, gia 2 chỉ Sanh-kương, hạ nhiều lại phải dùng Truật, hồi hộp gia Phục-linh, khát nước gia Truật, bụng đau gia Nhân-sâm, hàn thì gia Càn-kương, bụng đầy bỏ Truật gia Phụ-tử, uống rồi một lát húp nước cháo nóng là thấy ấm, đừng hờ áo mền.

Tứ-nghịch thang :

炙草	Chích-thảo	4 ch
干羌	Càn-kương	3 ch
生附子	Phụ-tử sống	2 ch

Đồ 3 chén nước sắc còn 8 phân uống nóng.

Thông-mạch Tứ-nghịch gia Nhân-niệu Trư-dâm-thang :

干羌	Càn-kương	6 ch
甘草	Cam-thảo	4 ch
生附子	Phụ-tử sống	2 ch

Đồ 3 chén nước sắc còn 8 phân cho một muống nước mặt lợn và nửa muống nước tiểu người uống nóng.

Quế-chỉ gia Thược-dược thang :

桂枝	Quế-chỉ	3 ch
生羌	Sanh-kương	3 ch

芍药	Thược-dược	9 ch
炙草	Chính-thảo	2 ch
大枣	Đại-tào	4 trái

Đồ 3 chén nước sắc còn 1 chén uống.

Quế-chi gia Đại-hoàng thang :

桂枝	Quế-chi	3 ch
生姜	Sanh-khương	3 ch
芍药	Thược-dược	6 ch
炙草	Chính-thảo	2 ch
大黄	Đại-hoàng	9 phân
大枣	Đại-tào	4 trái

Đồ 3 chén nước sắc còn 8 phân uống.

### KINH THIẾU-ÂM

Ma-hoàng Phụ-tử Tế-tân thang :

麻黄	Ma-hoàng bỏ gốc dất	3 ch
细辛	Tế-tân	3 ch
附子	Phụ-tử	1,5 ch

Đồ 3 chén nước sắc vị Ma-hoàng trước còn 2 chén gạt bột đi sẽ bỏ các vị kia vào sắc còn 7 phân uống nóng,

Ma-hoàng Phụ-tử Cam-thảo thang :

麻黄	Ma-hoàng bỏ gốc	3 ch
甘草	Cam-thảo	3 ch

附子 Phụ-tử 1,5 ch

Phép sắc theo như thang trên.

Thông-mạch Tứ-nghịch thang :

干羌 Can khương 6 ch

炙草 Chích thảo 4 ch

生附子 Phụ-tử sống 3 ch

Đồ ba chén nước sắc còn 8 phân uống nóng

Bạch-thông thang :

干羌 Can-khương

生附子 Phụ-tử sống

葱白 Song-bạch

Đồ 3 chén nước sắc còn 8 phân uống nóng.

Ngô-thù-du thang :

吴茱萸 Ngô-thù-du thang bào 3 ch

人參 Nhân-sâm 1,5 ch

生羌 Sanh-khương 6 ch

大枣 Đại-tảo 4 trái

Đồ nước sắc uống.

Trư-linh thang :

猪苓 Trư-linh 3 ch

茯苓 Phục-linh 3 ch

泽泻 Thạch-tả 3 ch

阿膠 A-giao 3 ch

Đồ 2 chén nước sắc 3 vị trên trước còn 1 chén bỏ cạnh bã đi sẽ bỏ A-giao vào sắc tan rồi uống.

Hoàng-liên A-giao Kê-tử-hoàng thang :

黃連 Hoàng-liên 4 ch

黃芩 Hoàng-cầm 1 ch

芍藥 Thược-dược 2 ch

阿膠 A-giao 3 ch

鷄子黃 Kê-tử-hoàng 1 chiếc

Đồ 2 chén rượu nước sắc còn 1 chén rượu bỏ cạnh bã đi sẽ bỏ A-giao vào đun cho tan để nguội một chút sẽ bỏ Kê-tử-hoàng vào khuấy cho đều rồi uống, mỗi ngày uống 3 lần.

Đại-thừa-khí thang :

(Phương này đã chua ở mục Dương-minh.)

### KINH QUYẾT-ÂM

Ô-Mai-hoàn :

烏梅 Ô-mai 93 trái

細辛 Tế-tân 6 ch

干羌 Can-khương 1 lượng

當歸 Đương-quy 4 ch

黃連 Hoàng-liên 1,6 ch

附子 Phụ-tử 6 ch



蜀椒	Thực-tiên sao	4 ch
桂枝	Quế-chi	6 ch
人參	Nhân-sâm	6 ch
黃栢	Hoàng-bá	6 ch

Cùng tán nhỏ, lấy rượu tầm Ô-mai 1 đêm rồi bỏ hột để trên nồi cơm chưng, đậm nhuyễn như bùn sẽ bỏ chung với bột thuốc kia nhào mật làm hoàn bằng hột ngô lớn, trước khi ăn uống 10 hoàn, lần lần uống đến 20 hoàn mỗi lần.

Đương-Quy Tứ-ngịch thang :

當歸	Đương-Quy	3 ch
桂枝	Quế-chi	3 ch
白芍	Bạch-thược	3 ch
炙草	Chính-thảo	2 ch
木通	Mộc-thông	2 ch
細辛	Tế-tân	2 ch
大棗	Đại-Tảo	8 trái

Đồ 3 chén nước sắc còn 8 phân uống nóng, nếu hàn-khí thịnh gia 2 chỉ rươi Ngô-thù, 8 chỉ sanh khương đồ 2 chén nước, 2 chén rượu sắc còn 1 chén rươi chia làm 2 lần uống nóng.

Bạch-dầu-ông thang :

白頭翁	Bạch-dầu-ông	1 ch
黃連	Hoàng-liên	1,5 ch
黃栢	Hoàng-bá	1,5 ch

秦皮 Tần-bì 1,5 ch

Đồ 2 chén nước sắc còn 8 pkàn uống nóng.  
Giải rõ ở trong mục Thời-phương diệu-dụng, phụ thêm  
vào môn Thương-hàn

Ôn-dịch phương :

Nhân-sâm bại-độc tán

(Phương thuốc này chua ở trong mục Ly-tật)

Phòng-phong thông-thánh tán

(Phương này chua ở trong mục Trúng-phong.)

Hoắc-hương chính-khí tán :

(Trị những chứng ngoài bị khí tứ thời bất-chính, trong bị  
đình-âm-thực, đầu nhức nóng, lạnh, hoặc hoắc-loan thổ tả,  
hoặc làm sốt nóng.)

霍香	Hoắc-hương	3 lượng
白芷	Bạch-chỉ	3 lượng
大腹皮	Đại-phúc bì	3 lượng
紫蘇	Tử-tô	3 lượng
茯苓	Phục-linh	3 lượng
陳皮	Trần-bì	2 lượng
白朮	Bạch-truật	2 lượng
厚朴	Hậu-phác	2 lượng
半夏	Bán-hạ khúc	2 lượng
吉更	Cát-cánh	2 lượng
甘草	Cam-thảo	1 lượng

Cùng tán nhỏ mỗi lần uống 5 chỉ với nước gừng sống và Đại-tảo sắc.

Thần-thánh tịch-ôn đan :

Lưu truyền ở thế-gian đã lâu, cứ ngày mồng một tháng giêng đốt một nén có thể giữ bình-an bốn mùa.

羌活	Khương-hoạt ;
香附	Hương-phụ
三奈	Tam-nại
獨活	Độc-hoạt
大黃	Đại-hoàng
赤箭	Xích-tiên
蒼朮	Trương-truật
白芷	Bạch-chỉ
甘松	Cam-tùng
雄黃	Hung-hoàng

Các vị cân lượng bằng nhau, duy có vị Thương-truật nhiều gấp đôi cùng tán nhỏ, lấy hồ hoàn bằng hòn đan lớn, lấy Hoàng-dan làm áo ngoài, đem phơi khô, cứ sáng sớm ngày một tháng giêng đốt một viên đề tịch-ôn.

## Phụ-nhân kinh sản Tập bệnh thứ 23

婦人病四物良 Phụ-nhân bệnh, Tứ-vật lương. (Bệnh của Phụ-nhân, thang Tứ-vật hay nhất).

Bệnh của Phụ-nhân cũng như Nam-tử, duy có kinh-tiền sản-hậu là khác thôi, Tể-âm cương-mục lấy thang Tứ-vật gia Hương-phụ Chích-thảo làm chủ, phạm kinh-tiền sản-hậu đều lấy thang này mà xuất nhập gia giảm.

月信準體自康 Nguyệt-tín chuẩn, thể-tự khang. (Nguyệt-tín đúng kỳ, trong mình mạnh mẽ)

Kinh thủy mỗi tháng có một lần, không có sai kỳ cho nên gọi là nguyệt-tín, hễ kinh đều thì trong mình mạnh mẽ không bệnh.

漸早至藥宜涼 Tiệm-tảo chí, dược nghi lương. (Kinh nguyệt thấy sớm là huyết-hải có nóng, nên cho uống thang Gia vị Tứ-vật, thêm những vị Tục-doạn, Địa-du, Hoàng-cầm, Hoàng-liên.

漸遲至重桂羌 Tiệm trì chí, trọng Quế-Khương (Kinh nguyệt thấy muộn, trọng dụng Quế-Khương)

Kinh-nguyệt mà thấy muộn là Huyết-hải có lạnh, nên

cho uống thang Gia-vị Tứ-vật thêm những vị Càn-khương, Nhục-quế, quá lạnh thì gia Phụ-tử.

錯雜至氣血傷 Thác tạp chí, khí huyết thương. (Thấy kinh lẫn lộn, là thương khí huyết)

Thấy kinh hoặc sớm, hoặc muộn không chừng, là do khí huyết hư mà kinh loạn vậy, nên cho uống thang trước mà gia những vị Nhân-sâm, Bạch-truật, Hoàng-kỳ.

歸脾法 主二陽 Quy-tỳ pháp, chủ Nhị-dương. (Phép thang Quy-tỳ, chủ về Nhị-dương)

Nội-Kinh nói rằng : Bệnh Nhị-dương phát, thì Tâm-Tỳ không được ăn khúc (bút rút) làm cho con gái không có nguyệt-tín nên cho uống thang Quy-tỳ,

兼鬱結 逍遙長 Kiềm uất kết, Tiêu-dao trường (Có cả uất kết, dùng thang Tiêu-dao)

Khí uất thì thương Can, lo nghĩ thì thương Tỳ, nên cho uống thang Gia-vị Tiêu-dao tán.

種玉者 即此詳 Chủng ngọc-giã, tức thử trường (Cái phép Chủng-ngọc, phải rõ như thế)

Phép chủng tử tất phải điều kinh, lấy Quy-tỳ thang trị ở góc, lấy Tiêu-dao tán trị ở dòng, và những phương thuốc ở trên đều là hay cả, bắt tất phải kiềm ở đầu, duy phụ-nhân mình mẩy béo mập sợ có mở dây ở Tử-cung, lại phải dùng thang Nhị-trần gia vị Xuyên-khung, Hương-phụ làm hoàn.

經閉塞 禁地黄 KINH bế tắc, cấm Địa hoàng. (Kinh-nguyệt bế tắc, cấm dùng vị Địa-hoàng)

Kinh bế tắc, mạch thực, bụng trướng đau cùng với bệnh Nhị-dương làm cho con gái không có kinh khác nhau, tuy thang Tứ-vật là phương thuốc thường dùng về phụ-khoa mà kinh bế với tích ứ, thực chứng thì nên bỏ vị Địa-hoàng có tánh trệ, sợ rằng giúp Xúc-huyết không hành được, gia 2 chỉ Đại-hoàng sao dấm, 1 chỉ quế, 2 chỉ Đào - nhân cho uống chừng năm sáu thang.

孕三月六君膏 Dưỡng tam - nguyệt, Lục-quân thường (Có thai ba tháng uống thang Lục-quân)

Có thai chừng trong ba tháng thường hay có chứng nôn oẹ, không ăn được tên là Ồ-trở nên cho uống thang Lục-quân, Tục thường ngờ vị Bán-hạ ngại Thai không giám dùng, nhưng không biết là thứ diệu-phẩm của Đức Trọng-Sur thường dùng. Ông Cao-Cồ-Phong nói rằng : Vị Bán-hạ hợp với Sâm Truật là thứ thuốc hay đề an thai, chỉ ầu, tiến thực.

安胎法 寒熱商 An thai pháp, hàn nhiệt thương (Phép an thai, phân ra hàn nhiệt)

Thang Tứ-vật bỏ Xuyên-khang làm chủ, Nhiệt thì gia vị Hoàng cầm, Bạch-truật, Tục-đoạn. Hàn thì gia vị Ngải-diệp, A-giao, Đổ-trọng, Bạch-truật, đại đề thai khí không yên phần nhiều là hư hàn, bọn Dung-y cho là ha chữ Thai Hỏa đề giới người gạt người không biết bao nhiêu mà kể.

難產者 保生方 Nan sản giả, Bảo-sinh phương. (Sinh sản khó, dùng phương Bảo-sinh)

Những chứng sinh ngang dễ ngược, tương thủy sớm quá, giao cốt không mở, nên cho uống thang Bảo-sản và ru tán.

開交骨 歸芎鄉 Khai giao cốt. Quy-khung  
huong (Mở giao cốt, phải dùng thang khung-quy)

Giao cốt không mở là bởi Âm-hư, nên cho uống  
thang Gia-vị Khung-quy.

血大下 補血湯 Huyết đại hạ. Bô-huyết  
thang. (Huyết ra nhiều, dùng thang bô-huyết)

Thai cũng như cái thuyền, huyết cũng như nước, nước  
đầy thì thuyền nổi, huyết ra sớm thì khô cạn mà thai phải  
trở ngại, nên cho uống thang Đương-quy bô-huyết gia 3  
chỉ Phụ tử, muốn cho khí vượng huyết thì mới sinh mau,  
và chẳng muốn khí có vượng thì mới có sức đầy ra, gia vị  
Phụ-tử là lấy tính cấp, gia rượu là để cho mau chóng cái  
công dụng của Quy Kỳ, thang Bảo-sản vô-ưu trị khi tương  
thủy chưa hành ; phương này trị khi tương thủy ra quá  
nhiều ; thang Gia vị Quy khung trị khi giao cốt không  
mở, ba phương riêng hẳn phải biết như thế.

脚小指 艾火場 Cước tiểu-chỉ, Ngải hỏa  
đương (Ngón út chân phải, lấy Ngải lửa đốt)

Ông Trương - văn - Trọng trị chứng hoành-sản (sinh  
ngang) của phụ-nhân dùng bao nhiêu phù phép thuốc thang  
không hiệu, sau lấy Ngải lớn bằng hạt đậu đốt ở dưới đầu  
nhọn ngón chân út bên chân mắt thì sinh liền hiệu liền.

胎衣阻 失笑匡 Thai-y trở, Thất-tiểu khuông  
(Thai-y ngăn trở, uống Thất-tiểu tán)

Thai-y không xuống được, nên dùng 3 chỉ Thất-tiểu  
tán thang Dấm cho uống hạ liền.

產後病 生化將 Sản hậu bệnh, Sinh hóa  
trương, (Bệnh sau khi sinh, uống thang Sinh-hóa)

Thời-y tương truyền rằng thang Sinh-hóa gia giảm để trị trăm chứng bệnh của đàn bà sau khi sinh đẻ, nếu không phải huyết đình ú ở trong mà dùng lầm thì Ngoại tà chạy vào trong Huyết-thất khí nhân đó mà bị thương, sinh ra nhiều nguy chứng, phải nên cẩn thận.

合諸說俱平常 Hợp chư thuyết, cân bình thường (Hợp các thuyết lại đều là bình thường)

Những phép ở trên đều là sáo quen dùng, bệnh nhẹ còn có thể hết, nếu trị bệnh nặng thì không có hiệu nghiệm gì cả.

資顧問亦勿忘 Tư cố vấn, diệc vật vong (khi bàn hỏi, cũng đừng quên)

Lúc bàn về trị bệnh với các ông Thày thuốc mà không bàn tới phép đó lại bị người ta cười.

精而密 長沙室 Tinh nhi mật, Trùng sa thất (Tinh mà kỹ càng, phép của Trùng-sa)

Bộ Kim-Quỹ yếu-lược quyền thứ hai mươi, hai mươi mốt, hai mươi hai, nghĩa đã tinh tường mà phép lại kỹ càng.

妊娠篇 丸散七 Nhân-thần thiên, hoàn tán thất (Trong thiên Nhân-thần, Hoàn tán bảy phần)

Trong thiên nhân-thần gồm có mười phương, Hoàn tán bảy phương, Thang có ba phương, bởi vì thang là đấng (loãng). Khi Nhân-thần phải lấy An thai làm chủ, dùng thuốc công bồ không nên mau quá, cho nên làm chậm mới hay, tức là phép thế.

桂枝湯 列第一 Quế-chi thang, liệt đệ nhất (Thang Quế-chi, đứng bậc nhất)



Thang này trị về Ngoại chứng là giải Cơ, hòa Vinh vệ, trị về Nội chứng là hóa khí, điều âm-dương, người ta chỉ biết là phương đầu về chứng Thương-hàn, đây ở thiên Nhâm-thần cho là phương bậc nhất để kê tỉnh giấc mộng của các Dung-y tức là phép này. Đức Trọng-Su nói rằng : Phụ-nhân bình-mạch, âm-mạch nhỏ yếu, khát nước mà không ăn được, không nóng, lạnh tức là nhâm-thần lấy thang Quế-chi làm chú, chú rằng Âm bác Dương biệt là có con, nay lại nói Âm mạch nhỏ yếu là chỉ có thai hai tháng lẫn khí Hạ-tiêu thế không thể mạnh được. Nhưng khi mới có nhâm thần trên dưới vốn không bệnh, nhân Tử thất có khí ngưng đầy rẫy trên dưới, cho nên lấy một vị Thục-dược để giữ Âm khí không cho tràn lên trên, lấy vị Quế-Khương Cam-thảo để phù dương khí Thượng-tiêu mà biết được vị-khí, chỉ khiến Dương khí ở Thượng-tiêu đầy đủ có thể chống được Âm-khí lấn lên là đủ, không phải trị bệnh mà trị bệnh vậy.

附半羌功超鞅 Phụ-Bán-khương, công siêu trật (Vị Phụ, Bán, Khương, công dụng tốt bậc)

Thời-Y cho rằng : vị Phụ-tử Bán-hạ truy thai mà không dám dùng, vị Càn-khương nghi là nóng cũng ít dùng, nhưng không biết vị Phụ-tử bồ chân Hỏa của Mệnh-môn để nâng Thai lên, vị Bán-hạ hòa Vị-khí để An thai, vị Càn-khương làm ấm thổ-tạng khiến cho Thai dễ lớn, Tục-tử đầu có biết.

內十方皆法律 Nội-Thập-phương, giai pháp luật (Trong mười Phương, đều là khvôn phép)

Thang Quế-chi trị Nhâm-thần ; thang Phụ-tử trị bụng đau, tiêu-phúc như quạt ; thang Phục-linh, Quế-chi trị trên

ba tháng lậu hạ, động ở trên rốn là chứng Há-cổ ; Đương-quy, Thược-độc tán trị có thai đau nhức trong bụng ; Càn-khương. Nhân-sâm, Bán-hạ hoàn trị có thai nôn óe hoải ; Đương-quy, Bối-mẫu, Khổ-sâm hoàn, có thai khó đi tiểu-tiện ; Đương-quy tán thường dùng trong lúc Nhâm-thần ; Bạch-truật tán dưỡng Thai trong lúc Nhâm-thần ; Phương nào cũng hay chói lói, biết dùng hiệu như thần, duy có Nhâm-thần có thủy khí nặng mình. tiểu-tiện không lợi, sợ lạnh, đứng lên đầu choáng váng thì dùng thang Quy-tử Phục-linh tán không ngại gì nữa-

產後篇有神術 Sản hậu thiên, hữu thần thuật (Thiên Sản-hậu, có phương thuật thần)

Cộng có chín phương thuốc.

小柴胡首特筆 Tiểu-sài-hồ, thủ đặc bút (Thang Tiểu-sài-hồ, nêu ra trước tiên)

Nhâm thần lấy thang Quế-chi làm phương thứ nhất, Sản-hậu lấy thang Tiểu-sài-hồ làm phương thứ nhất, Phụ-nhân mới sanh có ba bệnh, một là bệnh hình, hai là bệnh Uất, ba là bệnh đại-tiện khó đi, Sản-phụ uất-vị, mạch nhỏ yếu, nôn mà ỉn được, đại-tiện cứng, chỉ có đầu ra mồ hôi, lấy thang tiểu-sài-hồ làm chủ.

竹葉湯風連疾 Trúc-diệp thang, Phong kinh tật (Thang Trúc-diệp, trị chứng Phong kinh)

Kim-quỹ nói rằng : Sau khi sinh trứng phong phát nóng mặt đỏ, sưng mà nhức đầu lấy thang Trúc-diệp làm chủ Tiên-viện-Sứ chua rằng : Trứng Phong thường có bệnh Kinh, xét ra các Dung-y đối với chứng này thường dùng thang Sinh-hóa gia những vị : Khương, Quế, Kinh-giới, Ích-mẫu-thảo cho uống giết người ta vô số.

陽旦湯 功與匹 Dương đán thang, công dữ  
thất (Thang Dương-dán, công dụng ngang nhau)

Tức là thang Quế-chi thêm quế gia Phụ-tử thì sống người, nếu thang Quế-chi gia Hoàng-cầm là lằm, bởi vì Phong nhân thể Hỏa, Hỏa mượn oai Phong mà hơi đốt gân thành ra chứng Kinh thì dùng thang Trúc-diệp, nếu đã lâu vài hôm mà còn chứng sợ lạnh tức là Hàn-phong nên cho uống thang này, hai thang, một thang Hàn, một thang Nhiệt đối nhau. Đức Trọng-Sư nói rằng : sau khi sinh bị trúng phong và mười bữa không giải, đầu hơi nhúc, sợ lạnh, thường thường có nóng, bụng dưới buồn, nôn khan, đầu rằm lâu mà chứng Dương-dán vẫn còn, nên cho uống thang Dương-dán.

腹痛 條 須 詳 悉 Phúc-thống điều, tu tường  
tất (Những điều Phúc thông, phải nên tường tất)

Tám câu dưới đây đều nói về Phúc-thống khác nhau, mà phương dùng cũng khác.

羊肉湯 疴 痛 謚 Dương nhục thang, giảo  
thống mật (Thang Dương-nhục, trị chứng đau bụng)

Giảo-thống là bụng đau lằm-nhằm, tức là Hư-chứng.

痛滿煩 求 只 實 Thống mãn phiền, cầu chỉ-  
thực (Bụng đau, đầy, buồn, cầu thang Chỉ-thực)

Bụng đầy buồn không nằm được là Lý-thực, nên cho uống Chỉ-thực. Thược-dược tán, hay ở chỗ lấy cháo Mạch mà hạ.

著 臍 痛 下 痰 吉 Trước tế thống, hạ Ứ cát  
(Đau ở dưới rốn, hạ ứ huyết hết)

Trong bụng có huyết ú ở dưới rốn mà đau, nên cho uống thang Hạ-ú.

痛而煩 裏熱窒 Thống nhi phiền, lý nhiệt trất (Bụng đau và buồn, bởi lý nhiệt lấp)

Tiểu phúc đau tuy là huyết đình ú, nhưng không đi đại-tiện, về chiều buồn bực nóng nảy và nói lảm nhảm là không phải nguyên chứng huyết đình ú, huyết nhân ở trong nóng mà không hành được, chớ không phải huyết kết ở dưới, thì phải công ú mới hết được, Kim-Quý cho uống thang Đại-thừa-khí công nhiệt.

攻涼施 毋固必 Công lương thi, vô cố tất (Công, Lương đem trị, đừng có cố chấp)

Công, có thang Đại-thừa-khí, Lương, có Trúc-bì đại hoàn, Bạch-đầu-ông gia Cam-thảo A-giao thang.

Kim-Quý nói rằng . bệnh đã giải, ăn được, bầy tám bữa lại phát nóng tức là Vị-thực, lấy thang Đại-thừa-khí làm chủ, Lại nói trong vú của phụ-nhân hư phiền mà nôn ói lấy thang An-trung Ích-khí Trúc-bì đại hoàn làm chủ. Lại nói sau khi sinh mà hạ lợi, thế là hư cực, lấy thang Bạch-đầu-ông gia Cam-thảo A-giao làm chủ, đọc rồi mới biết cái thuyết của ông Đan-Khê cho rằng sau khi sinh rồi cần phải đại bổ Khí huyết làm chủ, sau nữa sẽ trị ở ngọn, thật là lằm lỏn.

雜病門 還熟讀 Tạp bệnh môn, hoàn thực độc (Những môn Tạp bệnh, nên đọc cho kỹ)

Kim-Quý nói: Tạp bệnh của phụ-nhân chỉ lấy sáu chữ (Nhân hư, Tích-lãnh, Kết-khí) làm cương mục, đoạn chót

làm ra thiên biến vạn đoan đều bởi ở Âm Dương Hư Thực mà chỉ nói về mạch Huyền Khẩn là bởi ở ban đầu Kinh trở, đại khái thuộc Hàn-khí kết thì mạch Huyền, Hàn quá thì mạch Khẩn lấy đó làm chủ mà trị.

二十方效俱速 Nhị thập phương, hiệu câu tốc. (Trong hai mươi phương, đều hiệu-nghiệm mau).

隨證詳難悉錄 Tùy chứng tường, nan tất lục (Theo chứng thì rõ, không thể chép hết được)

惟溫經帶下服 Duy Ôn-kinh, đới-hạ phục (Duy thang Ôn-kinh, trị chứng đới-hạ)

Mười hai Hà, chín thống, bảy Hạ, năm Thương, ba cổ, cộng là ba mươi sáu thứ, đều bởi kinh mà thành bệnh, gọi tóm lại là chứng Đới-hạ, tức là bệnh Đới-mạch, chớ không phải thuyết Xích-bạch đới-hạ ngày nay, thang Ôn-kinh trị đàn bà chứng Âm hạ huyết, chiều phát nóng, bàn tay buồn nóng, bụng đau, miệng khô v, v... thực ra công dụng của thang Ôn-kinh không phải trị có bấy nhiêu đó mà thôi.

甘麥湯 臟燥服 Cam-mạch thang, tạng táo phục (Thang Cam-mạch, trị tạng khô ráo)

Kim-quy nói rằng : Phụ-nhân tạng khô ráo thì đau tủi muốn khóc, hình như bệnh Thần-linh làm, thiếu sự thông thả, dùng thang Cam-mạch Đại-tảo làm chủ.

藥到咽効可卜 Dược đáo yển, hiệu khả bốc (Thuốc uống khỏi họng, thấy kiến hiệu liền)

Các Thầy thuốc ở Mân-trung thấy tôi dùng và phương

thuốc ấy có kỳ hiệu, đều biên ở sau Độc bản, đó cũng là Y phong có thay đổi, tôi lấy làm mong lắm.

道中人須造福 Đạo trung nhân, tu tạo phúc  
(Người trong đạo làm thuốc, cũng nên tạo phúc)

## NHỮNG PHƯƠNG THUỐC VỀ PHỤ-NHÂN

Tứ-vật thang : Trị trăm thứ bệnh của Phụ-nhân.

當 歸 身	Đương-qui thân	3 ch
熟 地	Thục-địa	3 ch
白 芍	Bạch-thược (sao rượu)	3 ch
川 芎	Xuyên-khung	1,5 ch

Đồ 3 chén nước sắc còn 8 phân uống, gia Chích thảo 1 chỉ, Chế Hương-phụ 2 chỉ.

Quy-tỳ thang : phương này chua ở trong mục Hu-lao.

Tiêu-dao tán : (Cảnh Nhạc)

(Trị Phụ-nhân lo uất quá độ làm thương Tâm Tỳ, khí huyết ngày khô lần tới kinh mạch không đều.)

當 歸	Đương-qui	3 ch
熟 地	Thục-địa	5 ch
芍 藥	Thược-dược	1,5 ch
炒 棗 仁	Tảo-nhân sao	2 ch
茯 神	Phục-thần	1,5 ch
炙 草	Chích-thảo	1 ch
陳 皮	Trần-bì	8 ph

遠志 Viễn-chí

5 ph

Đồ 3 chén nước sắc còn 8 phân uống.

Khí hư gia Nhân-sâm, kinh-trệ gia Hương-phụ.

Xét ra phương này tuy tầm thường, song cũng có thể  
nhuận được Dương-minh táo, cho nên theo Tục mà chép  
vào đây.

Đương-quy tán : (Kim-Quỹ)

Người gầy ốm mà có Thai hỏa không yên nên dùng :

Đương-Quy ; Thược-dược ; Hoàng-cầm ; Xuyên-  
khung

mỗi vị một cân, Bạch-truật nửa cân, cùng tán nhỏ mỗi  
lần uống 1 chỉ với rượu, ngày uống hai lần.

Người có Thai thường uống thì dễ sinh mà Thai  
mạnh, sau khi sinh, bệnh gì cũng uống được.

Bạch-truật tán (Kim-quỹ)

Đàn bà mặt trắng có Thai hàn không yên, uống  
phương này có thể dưỡng Thai được.

白朮 Bạch-truật 川芎 Xuyên-khung 川椒  
Xuyên-tiêu 牡蠣 Mẩu-lệ, cân lượng bằng nhau cùng tán  
nhỏ, mỗi lần uống 1 chỉ với rượu, ngày uống 3 lần, đêm  
1 lần, làm nhằm đau bụng gia Bạch-thược, bụng dưới đau  
nhức gia Xuyên-khung, trong bụng buồn đau ới không ă  
được gia Tể-tân Bán-hạ, uống rồi bệnh chưa bớt thì uống  
nước tiểu-mạch, khát nước thì uống nước Đại-mạch, bệnh  
đầu hết cũng cứ uống.

- Bảo-sản vô-ưu tán :



Phụ-nhân gần sinh uống một hai tễ tự nhiên dễ sinh, hoặc gặp khi sinh ngang dễ ngược, liền mấy bữa không sinh được thì uống hai ba tễ thấy thần hiệu.

當歸	Đương-quy rượu rửa	1 5 ch
川貝母	Xuyên bối-mẫu	1 ch
生黃芪	Hoàng kỳ sống	8 phân
艾葉	Ngải-diệp	9 phân
酒芍	Tửu-thược	1,2 ch
兔絲子	Thỏ-ty-tử	1,4 ch
厚朴	Hậu-phác sao gừng	7 phân
荊芥穗	Kinh-giới tuế	8 phân
只壳	Chỉ-sắc sao	6 phân
川芎	Xuyên-khung	1,3 ch
羌活	Khương-hoạt	5 ph
甘草	Cam-thảo	5 ph

Gia 3 lat gừng sống đồ 2 chén nước sắc còn 8 phân uống lúc đói bụng.

Phương này toàn dùng phép đẩy, mớ, Đương-qui Xuyên-khung, Bạch-thược để dưỡng huyết hoạt huyết, Hậu-phác để khử huyết ú, dùng để đẩy mớ huyết mạch ác lộ không đầy lấp được, Khương-hoạt, Kinh-giới để sơ khai Thái-dương, Thái-dương trị thì mọi Kinh đều trị, Chỉ-sắc để sơ lý khí kết, khiến cho Thai khí liễm mà không lo trở trệ, Ngải-diệp cho ấm Tử cung, động tới Tử cung thì Bào thai linh động, Bối-mẫu Thỏ-ty rất hay hoạt Thai

nhuận Khí, đem toàn thể Thai Khí mới lớn đủ cả thú Thiên nhiên hoạt bát, gia Hoàng-kỳ là để phù nguyên khí, nguyên khí mạnh thì có sức chuyển động, Sinh khương thông thần minh, trừ uế khí, tan lạnh chỉ ầu ề phù Chính khí, an Vị khí, Cảm-thảo hòa các thứ thuốc cho đều mà hoàn được thần pháp đầy mở, phương này nhiều người không giải được, ông Trình-sơn-Linh chú giải rất cao, cho nên chép cả ra đây.

Gia vị Quy khung thang :

川芎	Xuyên-khung	3	ch
當歸	Đương-quy	5	ch
龜板	Quy-bán sổng	3	ch

Lấy tóc ở thóp con nít mới sinh đốt bằng hột gà bỏ vào đồ 3 chén nước sắc còn 8 phân uống nóng, uống rồi lâu chừng người đi được năm dặm đường thì sinh.

Đương quy bổ huyết thang :

當歸	Đương-quy	5	ch
炙芪	Chích-kỳ	1	lượng

Đồ nước sắc uống, gia Phụ-tử 3 chỉ, hay là Quế 1 chỉ rất thần hiệu

Thất-tiểu tán

(Phương này chưa ở trong mục Tâm-phúc thống).

Sinh-hóa Thang :

當歸	Đương-quy	3	ch
川椒	Xuyên-tiên	2	ch

干 芩	Càn-kương	5 phân
乾 仁	Đào-nhân bỏ vỏ	1,5 ch
炙 草	Chích-thảo	1 ch

Đồ 2 chén nước sắc còn 8 phân uống.

Sản hậu trúng phong miệng câm, co rút hay uốn ra nên gia Kinh-giới tuệ 3 chỉ. Lại có, phương trúng phong miệng câm dùng Hoa-Đà dữ phong tán tức là một vị Kinh-giới-tuệ đem bồi dùng để cháy đen tán nhỏ rồi dùng Đồng tiện và rượu cho uống, miệng câm không đồ thuốc được thì lấy hơn 1 lượng đồ Đồng tiện vào đun sôi đồ vào lỗ mũi cho xuống.

Đương-quy Sinh-kương Dương-nhục thang :

(Phương này chưa ở trong mục Tâm-phúc thống.)

Trúc-diệp thang (Kim-quy)

(Trị sản hậu trúng phong bệnh Hình phát nóng mặt đỏ, sưng, nhức đầu :)

鮮 竹 葉	Tiên-trúc điệp	49 lá
葛 根	Cát-căn	3 ch
防 風	Phòng-phong	1 ch
吉 更	Cát-cánh	1 ch
桂 枝	Quế-chi	1 ch
人 參	Nhâm-sâm	1 ch
附 子	Phủ-tử	1 ch
甘 草	Cam-thảo	1 ch

生 羌	Sinh-khuong	5 ch
大 棗	Đại-tảo	5 trái

Đồ 3 chén nước sắc còn 8 phân uống nóng, trùm mền cho ra mồ hôi, ngày đêm uống 3 lần. Đầu cổ cứng gia thêm 5 phân Phụ-tử, ói gia bán-hạ 2 chỉ, nếu tự ra mồ hôi bỏ Cát-căn gia Quát-lâu-căn 3 chỉ, Phụ-tử 5 phân.

Sân hậu chứng Hình mười người chỉ cứu được một người, trừ phương này ra không còn phương nào hơn nữa.

Cam-mạch Đại-tảo thang :

甘 草	Cam-thảo	3 ch
小 麥	Tiểu-mạch	1,6 lượng
大 棗	Đại-tảo	10 trái

Đồ 3 chén nước sắc còn 1 chén uống. ngày uống 3 lần, chỉ chép ở Kim-quỹ có 5 phương, còn nữa không hề đăng hết được,

## Tiểu-Nhi thứ 24

小兒病多傷寒 Tiểu nhi bệnh, đa Thương-hàn (bệnh Tiểu nhi, nhiều Thương-hàn)

Ông Dụ-gia-Ngôn nói rằng : Phương thư cho rằng Tiểu nhi từ 8 tuổi trở về trước không có chứng Thương hàn, thế là nói sai, Tiểu nhi không quen lạnh, khi mới truyền vào Kinh Thái-dương thì đã mình nóng ra mồ hôi nhiều, cân mạch lay động, người mê man, thế đã trầm trọng lắm rồi, như ở Kinh đó uống lầm thuốc chết liền, còn đợi đầu tới truyền Kinh, cho nên bảo rằng không có chứng Thương-hàn, Tục gọi là Kinh-phong cũng là chứng đó.

稚陽體邪易干 Trí dương thể, tà dị can (Thân thể non dương, Tà dễ xâm nhập)

Thời Y cho non Dương là thuần Dương đó là quan-hệ về sống chết, mới mở miệng ra đã lâm rồi.

凡發熱太陽觀 Phàm phát nhiệt, Thái-dương quan (Phàm phát nóng, coi Kinh Thái-dương)

Thái-dương chủ bên ngoài trong mình người, Tiểu-nhi lỗ chân lông chưa kín để bị tà xâm nhập, thành những chứng đầu đau cổ cứng phát nóng sợ lạnh. Tiểu-nhi không nói ra được, duy sờ thấy nóng thì rõ.

熱未已變多端 Nhiệt vị dĩ, biến đa đoan  
(Nóng chưa rút, biến ra nhiều thứ)

Ông Dụ-gia-Ngôn nói rằng : thấy Tiều-nhi bị bệnh lác đầu, mình cứng chân tay co rút, trợn mắt, miệng cảm cho là kinh phong mà dùng những thuốc công đàm, trấn kinh, thanh nhiệt cho uống thì có thể chết liền, không biết rằng mạch Thái-dương bắt đầu từ khoeo mắt lên tới trán chuyên tới đỉnh đầu vào trong óc rồi xuống gáy cổ xương sống tới trong eo cho nên thành ra những chứng ở trên, lúc bấy giờ nếu dùng thang Quế-chi cho uống thì không việc gì, quá nữa biến thành chứng kinh không có mồ hôi dùng thang Quế-chi gia Cát-căn, có mồ hôi dùng thang Quế-chi gia Quát-lâu-căn, đó là phép trị kinh Thái-dương mà gồm cả kinh Dương-minh vậy, hay là chứng nóng lạnh dây dưa mà ới nhiều dùng thang Quế-chi hợp với thang Tiều-sài-hồ hay là nguyên thang Tiều-sài-hồ cho uống, đó là phép trị kinh Thái-dương mà gồm cả kinh Thiếu-dương vậy.

太陽外仔細看 Thái-dương ngoại, tử-tế khan  
(Ngoài kinh Thái-dương, nên coi rõ ràng)

Ông Dụ-gia-Ngôn nói rằng : ba bữa bệnh hết được là quý, nếu bệnh không hết mà truyền sang kinh khác thì coi chứng bệnh thuộc về kinh đó mà trị, phải nên coi cho rõ.

遵法治危而安 Tuân pháp trị, nguy nhi an  
(Theo phép trị bệnh, nguy mà yên được)

Theo phương pháp của Lục-kinh mà trị bệnh, đã chưa rõ ở trong mục Thương-hàn luận.

若吐瀉求太陰 Nhược thổ-tả, cầu Thái-âm  
(Còn chứng thổ-tả, cầu ở kinh Thái-âm)

Bệnh Thái-âm là thổ, tự lợi, không khát, chân tay ấm, bụng thường đau làm đờ cương, lấy thang Lý-trung làm chủ.

吐瀉甚變風淫 Thổ tả thậm, biến phong  
dâm (Thổ tả luôn luôn, biến chứng Phong dâm)

Thổ tả không dứt là Thổ hư mà bị Mộc-tả lấn. Tả-truyện nói rằng : Phong-dâm là mặt tật, mặt là cuối rốn của Tứ chi, tức là cái rốn bệnh co rút.

慢脾說即此尋 Mãn-tỳ-thuyết, tức thử tìm  
(Thuyết Mãn-tỳ, tìm ở đây)

Đời thường cho là chứng Mãn tỳ phong phần nhiều chết, nhưng không biết là Thái-âm Thương hàn, lúc sơ đầu bị thương Thái-âm, rồi lần lần truyền hẳn vào Thái-âm, có khi lầm đem dùng những vị Thần-khúc, Mạch-nha, Sơn-tra La-bạc-tử, Chỉ-sắc, Đinh-lich, Đại-hoàng, Qua-lâu, Đởm-nam-tĩnh, để hãm vào Thái-âm, đã vào Thái-âm thì theo phép Thái-âm mà trị, như chứng thổ tả rồi mình lạnh mồ hôi ra không dứt, chân tay cứng đờ dùng thang Lý-trung gia phụ-tử hay thang Thông-mạch Tứ-nghịch, thang Bạch-thông cho uống đó là cách trị Thái-âm mà gồm cả Thiếu-âm vậy. Như chứng Thổ-tả tay chân lạnh, buồn bực muốn chết, không thổ đồ ăn mà chỉ thổ nhớt rãi, dùng thang Lý-trung không ứng, nên dùng thang Ngô-thù để giúp thêm, đó là cách trị Thái-âm mà gồm cả Quyết-âm, còn chứng Tam-âm Nhiệt-hóa như Thái-âm, chứng bụng khi đau khi hết dùng thang Quế-chỉ gia Thược-dược, đại-tiện thực mà đau bụng dùng thang Quế-chỉ gia Đại-hoàng. Thiếu-âm : chứng h mà nôn khát, bụng buồn bực không ngủ được, nên dùng thang Chư-lich, trong bụng buồn bực không nằm được nên dùng thang Hoàng-liên A-giao. Quyết-âm : chứng tiêu

khát, hơi đưa lên thổ ra con trùng, hạ-lợi nên dùng ô-mai hoàn, hạ-lợi rồi lại muốn uống nước dùng thang Bạch-đầu-ông, những chứng ấy cũng có khi có, phải đọc kỹ Thương-hàn luận tự hiểu, nhưng đề cương không ở đó.

陰陽證 二太擒 Âm-dương chứng, Nhị-thái cầm (Chứng âm-dương, bắt hai Thái trước)

Ba Dương chỉ trị ở Thái-dương, ba âm chỉ trị ở Thái-âm đó là thủ-đoạn đánh giặc bắt vua trước, Thái-dương, Dương-minh Thiếu-dương tức là ba Dương, Thái-âm Thiếu-âm Quyết-âm tức là ba âm.

千古秘理蘊深 Thiên-cổ bí, Lý uẩn thâm (Bí quyết ngàn xưa, nghĩa lý sâu xa)

Ông Du-gia-Ngôn nói: thông lý của đạo Thuyên, được Di-nhân trao cho quyền Độc-đắc thiên cổ chỉ bí. Ông Hồ-mãng-Thần nói rằng: tập về ấu-khoa phải nên hư tâm để lãnh hội mới tránh được sự tai-uương khổ hải, nếu lập dị thuyết sẽ gây ra sự nghiệt ác vô cùng.

即痘疹此傳心 Túc đậu chẩn, thử truyền tâm (Chứng Chẩn đậu, coi đây truyền tâm)

Chứng Đậu là độc ở Tiên-thiên núp ở Mệnh-môn, nhân cảm ngoại tà mà phát ra, khi mới tấy lên dùng thang Quế-chỉ theo kinh Thái-dương để hóa khí, khí đã hóa thì độc không lưu lại, tự nhiên không có những chứng uất-nhiệt, can chi phải dùng những thuốc Liên-kiều Tử-thảo Sinh-ngưu-bàng, Sinh-dạ, Tê-giác, Thạch-cao, Cầm-liên, để tới nổi hàn thành biến chứng ư ? tới khi báo điềm đã đều muốn cho tương dây để kết vầy thì nên cầu ở kinh Thái-âm, dùng thang Lý-trung cho bổ Thờ-khí ở Trung-cung



đề cho gốc thành Tương (mủ) thoát Già (vây) cũng không cần nhờ ở sức của thang Bảo-nguyên và Lộc-nhung Nhân-nhũ Nhu-mễ Quế-viên vậy. Nếu dùng độc được đề cho thành Tương tức là làm tổn Thổ-khí ở Trung-cung rồi, còn làm sao mà thành Tương được nữa, cách trị như thế làm hại người nhiều lắm. Các sách về Đậu-chứng xưa nay chưa từng nói tới, duy có ông Trương-ân-Am biện luận đã hơi rõ cái cơ về chứng Đậu ở ngoài lời nói, thế là biết trọng đạo mà không giám khinh tiết ra chăng? Còn chứng Chấn có hơi nhẹ hơn chứng Đậu một chút, phép trị cũng phải theo như vậy. Bộ Y-học chân-truyền của ông Cao-sĩ-Tôn có phép dùng thang Quế-chi gia Kim-ngân-hoa Tử-thảo mà trị.

誰同志 度金鍼 Thùy đồng-chí, độ Kim-châm (Ai người đồng chí? độ kim-châm),

## NHỮNG PHƯƠNG THUỐC VỀ TIÊU-NHI

Không có chuyên phương về tiêu-nhi, lấy những phương ở trên chiết làm tế nhỏ dùng mà trị. Ngày nay hễ nói tới khoa Tiêu-nhi mở miệng ra thì bảo là Thực, là Kinh, là Phong, là Cam, còn dùng thuốc đại để lấy những vị Câu-đăng Tần-giao Phòng-phong Khương-hoạt Độc-hoạt Thiên-ma Tiên-hồ Toàn-yết Cương-Tâm làm thứ thuốc trừ Phong, lấy Châu-sa Ngưu-hoàng Đổm-tinh Thạch-sương-bồ Thiên-trúc-hoàng Đại-giả-thạch Thanh-đại Xích-thực Kim-ngân-hoa sắc cho uống làm thứ thuốc định Kinh, lấy Sơn-tra Thần-khúc Mạch-nha Cốc-tạ Lai-bạc-Tử Chỉ-sắc Hậu-phác Bình-lang Thảo-quả làm thứ thuốc tiêu-thực, lấy Vô-di, Phỉ-tử, Xử-quân-tử, Minh-linh-thỏ Ngũ-cốc-trùng làm thứ thuốc trị Cam, như những loại Hạnh-nhân Đinh-lịch Tửu-cầm Tang-bạch-bì Bán-hạ-khúc Trần-bì Bối-mẫu Thiên-hoa-phấn bảo là thứ thuốc hay thông dụng để điều Khí hóa Đàm, cha truyền cho con, thầy truyền cho trò để làm vật chuyên phương giết người. Ông Tiên trọng-Dương xướng ra thứ thuốc kim-thạch còn có một hai phương phải đạo, đến như thang Thiết-kính Thái-vi thì làm sai lạc đạo nhiều lắm, gần đây về Nhi-khoa chỉ dùng những thứ thuốc nói trên, nhậm ý viết ra để gây ra ác-nghiệt không biết bao nhiêu mà kể, thực lấy làm căm giận.

## TẶNG-PHỦ

### Mười hai Quan :

Linh-lan bí-diễn nói rằng : Tâm là Quan quân chủ, gần mình ở đó mà ra ; Phế là Quan Trương-truyền, trị tiể: ở đó mà ra ; Can là Quan Tướng-quân, mưu lược ở đó mà ra ; Đãm là Quan Trung-chính, quyết đoán ở đó mà ra ; Đán-trung là Quan Thần-sứ, vui mừng ở đó mà ra ; Tỳ-Vỵ là Quan Thương-lắm, nắm mùi ở đó mà ra ; Đại-trường là quan truyền-đạo, biến hóa ở đó mà ra ; Tiều-trường là Quan Thụ-thành, hóa vật ở đó mà ra ; Thận là Quan Tác-cường khéo léo ở đó mà ra ; Tam-tiều là Quan Quyết-độc, đường nước ở đó mà ra ; Bàng-quang là Quan Châu đô, tân-dịch chứa ở đó, có khí hóa thì ra. Xét ra ở đây lấy Tỳ Vỵ hợp chung là một Quan e rằng sai lầm, Thiên thích Pháp bồ-di nói rằng ; Tỳ là Quan Gián-nghị, sự hiểu biết ở đó mà ra ; Vỵ là Quan Thương-lắm, nắm mùi ở đó mà ra, lấy đó bỏ vào mới đủ số mười hai Quan.

### Nói về tâm :

Tâm là tạng Hỏa, là chủ của thân người, là nơi Thần-minh đóng ở đó. Theo lối chữ Tiều-truyện thì chữ Tâm (心) chỉ là một chữ Hỏa (火) đảo ngược đẩy thôi. Vì Tâm là tạng Hỏa, không muốn Hỏa bốc thành ngọn lửa bốc lên, cho nên chữ Hỏa viết đảo-ngược thành chữ Tâm, để ngụ ý thần diệu dụng của Hỏa vậy.

Ông Chúc-vô-Công nói rằng : một nét vạch của họ Bào nguyên là hình ngang, nếu nét ngang ấy dựng thẳng lên thì thành nét sồ ( | ) đặt nghiêng về bên tả thì thành nét phầy ( / ) ngã về bên hữu thì thành nét mác ( \ ) rút ngắn lại thì thành nét chấm ( • ) bắt ngang thì thành vòng câu ( 乙 乙 ). Nhìn hình nét chấm ( • ) thì tròn mà có tinh thần. Nhìn hình nét ngang ( — ) nét sồ ( | ) nét phầy ( / ) nét mác ( \ ) ta thấy vuông và thẳng, lối chữ biến hóa rất nhiều, nhưng chữ nào cũng không thể ngoài nét ngang, nét sồ, nét phầy, nét mác mà kết cấu thành chữ được, chỉ có chữ Tâm muốn cho lưu-động, toản, chuyển cũng không ngoài được nét ngang, nét sồ, nét phầy, nét mác được, nếu muốn tìm một chữ khác đề tác đối cũng không thể được, chữ Tâm nghĩa là mới, thần minh biến hóa mỗi ngày mỗi mới vậy. Tâm chú huyết mạch, Huyết-mạch lưu thông không đình trệ thì người ta khỏe, nếu không thế thì người ta đau yếu.

(Tâm hợp với mạch, làm cho sắc đẹp, khai khiếu ở lưỡi)

Nói về Can :

Can là tạng mộc, là nơi Hồn đóng ở đó, Can là cán, hình thể như nhánh cây, ngôi đóng ở phương Đông mà chủ về sinh khí, Thời-Y không rõ Lý, lại nói : Can không có phép bổ, chỉ nên cho mát và nên phạt, vì nêu cái thuyết Mộc khắc Thổ, mà không hiểu Hậu-thiên Bát-quái sánh với tượng Hà-đồ Tam Bát là Mộc đóng ở phương Đông tức là ngôi Hậu-thiên Cấn Tốn, Tốn ở trên, Khôn ở dưới là Quẻ Quan, Kinh-Dịch nói rằng : Xem thần-đạo của trời mà bốn mùa không sai biến ; trên Khôn dưới Chấn là quẻ Phục, Kinh-dịch nói rằng : lại được thấy cái tâm của Trời Đất, thật là nghĩa rộng lớn lắm thay !

(Can hợp với gân, làm cho cứng tốt móng chân tay, khai-khiếu ở mắt).

Nói về Tỳ :

Tỳ là tạng Thổ, chứa ý với trí, ở dưới Tâm và Phế, cho nên theo chữ Ty, Tỳ là giúp, giúp đỡ Vị khí dễ tiêu hóa món ăn, Kinh nói rằng : nạp cốc thì tốt, là ở chỗ đó. (Tỳ hợp với thịt, làm cho môi đẹp, khai khiếu ở miệng)

Nói về Phế :

Phế là tạng Kim, Phách chứa ở đó, Phế là báí (tuôn) vậy. Trong phổi có 24 lỗ, chia những khí trong, đục để đưa đi các tạng, khiến cho tuôn xuống không thể ngăn được. Nội-Kinh nói rằng : Phổi không ưa lạnh. Lại nói rằng : Hình lạnh, mà uống thứ lạnh thì Thương Phổi, đừng nên giữ cái thuyết Hỏa khắc Kim.

(Phế hợp với da, làm cho lông người tốt, khai khiếu ở mũi)

Nói về Thận :

Thận là Thủy tạng, chứa Tinh cùng chí, Ông Hoang nguyên-Hóa cho là cái gốc của tính mệnh, Lại Thận là nhậm, chủ về xương mà giữ việc khắp trong mình, cho nên người ta mạnh hay yếu là hệ ở đó, Giáp-ất kinh nói rằng : Thận là dẫn vậy, dẫn khí thông với cốt tủy, Thận là thấp, nói là Thần diệu muôn vật vậy.

(Thận hợp với xương, làm cho tốt tóc, khai khiếu ở Nhị-Âm)

Nói về vị :

Vị thuộc thổ, là Phủ của Tỳ, là Quan Thương-lâm, kho của Ngũ cốc, cho nên theo chữ Điền (ruộng) Điền :

nấm giống lúa ở đó mà ra là cái chợ của năm giống lúa. Lấy Vị là Vệ, cơm nước ăn vào trong Vị hóa đầy tinh khí đưa lên phổi thấm suốt Tứ-chỉ và khắp mình để che chở bên ngoài làm cho da lông kín đáo bền bỉ.

Nói về Đởm :

Đởm thuộc Mộc, là Phủ của Can, là quan Trung-chính, là kho Trung-thanh, mười một Kinh đều quyết ở nơi Đởm, người ta mạnh hay nhất, tà hay chính cũng ở nơi đởm, cho nên chữ theo Đam, Đởm là gánh vác, có đởm lượng mới có thể gánh vác được việc thiên-hạ, Can chủ nhân, nhân thì không nở, cho nên phải lấy Đởm đoán, Đởm ở khoảng lá ngắn của Can, nhân thì tất có mạnh vậy.

Nói về Đại-trường, Tiểu-trường :

Đại-trường là quan Truyền-đạo, biến hóa ở đó mà ra. thuộc Kim, là Phủ của Phế. Tiểu-trường là quan Thụ-thành (chịu đựng) hóa-vật ở đó mà ra, thuộc Hỏa, là Phủ của Tâm, người ta ăn cơm nước, Tỳ-khí hóa mà đưa lên trên, Trường thời hóa mà đưa xuống dưới, ý trường là sừng vậy, mới có thể sừng đạt được cái khí ở trong Vị, hễ Trường thông sừng được là người mạnh, nếu không thông sừng là người bệnh.

Nói về Tam-tiêu :

Tam-tiêu là khí ở trên, giữa, dưới ba tiêu vậy. Tiêu là nóng, trong bụng đầy khí nóng bủa khắp để thông điều đường nước, là Phủ của Tâm Bào-lạc, thuộc Hỏa, Thượng-tiêu không trị thì nước tràn ở Cao-nguyên. Trung-tiêu không trị thì nước đọng ở Trung-quần. Hạ-tiêu không trị thì nước đọng cả Nhị-tiên. Tam-tiêu khí trị thì mạch lạc thông

mà đường nước lợi, cho nên gọi là quân Quyết-độc (khai-thông).

Nói về Thủ-tâm-chủ (tức là Tâm Bào-lạc)

Tâm là chủ-tể của Ngũ-tạng Lục-phủ, còn Bào-lạc là Tướng-hỏa ngoại-vệ của Quân-chủ, thay Quân-chủ mà làm việc, cho nên cũng có Chủ danh, sao lại thêm vào Thủ, bởi vì Thủ quyết-âm mạch thuộc Tâm bào, Thủ Tam-dương mạch tản mát mà truyền sang Tâm-bào, thế là Thủ cùng Tâm hợp, cho nên Tâm-bào-lạc cũng gọi là Thủ-tâm-chủ, trong 5 tạng thêm một tạng này nữa là sáu tạng vậy.

Nói về Bàng-Quang :

Bàng-Quang thuộc Thủy, là Phủ của Thận, Kinh nói Bàng-Quang giữ việc Châu-đô, tân-dịch chứa ở đó, hễ khí hóa thì tân dịch ra được, ý nói được khí hóa thì tân dịch tiết ra ngoài mà tư nhuận tới da lông vậy. còn chuyên giữ về thủy đạo thì ở Tam-tiêu-phủ, cho nên Kinh nói Tam-tiêu coi việc khơi đào cho thủy đạo ra, ý nói khí nóng bủa khắp, khiến cho thủy đạo xuống phía dưới mà thành ra đi đại vậy. Hai chữ xuất ở Nội-kinh, một là xuất ra ngoài, hai là xuất xuống dưới, ngàn xưa ít ai hiểu cái ý đó, nay xin đem giải rõ ra, lại Bàng là một bên, Quang là sáng, ý nói là nguyên-khí ở khí-hải đầy đủ thì tân dịch chạy khắp các nơi mãi mãi, mà số thịt da lông đều nhờ đó mà sáng láng vậy.

Nói về Mệnh-Môn :

Việt-nhân chỉ Hữu-thận là Mệnh-môn, các nhà cho là không đúng, Tôi xét ở Nội-kinh ; Thái-dương gốc ở Chí-âm, kết ở Mệnh-môn, Mệnh-môn tức là ruột vậy.

Thiên-linh khu kết căn, Thiên Vệ-khí với Tố-Vấn Âm-đương tạp hợp luận, ba thuyết đều giống nhau. Sau đọc tới kinh Hoàng-dinh nói rằng : phía trên có Hoàng-dinh, phía dưới là Quan-nguyên, phía sau có U-môn, phía trước có Mệnh-môn, mới hiểu rõ là nơi của Mệnh-môn ở đó. Phàm người ta trước khi thụ sinh, Tiên-thiên tinh khí tụ ở dưới rốn giữa khoảng Quan-nguyên Khí-hải, về Đản bà thì có thể lấy tay mà sờ thấy được, tức Tục kêu là Sản-môn, còn về Đản ông thì tới khi tiết tinh mới có thể biết được, đó tức là chìa khóa Bắc-môn, là nơi chỉ mệnh của người ta vậy. Lại xét theo thuyết Bẩy Xông-môn của Việt-nhân bảo Phi-môn tức là môi, Hộ-môn tức là Răng, Hấp-môn tức là Hội-áp, Bí-môn là phía trên miêng Vị, U-môn là dưới cuống Đại-trường, Lan-môn là dưới cuống Tiểu-trường, Phách-môn tức là Giang-môn vậy, khi đi ỉa đi đái bởi khí hóa ấy mà ra, lại thêm lỗ đi đái là khí-môn, phàm đã gọi là cửa tức là nơi ra vào vậy. Phụng chỉ thân hình người : ta trước khi chưa sinh, giữa lúc cha mẹ giao tế, đản ông xuất tinh do cửa ấy mà ra, đản bà thụ tinh cũng do cửa ấy mà vào, tới khi Thai-nguyên đủ hình lại do cửa ấy mà sinh ra, cho nên ngoài tám cửa chông lên gọi là Mệnh-môn vậy, còn như Đốc-mạch mười bốn đốt, trong đó có huyết Mệnh-môn, đó là chỉ ngoại-du mà nói, chớ không phải Mệnh-môn ở nơi đó vậy.



## VẬN KHÍ

Cái thuyết của Ông Trương-Phi-Trù cho rằng : Vận khí không đủ làm bằng.

Lời Ngạn nói rằng : làm thuốc mà không đọc năm Vận, sáu khí coi khắp các phương thư, thì có ích gì cho nghề làm thuốc, cho nên hễ ai hơi hiểu Y lý một chút là chỉ lấy Tư-Vận làm cốt-yếu, nhưng có biết đâu những thiên Thiên-nguyên-kỷ vốn không phải nguyên văn của Tổ-Vận, đó là họ Vương lấy Âm-Dương đại-luận bỏ vào trong kinh, người đời sau tưởng là cách ngôn của bực Thánh đời xưa, thì ai còn dám bảo là không phải, nhưng thực ra không có quan hệ gì với Y đạo hết, phương chi trong bài luận có nói rõ rằng : thời có thường-vị mà khí không nhất định, thế mà còn đem ra bàn đi bàn lại chẳng qua xét cho cùng cái lý mà thôi. Ví dầu thẳng phục có thường mà chính phương Nam Bắc, bốn phương có nơi cao, nơi thấp, bốn mùa có thuận trái khác nhau, trong khoảng trăm bước có nơi mưa, nơi nắng, ngoài ngàn dặm có chỗ lạnh, chỗ ấm khác nhau, có thể nào lấy phép nhất định mà lường được cái biến phi thường chẳng ? nếu coi đề đem ra bàn luận với nhau thì được, còn chấp nhất đề đem ra trị bệnh thì thực là không thông vậy.

## BAN VỀ CHỨNG SẢN-HẬU KINH-PHONG

Đây là kinh Thái-dương ở bài luận Thương-hàn, trong chứng ấy có chứng Cương-hình và chứng Nhu-hình ; người đàn bà mới sinh huyết ra nhiều quá, Âm hư Dương thịnh, hễ cảm mạo thì phát nóng, cùng với Tiểu-nhi huyết mạch chưa đầy, Dương có dư, Âm thì không đủ, cho nên dễ bị Thương-hàn cũng giống nhau, bởi thế mới có chứng Tiểu-nhi kinh-phong, nhân đó lại có tên Sản-hậu kinh-phong nếu theo về mặt cảm mạo dùng những thứ thuốc giải cơ, giải biểu mà trị thì phần nhiều còn sống được, còn theo về mặt kinh-phong dùng những thuốc Kim-thạch, ngu-hoàng mà trị thì muôn người chết cả muôn người. Than ôi ! Phụ-nhân và Tiểu-nhi sao không may bị chết oan về hai chữ kinh-phong như vậy ? Đời Tiên-Minh có quyền Y-môn pháp-luật của Du-gia-ngôn Tiên-sinh giải thích rất tinh tường, nay xin kính cần chép một đoạn cùng với Môn-nhân vấn đáp ở trong quyển sách đó, để kêu tỉnh những vị làm thuốc ở đời.

Môn-nhân hỏi rằng : Thưa Thầy một chứng kinh-phong tuy ở trong cô-diễn không thấy nói tới, nhưng truyền lại đã đến ba trăm năm nay, dấu Thầy đã sửa chữa chỗ sai lầm, mà những bọn đần độn vẫn còn ngờ vực, vậy xin Thầy giảng giải cho rõ ra để mở mắt cho những bọn mờ điếc ? Gia-Ngôn Tiên-sinh đáp rằng ? câu hỏi ấy cũng

đã nhiều, nay ta vì các con mà phá những chỗ ngờ vực, và hơn nữa để phá hết những chỗ ngờ vực của thiên-hạ đời sau nữa; bởi vì những đứa Tiều-nhi mới sinh cùng với những đứa trẻ, nhỏ da, thịt, gân, xương, tạng, phủ, huyết mạch chưa được đầy đủ, chân Dương thì có dư, mà chân Âm thì chưa đủ, không thể so sánh với người lớn Âm Dương đã giao thịnh, Duy chân Âm chưa đủ, chân Dương có dư cho nên trong mình dễ sinh ra nóng, nóng nhiều thì sinh Đàm, sinh Kinh, sinh Phong, đó là cái thể phải vậy; nếu bảy giờ cứ lấy thẳng bốn chữ: Nhiệt, Đàm, Phong, Kinh mà đặt tên thì người sau không tới nỗi nhận sai, bởi vì bỏ hai chữ mà chỉ lấy chữ Kinh để đầu, chữ Phong để cuối, bèn cho là chứng bệnh kỳ đặc lại bảo là bệnh ấy có tám hậu; thấy đầu tay cứng thì đặt tên là chứng co rút; thấy bóng chốc miệng căm, co chân lại thì đặt tên là chứng mắt xéch, bụng loạn và co quắp; thấy xương sống cứng và uốn ra thì đặt tên là chứng uốn ván, tên gọi khác nhau, tự bầy đặt ra, hễ gặp những chứng ấy ai cũng lấy làm kỳ lạ lo sợ. Nhưng không hiểu rằng da thịt và lỗ chân lông của đứa Tiều-nhi chưa kín, nên dễ bề cảm mạo phong hàn, phong hàn đã trúng, trước hết trúng vào kinh Thái-dương, mạch của Thái-dương bắt đầu từ trong mí mắt đưa lên trán tới đỉnh đầu vào trong óc rồi trở xuống cổ, gáy giáp xương sống đưa xuống đến eo lưng, cho nên gân mạch căng cứng, mới sinh ra những chứng co rút, uốn ngửa ra, cong rút lại, nếu mà dùng thuốc Kim-thạch trấn bên ngoài, tà chạy vào sâu trong Tạng Phủ, muôn ngàn đứa trúng thì muôn ngàn đứa chết, gián hoặc có đứa trẻ thân thể bền chắc, chứng bệnh nhẹ nhàng, may mà bệnh hết, lại cho là thuốc thần tiên rồi giữ lấy làm Môn thuốc chuyên môn, dẫu mỗi ngày có giết chết bao nhiêu đứa trẻ cũng

không biết là tội, trong khoảng trăm năm, xa ngoài ngàn dặm, nêu có một hai vị Minh triết cũng không thể vạch rõ ra những chỗ nghi ngờ đó, như trong phương nói rằng đứa Tiều-nhi từ tám tuổi trở về trước không có chứng Thương-hàn, những lời nói hồ đồ đó lại tự bực cao-minh xướng ra, càng làm dựng nêu cho cái thuyết Kinh - phong là có, không từng nghĩ tới đứa Tiều - nhi không quen lạnh, mới truyền vào kinh Thái-dương thì đã cứng mình nhiều mồ hôi, gân mạch gắng động mê man không biết gì, nếu đầu thuốc loạn bậy sẽ bị chết liền, còn đâu mà thấy truyền kinh giải tán nữa ? Chỉ bởi lầm là Tiều-nhi không Thương-hàn vậy, nào có biết đâu Tiều-nhi dễ bề ngoại cảm, dễ bề phát nóng, Thương-hàn rất nhiều mà đòi cho rằng Kinh-phong là thể đó, Tiều-nhi Thương-hàn cốt ở trong ba bữa hết được là quý, nếu đợi tới truyền kinh rồi mới giải thì không thể được, Lại chứng Cương-hình thì không có mồ hôi, chứng Nhu-hình thì ra nhiều mồ hôi, Tiều-nhi ít chứng Cương - hình mà nhiều chứng Nhu-hình, Thầy thuốc thấy mồ hôi ra hoài, mê man không tỉnh, liền cho là chứng kinh-phong mà dùng những-vị Sâm, Kỳ, Truật, Phủ làm bít những lỗ chân lông, để nhiệt tà không thoát ra ngoài được, cũng là cái hại lớn, so với thuốc kim-thạch cũng một mười một chín vậy. Phàm trị chứng nóng của Tiều-nhi cần nhất phải mở cho thông ra ngoài, chớ không nên dễ nhập vào trong, đức Trọng-Cảnh đã có phép trị bằng thang Quế-chỉ, nếu bỏ mà không dùng lại theo phép của Ông Đông-Viên trị về mặt nội-thương thì sai một ly đi một dặm, vậy khải nên suy xét cho kỹ càng. Lại bàn về người đàn bà mới sinh ra huyết quá nhiều, Âm hư Dương thịnh, khi cảm mạo cũng phát nóng cùng với Tiều-nhi như nhau, Thầy thuốc đều cho là chứng sản-hậu kinh-

phong lại càng nực cười nôn ruột, Nên biết rằng ta bẻ cái thuyết kinh-phong, không phải là ta bảo không có bệnh Kinh đầu, đứu Tiều-nhi thần khí yếu nhất, kể gặp vật gì lạ, tiếng gì lạ thì sợ hãi mà té ngựa ra đều sinh ra chứng Kinh, như mặt xanh, phần xanh buồn bực la khóc hoài, chớ không giống như chứng nhiệt tà bit lỗ, thần khí mê man, nếu có khoa chuông bản súng ở trước mặt cũng không hay biết gì hết, vậy phải nên suy xét ngẫm nghĩ cho kỹ thì mới rõ cái thuyết Kinh-phong là bầy đặt. Các con đã theo học ta, hàng ngày ta giảng giải đưa tới nghĩa sáng tỏ, rửa sạch phổi, ruột tự nhiên tỉnh ngộ không khác gì uống nước ở nơi Thượng-trì, nhưng phải tìm hiểu ở trong lời nói, chớ không thể nói truyền ra hết được.

## CHUNG

## MỤC LỤC

<i>Chương XII</i>	TRƯỜNG-MÃN CỒ-TRƯỜNG và BÀI THUỐC	15
<i>Chương XIII</i>	THỬ-CHỪNG và BÀI THUỐC	23
<i>Chương XIV</i>	TIẾT-TẢ và BÀI THUỐC	32
<i>Chương XV</i>	HUYỀN-VỤNG và BÀI THUỐC	36
<i>Chương XVI</i>	ÀU-THỔ-YẾT và BÀI THUỐC	41
<i>Chương XVII</i>	ĐIÊN-CUÔNG-GIẢN và BÀI THUỐC	47
<i>Chương XVIII</i>	NGŨ-LÂM LONG-BỂ XÍCH-BẠCH-TRỌC DI-TINH và BÀI THUỐC	51
<i>Chương XIX</i>	SẢN-KHÍ và BÀI THUỐC	62
<i>Chương XX</i>	ĐÂM-ÂM và BÀI THUỐC	67
<i>Chương XXI</i>	TIÊU-KHÁT và BÀI THUỐC	79
<i>Chương XXII</i>	THƯƠNG-HÀN ÔN-DỊCH và BÀI THUỐC	84
<i>Chương XXIII</i>	PHỤ-NHÂN KINH ẮN TẠP-BỆNH và BÀI THUỐC	106
<i>Chương XXIV</i>	TIÊU-NHI và BÀI THUỐC	124
	TẠNG-PHỦ	131
	VẬN-KHÍ	137
	BÀN VỀ CHỨNG SAN-HẬU KINH-PHONG	139

# Đính chính

- Trang 56 hàng 22 chữ 龜胆折  
đọc là : 龍胆折
- Trang 57 hàng 1 câu nhiều âm mọng thất tinh  
đọc là : *nhieu âm mọng thất tinh*
- Trang 63 hàng 5 câu Tam-cang Hồi hương hoàn  
đọc là : *Tam-tăng Hồi-hương hoàn*
- Trang 101 hàng chót chữ : Thạch-tả  
đọc là chữ : *Trạch-tả*
- Trang 108 hàng 19 chữ : Xuyên-khang  
đọc là chữ : *Xuyên-khang*
- Trang 112 hàng 15 câu : nên ra trước tiên  
đọc là : *nên ra trước tiên*  
hàng 20 câu : nòn mà ăn được  
đọc là : *nón không ăn được*  
hàng 22 chữ : 風連疾  
đọc là : 風痙疾
- Trang 112 hàng 15 câu : hễ dăng hết được  
đọc là : *thê dăng hết được*
- 

Mỗi quyển đều có con dấu và  
chữ ký của dịch giả

**CỰ TRẦN - DUY - BÌNH**

226, Đinh-tiên-Hoàng, 226

**ĐAKAO - SAIGON**